

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUÂN ĐỘI

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100283873 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 30/09/1994, đăng ký thay đổi lần thứ 38 ngày 22/9/2015)



NGÂN HÀNG QUÂN ĐỘI

PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số M/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 12 năm 2016)

TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB



Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội

Địa chỉ: Số 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 6277 7222

Fax: (84-4) 6266 1080

Website: www.mbbank.com.vn

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

Địa chỉ: Số 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3726 2600

Fax: (84-4) 3726 2601

Website: www.mbs.com.vn

Phụ trách công bố thông tin

Họ tên: Ông Lê Công

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Điện thoại: (84 - 4) 6277 7222

Fax: (84-4) 3762 1509

Địa chỉ: Số 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUÂN ĐỘI

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100283873 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 30/09/1994, đăng ký thay đổi lần thứ 38 ngày 22/9/2015)



PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số . . . /CN-UBKdo Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày . . . tháng . . . năm . . .)

TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB



Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại: từ ngày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội

Địa chỉ: Số 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 6277 7222

Fax: (84-4) 6266 1080

Website : www.mbbank.com.vn

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

Địa chỉ: Số 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3726 2600

Fax: (84-4) 3726 2601

Website : www.mbs.com.vn

Phụ trách công bố thông tin

Họ tên: Ông Lê Công

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Điện thoại: (84 - 4) 6277 7222

Fax: (84-4) 3762 1509

Địa chỉ: Số 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội



NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUÂN ĐỘI

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100283873 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 30/09/1994, đăng ký thay đổi lần thứ 38 ngày 22/9/2015)



NGÂN HÀNG QUÂN ĐỘI

PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Quân đội

Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần

Tổng số lượng phát hành: 31.181.818 cổ phần

Trong đó:

+ Phát hành cổ phiếu bổ sung cho cổ đông hiện hữu của MB: 4.000.000 cổ phần

+ Phát hành cổ phiếu để hoán đổi cho các cổ đông (ngoài MB)
của Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà: 27.181.818 cổ phần

Tổng giá trị phát hành: 311.818.180.000 đồng

TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH VÀ HỖ TRỢ HOÁN ĐỔI:

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

Địa chỉ: Số 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3726 2600

Fax: (84-4) 3726 2601

Website : www.mbs.com.vn



TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Báo cáo tài chính năm 2013, 2014 được kiểm toán bởi:

Công ty TNHH KPMG Việt Nam

Điện thoại : (84-4) 3946 1600 **Fax:** (84-4) 3946 1601

Địa chỉ : Tầng 46, Tòa nhà Keangnam, Hà Nội

Website : www.kpmg.com.vn



MỤC LỤC

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	6
1.	Rủi ro lãi suất.....	6
2.	Rủi ro tín dụng.....	6
3.	Rủi ro ngoại hối.....	7
4.	Rủi ro thanh khoản.....	7
5.	Rủi ro luật pháp.....	8
6.	Rủi ro của đợt chào bán.....	8
7.	Rủi ro sáp nhập.....	8
8.	Rủi ro khác.....	9
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG TÀI LIỆU CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	10
1.	Tổ chức phát hành.....	10
2.	Tổ chức tư vấn.....	10
III.	CÁC KHÁI NIỆM.....	11
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	14
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	14
2.	Một số thông tin cơ bản về Ngân hàng.....	15
3.	Cơ cấu tổ chức của Ngân hàng.....	16
4.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Ngân hàng và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên vốn thực góp.....	20
5.	Danh sách công ty mẹ và công ty con của Ngân hàng, những công ty mà Ngân hàng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Ngân hàng.....	24
5.1	Công ty nắm cổ phần chi phối đối với MB.....	24
5.2	Công ty con của MB.....	25
6.	Tổng hợp quá trình tăng vốn.....	29
7.	Dịch vụ và các hoạt động kinh doanh.....	30
7.1	Giới thiệu chung.....	30
7.2	Các dịch vụ và hoạt động chính của MB.....	30
8.	Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2013, 2014 và 9 tháng đầu năm 2015.....	46
8.1	Kết quả hoạt động kinh doanh của MB.....	46
8.2	Những nhân tố ảnh hưởng kết quả kinh doanh của MB trong năm báo cáo.....	46
9.	Vị thế của MB trong ngành.....	48
9.1	Triển vọng phát triển của ngành ngân hàng.....	48
9.2	Vị thế của MB trong ngành ngân hàng.....	49
10.	Chính sách đối với người lao động.....	51
10.1	Cơ cấu lao động tại thời điểm 30/9/2015.....	51
10.2	Đánh giá nguồn nhân lực.....	51
10.3	Chế độ đối với người lao động.....	52
11.	Chính sách cổ tức.....	53
12.	Tình hình hoạt động tài chính.....	53
13.	Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành.....	54
13.1	Ban Kiểm soát.....	70
13.2	Ban điều hành.....	74
14.	Tài sản.....	84

15.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong những năm tiếp theo.....	87
15.1	Định hướng chiến lược của MB trong những năm tới.....	87
15.2	Giả thuyết và căn cứ dự báo kế hoạch.....	87
15.3	Kế hoạch kinh doanh lợi nhuận và cổ tức năm 2015.....	88
16.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	89
17.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của MB.....	89
18.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới MB mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phần chào bán.....	89
V.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC CÓ CỔ PHIẾU ĐƯỢC HOÁN ĐỔI.....	90
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	90
1.1	Giới thiệu chung về tổ chức có cổ phiếu được hoán đổi.....	90
1.2	Quá trình hình thành, phát triển.....	91
2.	Cơ cấu tổ chức công ty.....	92
3.	Sơ đồ tổ chức, quản lý của Công ty.....	93
3.1	Đại hội đồng cổ đông.....	94
3.2	Hội đồng quản trị.....	94
3.3	Ban Kiểm soát:.....	94
3.4	Ban Tổng Giám Đốc điều hành.....	95
3.5	Kiểm toán nội bộ:.....	96
3.6	Các phòng ban nghiệp vụ:.....	97
4.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại.....	101
4.1	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty.....	101
4.2	Cổ đông sáng lập.....	101
4.3	Cơ cấu cổ đông Công ty.....	102
5.	Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký đăng ký giao dịch, những công ty mà tổ chức đăng ký đăng ký giao dịch đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký đăng ký giao dịch.....	103
5.1	Công ty mẹ; Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà.....	103
5.2	Những công ty con; những công ty mà Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối.....	103
6.	Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty.....	103
7.	Hoạt động kinh doanh.....	104
7.1	Sản phẩm và dịch vụ cung cấp:.....	104
7.2	Cơ cấu doanh thu, chi phí, lãi/lỗ.....	109
7.3	Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn.....	111
7.4	Thị trường hoạt động.....	111
7.5	Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đang thực hiện.....	111
8.	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013, 2014 và 9 tháng đầu năm 2015.....	112
8.1	Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của SDFC năm 2013, 2014 và 9 tháng đầu năm 2015.....	112
8.2	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo.....	112
9.	Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	113
9.1	Vị thế của công ty trong ngành.....	113
9.2	Triển vọng phát triển của ngành.....	113
9.3	Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.....	114
10.	Chính sách đối với người lao động.....	114
10.1	Số lượng và cơ cấu (theo trình độ) người lao động trong công ty.....	114

10.2	Chính sách đối với người lao động	114
11.	Chính sách cổ tức.....	115
12.	Tình hình tài chính.....	115
13.	Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng	117
13.1	Hội đồng quản trị	118
13.2	Ban Tổng Giám đốc.....	125
13.3	Ban kiểm soát	127
13.4	Kế toán trưởng	131
14.	Tài sản	132
15.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức có cổ phiếu được hoán đổi	133
16.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu được hoán đổi	133
VI.	CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH	134
1.	Loại cổ phần:	134
2.	Mệnh giá:	134
3.	Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán:	134
4.	Tỷ lệ chuyển đổi và căn cứ xác định tỷ lệ chuyển đổi	134
4.1	Tỷ lệ chuyển đổi	134
4.2	Căn cứ xác định tỷ lệ chuyển đổi.....	134
5.	Đối tượng chuyển đổi	135
6.	Thời gian dự kiến phát hành:	135
7.	Phương thức phân phối.....	135
8.	Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	136
9.	Các loại thuế có liên quan.....	137
VII.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT PHÁT HÀNH	138
1.	TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH VÀ ĐẠI LÝ HOÁN ĐỔI:.....	138
2.	TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:	138
VIII.	Ý KIẾN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN.....	139
IX.	PHỤ LỤC	139
1.	Phụ lục I:.....	139
2.	Phụ lục II:	139
3.	Phụ lục III:.....	139
4.	Các phụ lục khác.....	139
X.	NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN	140

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của MB tại thời điểm 30/09/2015.....	20
Bảng 2: Danh sách những người có liên quan đến các cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên tại thời điểm 30/09/2015	21
Bảng 3: Danh sách cổ đông sáng lập	23
Bảng 4: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 30/09/2015.....	24
Bảng 5: Danh sách Công ty con tại 30/09/2015.....	25
Bảng 6: Danh sách Công ty liên kết tại 30/9/2015.....	28
Bảng 7: Tổng hợp quá trình tăng vốn từ năm 2006 đến nay.....	29
Bảng 8: Cơ cấu huy động vốn của MB.....	31
Bảng 9: Dư nợ cho vay theo kỳ hạn.....	32
Bảng 10: Dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng.....	32
Bảng 11: Dư nợ cho vay theo ngành nghề.....	33
Bảng 12: Phân loại nợ và tỷ lệ nợ xấu của MB.....	36
Bảng 13: Trích dự phòng	37
Bảng 14: Tình hình trích lập dự phòng của MB	38
Bảng 15: Các dự án đang đầu tư xây dựng mới và cải tạo trụ sở văn phòng của MB	43
Bảng 16: Các dự án bất động sản do các Công ty con của MB tham gia đầu tư.....	43
Bảng 17: Kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.....	46
Bảng 18: Cơ cấu lao động của MB tại 30/9/2015.....	51
Bảng 19: Tỷ lệ cổ tức chi trả giai đoạn 2013 – 2014	53
Bảng 20: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	53
Bảng 21: Thống kê tài sản cố định hữu hình tại thời điểm 30/9/2015	84
Bảng 22: Thống kê tài sản cố định hữu hình tại thời điểm 31/12/2014	84
Bảng 23: Thống kê tài sản cố định vô hình tại thời điểm 30/9/2015	84
Bảng 24: Thống kê tài sản cố định vô hình tại thời điểm 31/12/2014	85
Bảng 25: Quyền sử dụng đất và các bất động sản đầu tư của MB tại thời điểm 30/9/2015.....	85
Bảng 26: Dự kiến kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức MB năm 2015	88
Bảng 27: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của SDFC.....	101
Bảng 28: Danh sách cổ đông sáng lập của SDFC.....	101
Bảng 29: Cơ cấu cổ đông của SDFC	102
Bảng 30: Cơ cấu, tỷ trọng nguồn vốn huy động	104
Bảng 31: Dư nợ cho vay theo kỳ hạn trong giai đoạn 2013-2014 đến hết Quý 3/2015	105
Bảng 32: Phân loại nợ và tỷ lệ nợ xấu trong giai đoạn 2013-2014 đến hết Quý 3/2015.....	105
Bảng 33: Trích lập dự phòng cho các khoản cho vay khách hàng.....	106
Bảng 34: Chứng khoán đầu tư	107
Bảng 35: Cơ cấu Doanh thu từ lãi và các khoản thu nhập tương tự.....	109
Bảng 36: Cơ cấu chi phí lãi và các chi phí tương tự	110
Bảng 37: Thu nhập lãi thuần.....	110
Bảng 38: Các khoản thu nhập từ hoạt động khác.....	110
Bảng 39: Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	112
Bảng 40: Cơ cấu lao động của công ty	114
Bảng 41: Mức thu nhập bình quân của người lao động trong công ty	115
Bảng 42: Một số chỉ tiêu tài chính	115
Bảng 43: Tình hình Tài sản cố định tại ngày 31/12/2014.....	132
Bảng 44: Tình hình Tài sản cố định tại ngày 30/09/2014.....	133

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất phát sinh khi có chênh lệch về kỳ hạn tái định giá giữa tài sản nợ và tài sản có của ngân hàng gây ra sụt giảm về thu nhập lãi (NII) hoặc sụt giảm giá trị kinh tế của vốn (EVE) khi lãi suất thị trường biến động theo hướng bất lợi cho Ngân hàng.

MB thực hiện quản lý rủi ro lãi suất theo nguyên tắc thận trọng. Trạng thái rủi ro lãi suất của Ngân hàng được đo lường thông qua các công cụ, mô hình hiện đại và quản lý bằng việc thiết lập các loại hạn mức, đồng thời thực hiện cơ chế theo dõi, giám sát hàng ngày, hàng tuần. Việc thực hiện các báo cáo trên được thực hiện bởi đơn vị Quản trị rủi ro chuyên trách sau đó được báo cáo tới Ban Lãnh đạo Ngân hàng, Ủy ban ALCO. Dựa trên báo cáo và những nhận định về diễn biến, xu hướng của lãi suất trên thị trường trong các cuộc họp hàng tháng của Ủy ban ALCO, ủy ban sẽ quyết định duy trì các mức chênh lệch thích hợp để định hướng cho các hoạt động của Ngân hàng cũng như đề ra chiến lược bảng cân đối hoặc chiến lược phòng vệ rủi ro (hedging) phù hợp.

2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro do khách hàng được cấp tín dụng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình theo hợp đồng tín dụng với Ngân hàng hoặc đối tác không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ thanh toán khi đến hạn trong giao dịch với Ngân hàng.

Để quản trị rủi ro tín dụng một cách hiệu quả, các ngân hàng đều phải thiết lập khung quản trị rủi ro phù hợp đảm bảo nhận diện, đánh giá, đo lường, giám sát, quản lý danh mục rủi ro tín dụng đầy đủ, kịp thời.

MB đã và đang thiết lập hệ thống khung quản trị rủi ro tín dụng đáp ứng được chiến lược kinh doanh tổng thể của MB, tiệm cận với thông lệ quốc tế, đảm bảo kiểm soát tốt rủi ro - cân bằng giữa rủi ro và thu nhập, cụ thể:

- (1) Khung quản trị rủi ro tín dụng được tổ chức theo mô hình “ba vòng kiểm soát” cho phép tách bạch trách nhiệm giữa các chức năng kinh doanh, quản lý rủi ro và kiểm toán nội bộ hỗ trợ tốt nhất cho công tác phát triển kinh doanh nhưng đồng thời đảm bảo các nguyên tắc quản trị rủi ro.
- (2) Hệ thống chính sách, quy định liên quan đến hoạt động tín dụng được thiết lập đầy đủ phù hợp với định hướng của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước và khẩu vị, định hướng kinh doanh của MB từng thời kỳ.
- (3) Các quy trình tín dụng được thiết kế chặt chẽ từ khâu bán hàng – thẩm định – phê duyệt – vận hành - quản lý và thu hồi nợ, mỗi bước của quy trình đều quy định rõ chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm của từng đơn vị và mỗi hoạt động của một quy trình, công việc đều đảm bảo nguyên tắc “4 mắt” – có ít nhất 1 người thực hiện và 1 người kiểm soát. Bộ máy thẩm định, phê duyệt, vận hành được tổ chức tập trung tại Hội sở và có cơ chế phân quyền rõ ràng, đảm bảo nguyên tắc độc lập khách quan với bộ phận kinh doanh, có tính chuyên môn hóa cao.
- (4) Công cụ quản trị rủi ro tín dụng được chú trọng đầu tư xây dựng phù hợp với chuẩn mực quốc tế như: Hệ thống xếp hạng tín dụng (Scoring) của KHCN/KHDN và xây dựng các mô hình tính toán xác suất vỡ nợ (PD), giá trị dư nợ dự kiến tại thời điểm vỡ nợ (EAD), tổn thất ước tính (LGD), làm căn cứ áp dụng các chính sách cấp tín dụng đối với khách hàng, thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng, tính vốn,...

- (5) Bên cạnh đó, MB còn nghiên cứu phát triển các hệ thống hỗ trợ trong công tác quản lý khách hàng, quản trị rủi ro như: Hệ thống Co – Banking T24 (R13); Hệ thống quản lý quan hệ khách hàng – CRM; Hệ thống quản lý quy trình nghiệp vụ - BPM

Với hệ thống khung quản trị rủi ro tín dụng nêu trên đã hỗ trợ hoạt động tín dụng của MB tăng trưởng ổn định - bền vững – an toàn – hiệu quả.

3. Rủi ro ngoại hối

Rủi ro ngoại hối phát sinh từ những biến động bất lợi về tỷ giá hối đoái, gây ra sự sụt giảm giá trị đối với các tài sản mà MB nắm giữ. Các hoạt động kinh doanh ngoại hối, đầu tư ra nước ngoài của MB chịu ảnh hưởng trực tiếp từ sự biến động tỷ giá trên thị trường. Trong đó hoạt động kinh doanh ngoại hối được quản lý ở góc độ Rủi ro thị trường, các hoạt động và đầu tư ra nước ngoài được quản lý ở góc độ Rủi ro Bảng cân đối (Chênh lệch trạng thái rủi ro ngoại hối giữa tài sản nợ-tài sản có). Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện quản lý tỷ giá USD/VND theo hướng linh hoạt, có điều tiết. Theo đó, thị trường sẽ giao dịch cặp ngoại tệ USD/VND theo tỷ giá Bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước sẽ công bố +/- biên độ được quy định theo từng thời kỳ.

Hiện tại, MB được thực hiện tất cả các sản phẩm ngoại hối cơ bản và phái sinh theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, bao gồm: giao dịch giao ngay, kỳ hạn, hoán đổi, quyền chọn và một số sản phẩm phái sinh giữa các cặp ngoại tệ/VND và ngoại tệ/ngoại tệ, trong đó giao dịch USD/VND chiếm tỷ trọng lớn nhất. Để quản lý rủi ro tỷ giá, MB đã ban hành một loạt các quy định và chính sách quản lý giao dịch ngoại hối với khách hàng và giao dịch tự doanh. Tại các Chi nhánh, giao dịch ngoại hối với khách hàng được thực hiện theo hạn mức giao dịch, xếp hạng tín nhiệm của khách hàng và điều kiện ký quỹ, đặt cọc. Cuối ngày, trạng thái ngoại hối phát sinh từ giao dịch với khách hàng được quản lý tập trung tại Hội sở. Tại Hội sở, giao dịch tự doanh được quản lý bởi hạn mức giao dịch cấp cho từng đối tác (xếp hạng tín nhiệm), hạn mức một giao dịch(transaction limit), hạn mức lỗ trạng thái tại mọi thời điểm(real time loss limit) và quy trình giao dịch được kiểm duyệt qua phần mềm và các bộ phận kiểm soát rủi ro độc lập. Phần mềm quản lý giao dịch ngoại hối (và các giao dịch tự doanh khác) hỗ trợ quản lý hạn mức đối tác, hạn mức lỗ, đo lường rủi ro theo giá trị thị trường được thực hiện real time. Phần mềm này là một cấu phần rất quan trọng trong việc theo dõi và quản lý rủi ro thị trường đối với giao dịch ngoại hối, tương tự các ngân hàng hiện đại trên thế giới.

Đối với khoản đầu tư ra nước ngoài (tại 02 chi nhánh nước ngoài), MB theo dõi và đánh giá định kỳ về thay đổi giá trị của vốn góp dưới tác động của tỷ giá để từ đó đưa ra các biện pháp phòng ngừa rủi ro phù hợp với từng thị trường.

4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là khả năng ngân hàng không đáp ứng được các nghĩa vụ thanh toán và cam kết đến hạn hoặc phải mất thêm một khoản chi phí gia tăng để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ.

Đây là rủi ro có thể khiến các ngân hàng đổ vỡ nhanh nhất và thông thường là hậu quả của các rủi ro khác, do đó, bên cạnh việc làm tốt công tác quản trị với các loại rủi ro khác, quản trị rủi ro thanh khoản tại MB được đặc biệt quan tâm.

MB đã ban hành các quy định và quy trình về quản lý thanh khoản trong đó thiết lập các quy định về quản lý thanh khoản, ban hành các giới hạn về chỉ số thanh khoản theo quy định nội bộ MB và theo quy định tại NHNN từng thời kỳ. Ngoài ra, MB đã tiến hành xây dựng các kịch bản về căng thẳng thanh khoản, xây dựng kế hoạch dự phòng thanh khoản để chủ động các biện pháp ứng phó khi thị trường có biến động về thanh khoản.

Thanh khoản toàn hệ thống được quản lý tập trung ở phòng ALM –khối Nguồn và KDTT và được đo lường và giám sát rủi ro thanh khoản ở đơn vị Quản trị rủi ro chuyên trách và báo cáo định kỳ tới ủy ban ALCO để xem xét.

Định kỳ, tại cuộc họp Ủy ban ALCO, tình hình thanh khoản của Ngân hàng là một trong những nội dung trọng tâm được thảo luận. Trên cơ sở phân tích đánh giá, Ủy ban ALCO thảo luận và được ra các định hướng cơ cấu điều chỉnh bằng cân đối để đảm bảo MB hoạt động an toàn, luôn tuân thủ các quy định về thanh khoản của MB và NHNN từng thời kỳ.

5. Rủi ro luật pháp

MB hoạt động trong lĩnh vực Tài chính - Tiền tệ, một lĩnh vực có ảnh hưởng sâu rộng đến rất nhiều mặt của hoạt động kinh tế xã hội. Vì vậy, ngoài những Văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước, hoạt động của MB được điều chỉnh bởi Hệ thống văn bản Luật trên hầu hết các mảng, lĩnh vực như Doanh nghiệp, Đầu tư, Đất đai, Nhà ở, Kinh doanh bất động sản, Dân sự, Thương mại.... Việc thay đổi các Văn bản quy phạm pháp luật đều có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của Ngân hàng thương mại nói chung và của MB nói riêng.

Hiện nay, hệ thống các văn bản Luật trong nhiều lĩnh vực còn đang trong giai đoạn hoàn thiện, điều chỉnh và chưa đồng bộ, khả năng áp dụng vào thực tế còn có hạn chế nhất định và đây là loại rủi ro mà MB phải chú trọng và tìm cách khắc phục.

“Thượng tôn pháp luật” là văn hóa, tôn chỉ hoạt động và phát triển của MB với mục tiêu mọi hoạt động của MB đều tuân thủ pháp luật. Các hoạt động ngân hàng đều được kiểm soát nhằm phát hiện, ngăn ngừa rủi ro pháp lý, rủi ro tuân thủ.

Đồng thời, để triển khai quy định pháp luật an toàn, hiệu quả, mọi hoạt động của MB đều được ban hành đầy đủ quy định nội bộ (Quy định, Quy trình, Hướng dẫn ...) nhằm cụ thể hóa và đảm bảo hệ thống triển khai thống nhất, chặt chẽ, đúng quy định.

6. Rủi ro của đợt chào bán

Mục đích của việc phát hành thêm cổ phiếu đợt này của MB nhằm để hoán đổi cổ phiếu thực hiện giao dịch sáp nhập Công ty Tài chính cổ phần Sông Đà vào Ngân hàng TMCP Quân đội; qua đó nâng cao năng lực tài chính, năng lực hoạt động và khả năng cạnh tranh của MB.

Theo dự kiến thị trường tài chính – tiền tệ sẽ còn phát triển mạnh về trung và dài hạn, đặc biệt thị trường tài chính tiêu dùng ở Việt Nam còn tiềm năng rất lớn do đó mục đích sáp nhập Công ty Tài chính cổ phần Sông Đà vào MB và phát hành cổ phiếu hoán đổi sau sáp nhập được đánh giá là phù hợp với xu thế thị trường nói chung và MB nói riêng. Tuy nhiên, khi mở rộng phát triển thêm chi nhánh, phòng giao dịch và đầu tư vào các công ty MB sẽ phải tính đến hiệu quả kinh tế mang lại và chi phí bỏ ra.

Giao dịch sáp nhập Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà vào Ngân hàng TMCP Quân đội sẽ được thực hiện thông qua việc MB phát hành cổ phiếu mới và hoán đổi các cổ phiếu của Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà theo Phương án sáp nhập đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua do đó rủi ro từ việc tranh chấp quyền lợi giữa các cổ đông của các bên là không có. Toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm đợt này được thực hiện theo phương thức hưởng quyền nhận cổ phiếu phát hành thêm. Do đó đợt phát hành này sẽ không có rủi ro về việc không phát hành hết số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành.

7. Rủi ro sáp nhập

Sau giao dịch sáp nhập, ngoài các yếu tố tích cực mang lại, Ngân hàng sau sáp nhập có thể phải đối mặt với một số rủi ro và thách thức sau:

- Thị giá cổ phiếu của MB có thể bị ảnh hưởng: MB sẽ phát hành cổ phiếu để hoán đổi với cổ phiếu SDF nên giá giao dịch trên thị trường của cổ phiếu MB sẽ không bị điều chỉnh

giảm tại Ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện việc hoán đổi. Tuy nhiên, xét về bản chất số lượng cổ phiếu đang lưu hành của MB sẽ tăng lên có thể ảnh hưởng đến thị giá giao dịch trên thị trường.

- Những kết quả tích cực từ lợi ích tái cấu trúc có thể không được như kế hoạch dự kiến tại Phương án sáp nhập.
- Ngân hàng sau sáp nhập có thể gặp phải những rủi ro về truyền thông khi không thực hiện tốt công tác truyền thông cho nhân viên và khách hàng.

8. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro nêu trên, những rủi ro khác mang tính bất khả kháng cũng có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của một ngân hàng như: thiên tai, dịch họa, dịch bệnh hiểm nghèo, chiến tranh, khủng bố, khủng hoảng ... Những rủi ro này có thể gây gián đoạn hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, tạo tâm lý bất an, gây thiệt hại, ảnh hưởng đến thu nhập của các cá nhân, tổ chức là khách hàng của ngân hàng. Để hạn chế những rủi ro như vậy, MB áp dụng các chính sách quản trị rủi ro hoạt động và quản lý kinh doanh liên tục theo tiêu chuẩn quốc tế Basel 2. Theo đó, cơ chế thực hiện hướng tới việc quản trị và phòng ngừa trước các rủi ro tiềm ẩn, xây dựng các kế hoạch kinh doanh bài bản để sẵn sàng ứng phó nếu phát sinh tình huống xấu.

Nền tảng công nghệ thông tin của MB ngày càng phát triển đi kèm với những rủi ro gián đoạn hệ thống tiềm ẩn. Nhìn nhận được vấn đề này, MB đã đầu tư hệ thống backup dữ liệu và trung tâm ứng phó dự phòng, xây dựng kịch bản xử lý gián đoạn hệ thống và các giải pháp để đảm bảo ngay cả khi các tình huống bất ngờ xảy ra thì hoạt động kinh doanh của ngân hàng luôn được duy trì liên tục.

Ngoài ra, xu hướng xã hội thay đổi cũng là một rủi ro được MB quan tâm đến. Chẳng hạn, kinh tế phát triển, người dân có nhiều cơ hội đầu tư khác ngoài hình thức gửi tiền tiết kiệm tại ngân hàng. Tuy nhiên, đây là dạng rủi ro có thể dự báo trước dựa trên tình hình phát triển kinh tế xã hội và trình độ dân trí, MB chủ động phòng ngừa rủi ro bằng chính sách phát triển và đa dạng hoá sản phẩm dịch vụ, tối ưu hoá các nguồn vốn huy động cũng như việc sử dụng nguồn vốn huy động.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG TÀI LIỆU CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Tổ chức phát hành

Ông	Lê Hữu Đức	Chủ tịch HĐQT
Ông	Lê Công	Tổng Giám đốc
Bà	Vũ Thị Hải Phượng	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà	Lê Thị Lợi	Phó TGD - Giám đốc Tài chính

Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội bảo đảm rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế về tài sản, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội, mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Đại diện tổ chức tư vấn: Ông Trần Hải Hà

Chức vụ: Tổng Giám đốc, Đại diện của Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (sau đây gọi tắt là Công ty Chứng khoán MB)

Bản cáo bạch này là một phần của Hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu hoán đổi do Công ty Cổ phần Chứng khoán MB tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội. Chúng tôi bảo đảm rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản cáo bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

Tổ chức phát hành /MB	Là Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội.
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam (thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2013 và 2014)
Điều lệ	Là Điều lệ của Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội đã được Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội thông qua và được đăng ký tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
Vốn điều lệ	Là số vốn do tất cả các cổ đông của Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội góp và được ghi vào Điều lệ của Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội.
Cổ phần	Là vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
Cổ phiếu	Là chứng chỉ hoặc bút toán ghi sổ do Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội phát hành xác nhận quyền sở hữu của một hoặc một số cổ phần của Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội.
Core Banking	Là toàn bộ hệ thống thông tin lõi của hệ thống ngân hàng thương mại hiện đại với khả năng kiểm soát an toàn, xử lý giao dịch tự động nhanh chóng và tăng cường năng lực quản trị rủi ro.
Home Banking	Là các dịch vụ của Ngân hàng cho phép khách hàng quản lý từ xa các thông tin tài khoản của mình mở tại bất kỳ điểm giao dịch nào.
Mobile Banking	Là dịch vụ của ngân hàng cho phép khách hàng thực hiện việc chuyển tiền, kiểm tra số dư tài khoản, các thông tin tài chính qua điện thoại di động.
Internet Banking /eMB	Dịch vụ ngân hàng cho phép khách hàng thực hiện chuyển tiền, kiểm tra số dư tài khoản, các thông tin tài chính qua mạng Internet.
Bank Plus	Là sản phẩm liên kết với Viettel, với 3 gói dịch vụ chính là: tài khoản Bankplus, thẻ Bankplus, Mobile Bankplus, Bankplus cung cấp hàng loạt tính năng của một sản phẩm hiện đại như tra cứu số dư tài khoản, tra cứu lịch sử giao dịch, nộp/rút tiền từ tài khoản, chuyển tiền trong hệ thống của MB, chuyển tiền cho người nhận sử dụng thông tin chứng minh thư nhân dân, ví điện tử, thanh toán hóa đơn cho thuê bao di động trả sau, hóa đơn điện thoại cố định, hóa đơn ADSL, nạp tiền cho thuê bao di động trả trước của Viettel (cho chính chủ tài khoản hoặc cho người khác), thanh toán các loại hóa đơn khác,...
Dịch vụ Logistics	Là hoạt động thương mại, theo đó thương nhân tổ chức thực hiện một hoặc nhiều công đoạn bao gồm nhận hàng, vận chuyển, lưu kho, lưu bãi, làm thủ tục hải quan, các thủ tục giấy tờ khác, tư vấn khách hàng, đóng gói bao bì, ghi ký mã hiệu, giao hàng hoặc các dịch vụ khác có liên quan đến hàng

hóa theo thỏa thuận với khách hàng để hưởng thù lao.

Bancassurance

Là hoạt động kinh doanh theo đó ngân hàng sử dụng các kênh phân phối do ngân hàng thiết lập để chào bán các sản phẩm bảo hiểm/liên quan đến bảo hiểm thông qua cơ sở dữ liệu khách hàng của ngân hàng.

Dịch vụ eservices

Dịch vụ ngân hàng điện tử

Backup

Hỗ trợ/ Lưu trữ dữ liệu

Người có liên quan

Tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây:

- a. Công ty mẹ, người quản lý công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó đối với công ty con trong nhóm công ty;
- b. Công ty con đối với công ty mẹ trong nhóm công ty;
- c. Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua cơ quan quản lý doanh nghiệp;
- d. Người quản lý doanh nghiệp;
- e. Vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty hoặc của thành viên, cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;
- f. Cá nhân được ủy quyền đại diện cho những người, công ty quy định tại các điểm a, b, c, d và e;
- g. Doanh nghiệp trong đó những người, công ty quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f và h có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của các cơ quan quản lý ở doanh nghiệp đó;
- h. Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để thu tóm phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của công ty.

Những thuật ngữ khác (nếu có) mà không được liệt kê ở trên sẽ được hiểu theo quy định trong Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014, Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 của Quốc hội và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của luật chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010, Nghị định 58/2012/NĐ – CP của Chính phủ, Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Chính phủ và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

AMC	Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội
ALCO	(Asset Liability Management Committee) Ủy ban Quản lý Tài sản nợ - Tài sản có
ATM	Automated Teller Machine - Máy rút tiền tự động
BDS	Bất động sản
BKS	Ban kiểm soát
CAR	Capital Adequacy Ratio - Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu
CBNV	Cán bộ nhân viên
CĐHH	Cổ đông hiện hữu
CEO	Tổng giám đốc
CNTT	Công nghệ thông tin
EPS	Earnings per share - Lãi cơ bản trên cổ phiếu
GCN	Giấy chứng nhận
GDP	Gross Domestic Product – Tổng sản phẩm quốc nội
HĐQT	Hội đồng quản trị
HĐTD	Hội đồng tín dụng
L/C	Letter of credit - Thư tín dụng
MBS	Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
NHNN VN	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
NHTMCP	Ngân hàng Thương mại Cổ phần
POS	Point of Sale - Đơn vị chấp nhận thẻ
QSD	Quyền sử dụng
ROE	Return on equity - Tỷ suất sinh lời của vốn chủ sở hữu
TCTD	Tổ chức tín dụng
Thuế GTGT	Thuế Giá trị gia tăng
Thuế TNDN	Thuế Thu nhập doanh nghiệp
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TMCP	Thương mại cổ phần
TP	Thành phố
TTTM	Trung tâm thương mại
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
USD	Đồng Đô la Mỹ - Đơn vị tiền tệ của Hoa Kỳ
VĐL	Vốn điều lệ
VND	Đồng Việt Nam - Đơn vị tiền tệ của Việt Nam
KLĐLH	Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Với mục tiêu ban đầu là đáp ứng nhu cầu các dịch vụ tài chính cho các Doanh nghiệp Quân đội, ngày 4 tháng 11 năm 1994, theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, MB đã ra đời và chính thức đi vào hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0100283873 ngày 30 tháng 9 năm 1994 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và Giấy phép số 0054/NH-GP ngày 14 tháng 9 năm 1994 của NHNN VN. Trụ sở tại số 28 Điện Biên Phủ, Hà Nội với số vốn điều lệ 20 tỷ đồng và 25 cán bộ nhân viên.

Dấu mốc lịch sử quan trọng, nền tảng cho sự phát triển bền vững lâu dài của Ngân hàng vào ngày 23/05/2011, theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, MB đã được chuyển cấp quản lý từ Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng về trực thuộc Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng.

Trải qua 21 năm hình thành và phát triển, với tinh thần đoàn kết, quyết tâm vượt khó, chủ động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm của các thể hệ cán bộ, nhân viên cùng với sự hỗ trợ tích cực, có hiệu quả của Thủ trưởng Bộ Quốc phòng, các cơ quan đơn vị Quân đội, Ngân hàng Nhà nước và sự tin tưởng của khách hàng, MB không ngừng lớn mạnh, không chỉ đáp ứng tốt nhu cầu về vốn cho các doanh nghiệp Quân đội, mà còn cung cấp các dịch vụ tài chính trọn gói, đa dạng cho các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế, đóng góp một phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Trong 3 năm liên tiếp 2012, 2013 và 2014 MB giữ vững vị trí TOP 5 ngân hàng Thương mại hàng đầu tại Việt Nam về lợi nhuận và hiệu quả hoạt động, được đánh giá là một định chế tài chính vững vàng, tin cậy, phát triển an toàn bền vững, có uy tín cao, với 5 công ty con hoạt động có hiệu quả trên các lĩnh vực khác nhau gồm: Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản, Công ty chứng khoán, Công ty Quản lý quỹ, Công ty Bất động sản và Tổng công ty Bảo hiểm Quân đội. MB nhiều năm liền được NHNN VN xếp hạng A - tiêu chuẩn cao nhất do NHNN VN quy định.

MB không ngừng củng cố năng lực tài chính và khả năng cạnh tranh vững mạnh, tuân thủ các chỉ tiêu an toàn vốn do NHNN VN quy định, đáp ứng nhu cầu mở rộng của Ngân hàng trong tương lai. Thời điểm 30/09/2015 số vốn điều lệ của MB đã tăng hơn 800 lần đạt 16.000 tỷ VND với hàng vạn cổ đông cùng 6.768 cán bộ nhân viên đang làm việc tại MB (tính cả các công ty con là 7.629 cán bộ nhân viên); lợi nhuận trước thuế đạt 2.552 tỷ đồng (trong đó, lợi nhuận riêng ngân hàng đạt 2.406 tỷ đồng). Một số chỉ tiêu kinh doanh cơ bản của riêng hoạt động ngân hàng như: dư nợ tăng trưởng 12,8% so với đầu năm, tăng 22,9%

so với cùng kỳ; huy động vốn tăng 3,8% so với đầu năm, tăng 8,3% so với cùng kỳ; kiểm soát nợ xấu chặt chẽ, tỷ lệ nợ xấu thấp – dưới 2%. Cổ tức chi trả cho cổ đông hàng năm đều cao hơn lãi suất huy động tiết kiệm, kể cả trong những giai đoạn khó khăn, khủng hoảng, kinh tế suy thoái, mức cổ tức trung bình ở mức 12 – 15%/năm.

2. Một số thông tin cơ bản về Ngân hàng

Tên Ngân hàng: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội
Tên tiếng Anh: Military Commercial Joint- Stock Bank
Tên viết tắt: MCSB



Logo Ngân hàng:

Vốn điều lệ: 16.000.000.000.000 VND

Trụ sở chính: Số 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (84 - 4) 6277 7222

Fax: (84 - 4) 6266 1080

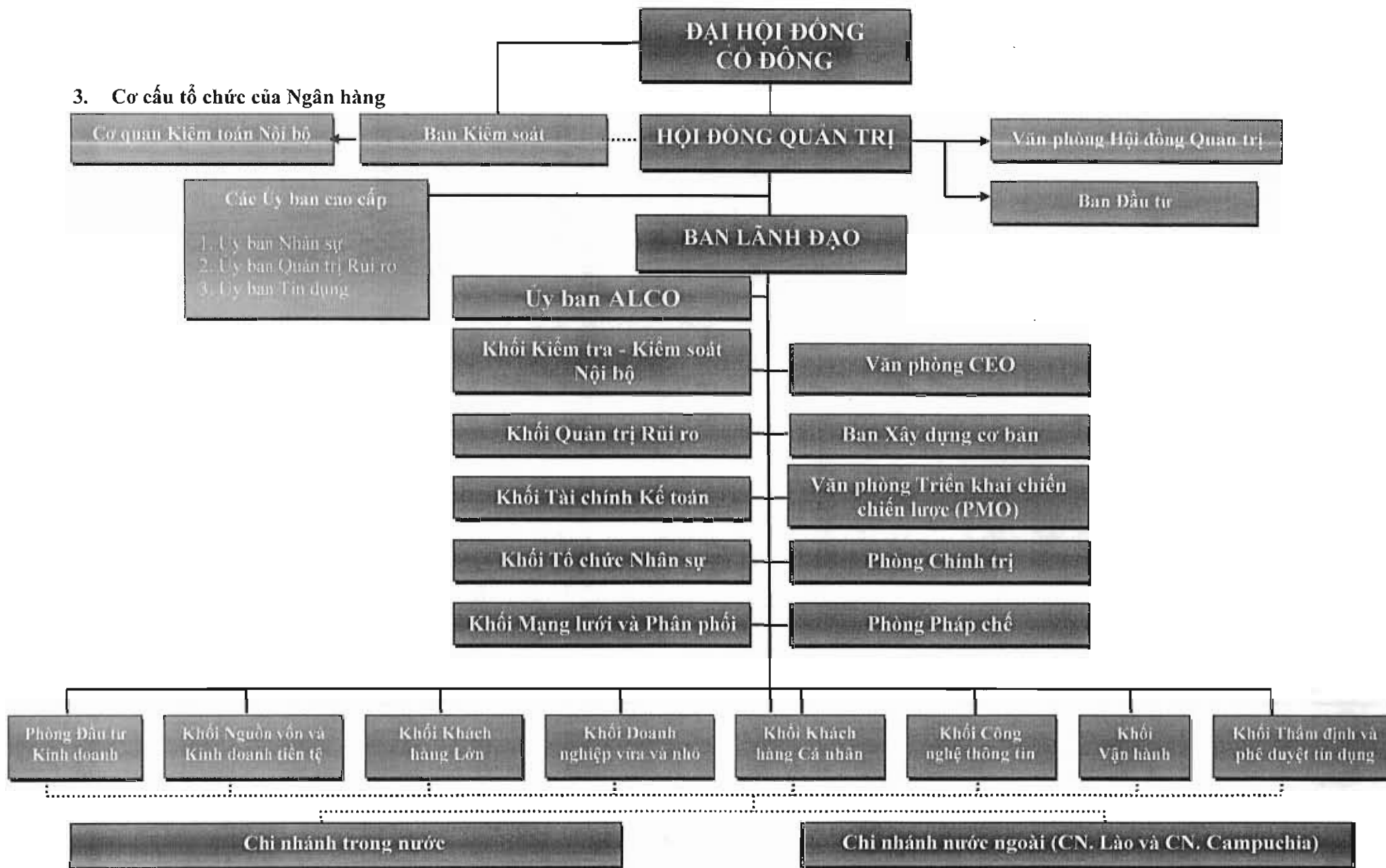
Website: www.mbbank.com.vn

Giấy chứng nhận ĐKKD: số 0100283873 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 30/09/1994, thay đổi lần thứ 38 ngày 22/09/2015 và giấy phép số 0054/NH-GP ngày 14 tháng 9 năm 1994 kèm theo Quyết định 194/QĐ-NH5 ngày 14 tháng 9 năm 1994 của NHNN VN.

Ngành nghề kinh doanh:

- Nhận tiền gửi, cấp tín dụng, mở tài khoản, cung ứng dịch vụ thanh toán, uỷ thác và nhận uỷ thác trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh và cung ứng dịch vụ ngoại hối, sản phẩm phái sinh, lưu ký chứng khoán, mua bán nợ và các ngành nghề kinh doanh khác theo quy định của pháp luật.
- Hoạt động bao thanh toán;
- Cung cấp các dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;
- Kinh doanh ngân hàng theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (194/QĐ-NH5 ngày 14/9/1994; 347/QĐ-NHNN ngày 24/2/2010; 108/QĐ-NHNN ngày 21/1/2010; 104/QĐ-NHNN ngày 2/2/2012...);
- Ngân hàng lưu ký;
- Kinh doanh trái phiếu và các giấy tờ có giá khác theo quy định của pháp luật;
- Gia công, chế tác vàng;
- Kinh doanh mua, bán vàng;
- Đại lý bảo hiểm và các dịch vụ liên quan khác theo quy định của pháp luật;
- Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Ngân hàng chỉ hoạt động kinh doanh khi có điều kiện theo quy định của Pháp luật.

3. Cơ cấu tổ chức của Ngân hàng



- ❖ **Đại hội đồng cổ đông:** là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của MB.
- ❖ **Hội đồng quản trị:** Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị MB, có toàn quyền nhân danh MB để quyết định và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của MB, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và điều lệ của MB.

Danh sách hội đồng quản trị bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Hữu Đức	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 23/04/2014
Ông Lưu Trung Thái	Phó Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 23/04/2014
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 23/04/2014
Ông Lê Công	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 23/04/2014
Ông Hà Tiến Dũng	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 23/04/2014
Ông Nguyễn Văn Huệ	Thành viên HĐQT độc lập	Bổ nhiệm ngày 23/04/2014
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 23/04/2014
Ông Nguyễn Đăng Nghiêm	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 23/04/2014
Bà Nguyễn Thị Ngọc	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 23/04/2014
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 23/04/2014
Bà Trần Thị Kim Thanh *	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 23/04/2014

* Kể từ ngày 05/10/2015, Bà Trần Thị Kim Thanh không còn là Thành viên HĐQT MB nhiệm kỳ 2014 – 2019 do Bà Thanh không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của Vietcombank.

- ❖ **Ban Kiểm soát:** Ban Kiểm soát là cơ quan kiểm tra hoạt động tài chính của MB; giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, sự an toàn trong hoạt động của MB, thực hiện kiểm toán nội bộ hoạt động từng thời kỳ, từng lĩnh vực nhằm đánh giá chính xác hoạt động kinh doanh và thực trạng tài chính của MB.

Danh sách ban kiểm soát bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Vũ Thị Hải Phượng	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 23/04/2014
Bà Nguyễn Thanh Bình	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23/04/2014
Bà Lê Minh Hồng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23/04/2014
Ông Đặng Quốc Tiến	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23/04/2014

- ❖ **Các ủy ban cao cấp:** Bao gồm: Ủy ban Nhân sự; Ủy ban quản trị rủi ro; Ủy ban Tín dụng. Ủy ban Nhân sự có chức năng tham mưu, giúp việc, hỗ trợ cho HĐQT trong việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT liên quan đến nhân sự, đãi ngộ. Ủy ban Tín dụng là cơ quan tham mưu, giúp việc, hỗ trợ cho HĐQT trong việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT liên quan đến các định hướng lĩnh vực cấp tín dụng, cảnh báo rủi ro liên quan đến hoạt động cấp tín dụng và công tác phê duyệt cấp tín dụng đối với những phương án đề xuất cấp tín dụng có giá trị lớn, tính chất phức tạp. Ủy ban quản trị rủi ro là cơ quan tham mưu, tư vấn cho HĐQT về chiến lược, khẩu vị, khung và chính sách quản trị rủi ro, các cơ chế kiểm soát rủi ro, các hạn mức rủi ro trọng yếu nhằm quản trị rủi ro hiệu quả.

- ❖ **Cơ quan kiểm toán nội bộ:** Là cơ quan trực thuộc Ban Kiểm soát, được thành lập theo quy định của Pháp luật và quy định của MB, thực hiện việc rà soát; đánh giá độc lập, khách quan đối với hệ thống kiểm soát nội bộ, đánh giá độc lập về tính thích hợp và tuân thủ quy định, chính sách nội bộ, thủ tục, quy trình đã được thiết lập; đưa ra kiến nghị

nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm MB hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.

- ❖ **Văn phòng Hội đồng quản trị:** là cơ quan chuyên môn giúp Hội đồng Quản trị, Thường trực HĐQT triển khai thực hiện các chức năng, nhiệm vụ phù hợp quy định của pháp luật và Điều lệ MB, tham mưu hỗ trợ cho Hội đồng Quản trị trong những vấn đề mang tính định hướng, chiến lược. Đồng thời hỗ trợ việc đề xuất, triển khai, đánh giá chương trình phát triển cho MB và các công ty thành viên khác khi có yêu cầu. Văn phòng HĐQT là kênh truyền tải các thông tin từ HĐQT, Thường trực HĐQT đến Ban điều hành và ngược lại đảm bảo thông suốt, kịp thời.
- ❖ **Ban đầu tư:** quản lý giám sát hoạt động các công ty con, công ty liên kết của MB; quản lý hoạt động đầu tư chiến lược (bao gồm các dự án trọng điểm của MB và các công ty con, công ty liên kết, danh mục đầu tư góp vốn chiến lược); xây dựng hoàn thiện thể chế chính sách có liên quan đến các công ty con, công ty liên kết và quản lý hoạt động đầu tư tập đoàn.
- ❖ **Ban điều hành:** Là cơ quan điều hành các hoạt động hàng ngày của MB, tổ chức triển khai các chiến lược kinh doanh, chiến lược hoạt động nhằm đạt được các mục tiêu, kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị thông qua.

Danh sách Ban điều hành bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Công	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 05/01/2015
Ông Đỗ Văn Hưng	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 02/8/2013
Bà Nguyễn Thị An Bình	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 04/11/2014
Bà Nguyễn Minh Châu	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 04/11/2014
Bà Phạm Thị Trung Hà	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27/4/2011
Ông Ưông Đông Hưng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02/8/2013
Ông Lê Hải	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02/8/2013
Bà Lê Thị Lợi	Phó Tổng Giám đốc – Giám đốc Tài chính	Bổ nhiệm ngày 05/6/2014
Ông Trần Minh Đạt	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/11/2014

- ❖ **Ủy ban quản lý tài sản Nợ - tài sản có (ALCO):** là ủy ban trực thuộc Ban điều hành để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban điều hành trong hoạt động quản lý tài sản, nguồn vốn của NHTMCP Quân Đội. Nhiệm vụ của ủy ban ALCO là xây dựng, giám sát, thi hành chính sách quản lý Tài sản – Nguồn vốn của ngân hàng gồm i) quản lý bảng cân đối nhằm tối đa hóa lợi nhuận; ii) quản lý rủi ro lãi suất; iii) rủi ro thanh khoản; iv) rủi ro thị trường.
- ❖ **Các cơ quan Quản lý hệ thống:** Bao gồm các khối và phòng ban làm nhiệm vụ quản lý hệ thống, được tổ chức và hoạt động theo các chức năng quản lý gồm: Văn phòng CEO; Khối kiểm tra, kiểm soát nội bộ; Khối Quản trị rủi ro; Khối Tài chính Kế toán; Khối Tổ chức Nhân sự; Khối Mạng lưới và phân phối; Ban xây dựng cơ bản; Văn phòng triển khai chiến lược; Phòng Chính trị, Phòng pháp chế có chức năng xây dựng và duy trì phát triển các nguyên tắc và cơ chế quản lý nhằm hỗ trợ mạnh mẽ các khối kinh doanh, hướng dẫn quản lý hỗ trợ chi nhánh theo trục dọc, tạo ra các dịch vụ có chất lượng cao phục vụ khách hàng.

- **Văn phòng CEO:** Cơ quan đầu mối tham mưu, giúp việc cho Tổng giám đốc, Ban điều hành thực thi có hiệu quả công tác quản lý. Xây dựng và giám sát kế hoạch kinh doanh, xây dựng chiến lược Marketing, thực hiện các hoạt động đối ngoại, công tác thi đua khen thưởng, sáng kiến tại MB, quản trị hệ thống báo cáo hoạt động của ngân hàng.
- **Khối kiểm tra, kiểm soát nội bộ:** Thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ nhằm kịp thời phát hiện các tồn tại về hệ thống kiểm soát nội bộ và tham mưu cho Ban điều hành thiết lập, duy trì, hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ đối với hoạt động của MB được an toàn, hiệu quả, tuân thủ pháp luật. Quản lý toàn diện chất lượng dịch vụ của MB thông qua thiết lập, vận hành các công cụ đo lường chất lượng dịch vụ bao gồm đánh giá từ nội bộ và bên ngoài.
- **Khối quản trị rủi ro:** Quản lý toàn diện và hiệu quả các loại rủi ro trong toàn MB gồm rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất trên số ngân hàng, rủi ro hoạt động, rủi ro uy tín, rủi ro quốc gia... theo nguyên tắc tuân thủ quy định của Việt Nam, định hướng của Hội đồng quản trị MB, tiệm cận thông lệ quốc tế. Xây dựng, quản lý và giám sát thực hiện Chiến lược quản trị rủi ro (Khẩu vị rủi ro, Hạn mức rủi ro, chính sách quản trị rủi ro, công cụ quản trị rủi ro, quy trình, hướng dẫn quản trị rủi ro...) phù hợp với Chiến lược kinh doanh của MB.
- **Khối Tài chính Kế toán:** Xây dựng, tổ chức, triển khai hoạt động Tài chính kế toán, báo cáo Tài chính, báo cáo quản trị, chế độ Kế toán trong toàn hệ thống MB, đảm bảo hiệu quả và tuân thủ quy định của Pháp luật.
- **Khối Tổ chức Nhân sự:** Xây dựng mô hình tổ chức, triển khai và giám sát chức năng nhiệm vụ của các đơn vị. Quản lý công tác Nhân sự toàn hệ thống.
- **Khối Mạng lưới và phân phối:** Phát triển mạng lưới, quản lý chất lượng và quản lý hiệu quả hoạt động của hệ thống mạng lưới MB.
- **Ban xây dựng cơ bản:** Quản lý, triển khai các dự án đầu tư xây dựng cơ bản, sửa chữa các công trình hạ tầng. Thực hiện các hoạt động mua sắm, thanh lý trang thiết bị.
- **Văn phòng Triển khai chiến lược (PMO):** Chỉ đạo, yêu cầu, hướng dẫn và hỗ trợ các Khối, Cơ quan Hội sở, Đơn vị kinh doanh và Nhóm sáng kiến triển khai các giải pháp chiến lược phù hợp với định hướng và năng lực triển khai của MB.
- **Phòng chính trị:** Xây dựng, tổ chức, triển khai công tác Đảng, công tác Chính trị toàn hệ thống MB.
- **Phòng Pháp chế:** Thực hiện công tác pháp lý bảo đảm hoạt động của MB là phù hợp quy định Pháp luật, quy định nội bộ và phù hợp với thực tiễn hoạt động của MB.
- ❖ **Các cơ quan hỗ trợ kinh doanh:** Bao gồm các Khối Công nghệ thông tin, Khối Vận hành, Khối Thẩm định và phê duyệt tín dụng có chức năng hỗ trợ hoạt động kinh doanh ngày càng phát triển, xây dựng và duy trì các quy trình cung cấp sản phẩm, dịch vụ của MB với chất lượng cao, đảm bảo phòng ngừa rủi ro, phát triển mạng lưới và kênh phân phối của MB cũng như các hoạt động hành chính quản trị.
 - **Khối Công nghệ thông tin:** Nghiên cứu, xây dựng, quản lý, vận hành toàn bộ hệ thống Công nghệ thông tin đảm bảo phục vụ tốt cho hoạt động kinh doanh.
 - **Khối Vận hành:** Xây dựng, triển khai, quản lý toàn bộ hoạt động nghiệp vụ hỗ trợ và vận hành tại MB.
 - **Khối Thẩm định và phê duyệt tín dụng:** Quản lý, chỉ đạo và tổ chức chung hoạt động thẩm định, phê duyệt tín dụng trong toàn MB đảm bảo hiệu quả, chuyên nghiệp, thúc đẩy hoạt động kinh doanh và kiểm soát tốt rủi ro.

- ❖ **Các khối kinh doanh:** được tổ chức chuyên sâu theo từng phân khúc khách hàng và thị trường, bao gồm:
 - **Đầu tư** gồm Ban đầu tư và Phòng Đầu tư Kinh doanh. Trong đó, Phòng Đầu tư Kinh doanh: Đầu tư kinh doanh vốn nhằm mục tiêu sinh lời (cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, trái phiếu Doanh nghiệp, góp vốn trực tiếp và các doanh nghiệp). Đầu tư và quản lý nguồn nguồn đầu tư các dự án hạ tầng, trụ sở của MB (không bao gồm trụ sở chính của MB).
 - **Khối Nguồn vốn và kinh doanh tiền tệ:** Kinh doanh vốn, ngoại tệ và các dịch vụ sản phẩm phái sinh trên thị trường tiền tệ, thị trường vốn, thị trường hàng hóa. Điều hành, quản lý tập trung nguồn vốn và xây dựng chính sách huy động vốn toàn hệ thống, quản lý trạng thái ngoại tệ toàn hệ thống nhằm tập trung quản trị rủi ro lãi suất, tỷ giá nhằm đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ và gia tăng lợi nhuận cho MB. Đồng thời, thiết lập quan hệ giao dịch, liên kết sản phẩm dịch vụ với các tổ chức tín dụng, tài chính trong và ngoài nước.
 - **Khối khách hàng lớn:** Cung cấp trọn gói các giải pháp tài chính cho nhóm Large Corp và Mid Corp đảm bảo phương châm tăng trưởng hợp lý, hiệu quả, tạo sự khác biệt, bền vững và kiểm soát tối đa rủi ro.
 - **Khối doanh nghiệp vừa và nhỏ:** Cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tài chính ngân hàng chuyên biệt cho tới từng khách hàng vừa và nhỏ rộng khắp trên địa bàn cả nước.
 - **Khối khách hàng cá nhân:** Phục vụ các nhu cầu vay vốn, gửi tiết kiệm và phát triển, cung cấp trọn gói dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân bao gồm: Thanh toán, Dịch vụ thẻ, Kiều hối, Private banking, mobile và internet banking ...
 - ❖ **Chi nhánh và các phòng giao dịch, điểm giao dịch:** là đơn vị trực tiếp cung cấp trọn gói các giải pháp và sản phẩm dịch vụ cho khách hàng, theo từng địa bàn trên cơ sở chính sách và chiến lược của MB.
4. **Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Ngân hàng và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên vốn thực góp**
- ❖ **Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Ngân hàng:**

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của MB tại thời điểm 30/09/2015

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu (cổ phần)	Tỷ lệ (%)
1	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)	Số 198 Trần Quang Khải, Hà Nội	114.507.975	7,16
2	Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn	722 Điện Biên Phủ, Q. Bình Thạnh, TP HCM	122.410.709	7,65
3	Tổng công ty Trục Thăng Việt Nam-Công ty TNHH	172 Trường Chinh, Q.Đống Đa, TP HN	127.531.304	7,97
4	Ngân hàng TMCP Hàng Hải VN	Tầng 7-Tháp A-Tòa nhà Sky Tower-88 Láng Hạ Đống Đa - HN	140.796.838	8,8

5	Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà Nước- Công ty TNHH	Số 117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	160.000.000	10
6	Tập đoàn Viễn thông Quân đội (Viettel)	Tòa nhà Crown, Lô X7, đường Lê Đức Thọ, Mỹ Đình, Hà Nội	240.000.000	15

Nguồn: MB

Bảng 2: Danh sách những người có liên quan đến các cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên tại thời điểm 30/09/2015

TT	Tên cổ đông	Mối quan hệ	Số cổ phần (cổ phần)	Tỷ lệ (%)
I	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)		114.507.975	7,16
1	Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Vietcombank	Công ty con	0	0,00
2	Công ty TNHH CK Vietcombank	Công ty con	0	0,00
3	Công ty tài chính Việt Nam - Hồng Kông	Công ty con	0	0,00
4	Công ty TNHH Cao ốc Vietcombank 198	Công ty con	0	0,00
5	Công ty chuyển tiền Vietcombank	Công ty con	0	0,00
6	Công ty liên doanh quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank	Công ty con	1.236.484	0,08
7	Công ty TNHH liên doanh Vietcombank - Bonday - Bến Thành	Công ty con	0	0,00
8	Mizuho Corporate Bank Ltd.	Tổ chức sở hữu hơn 5% VDL	0	0,00
9	Nghiêm Xuân Thành	Tổng giám đốc	0	0,00
10	Phùng Xuân Hải	Đại diện vốn góp của VCB tại MB (từ ngày 05/10/2015)	167.508	0,01
II	Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn	Công ty con	122.410.709	7,65
1	Công ty cổ phần đại lý giao nhận vận tải, xếp dỡ Tân Cảng	Công ty con	0	0,00
2	Công ty cổ phần dịch vụ kỹ thuật Tân Cảng	Công ty con	0	0,00
3	Công ty TNHH MTV ICD Tân Cảng - Sóng Thần	Công ty con	0	0,00
4	Công ty TNHH MTV Xây dựng công trình Tân Cảng	Công ty con	0	0,00

TT	Tên cổ đông	Mối quan hệ	Số cổ phần (cổ phần)	Tỷ lệ (%)
5	Công ty cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	Công ty con	0	0,00
6	Công ty TNHH MTV Hoa Tiêu Tân Cảng	Công ty con	0	0,00
7	Công ty cổ phần Tân Cảng Cái Mép	Công ty con	0	0,00
8	Công ty cổ phần Kho Vận Tân Cảng	Công ty con	0	0,00
9	Công ty cổ phần địa ốc Tân Cảng	Công ty con	0	0,00
10	Công ty cổ phần Tân Cảng Cypress	Công ty con	0	0,00
11	Công ty cổ phần Tân Cảng Miền Trung	Công ty con	0	0,00
12	Công ty cổ phần dịch vụ Hàng Hải Tân Cảng	Công ty con	0	0,00
13	Công ty cổ phần giải pháp CNTT Tân Cảng	Công ty con	0	0,00
14	Công ty cổ phần Tân Cảng Hiệp Phước	Công ty con	0	0,00
15	Công ty cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	Công ty con	0	0,00
16	Công ty cổ phần Vận tải bộ Tân Cảng	Công ty con	0	0,00
17	Nguyễn Đăng Nghiêm	Tổng giám đốc	144.255	0,009
III	Tổng công ty Trục Thăng Việt Nam- Công ty TNHH		127.531.304	7,97
1	Công ty TNHH một thành viên trục thăng miền Bắc	Công ty con	22.017.544	1,38
2	Chi nhánh Tổng công ty Trục thăng Việt nam-Công ty TNHH-Cty Trục thăng Miền Nam	Công ty con	6.573.138	0,41
3	Công ty cổ phần đầu tư thương mại Hải Âu	Công ty con	593.694	0,037
4	Công ty cổ phần dịch vụ kỹ thuật trục thăng	Công ty con	0	0,00
5	Hà Tiến Dũng	Tổng giám đốc	165.900	0,01
IV	Ngân hàng TMCP Hàng Hải VN		140.796.838	8,8
1	Công ty quản lý nợ AMC - Maritime Bank	Công ty con	0	0,00
1	Trần Anh Tuấn	Tổng giám đốc	0	0,00
V	Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà Nước-Công ty TNHH		160.000.000	10
1	Lại Văn Đạo	Tổng Giám đốc	0	0,00
2	Nguyễn Quốc Huy	Phó Tổng Giám đốc	71.824	0,004

TT	Tên cổ đông	Mối quan hệ	Số cổ phần (cổ phần)	Tỷ lệ (%)
VI	Tập đoàn Viễn thông Quân đội (Viettel)		240.000.000	15
1	Công ty CP Bưu chính Viettel	Công ty con	0	0,00
2	Công ty CP Tư vấn thiết kế Viettel	Công ty con	0	0,00
3	Công ty CP xây lắp Công trình Viettel	Công ty con	0	0,00
4	Công ty CP Đầu tư Quốc tế Viettel	Công ty con	0	0,00
5	Công ty TNHH MTV Thông tin M3	Công ty con	0	0,00
6	Công ty TNHH MTV Thông tin M1	Công ty con	0	0,00
7	Công ty TNHH MTV Thương mại và xuất nhập khẩu Viettel	Công ty con	74.298.199	4,64
8	Công ty TNHH MTV Đầu tư công nghệ Viettel	Công ty con	0	0,00
9	Công ty Viettel America	Công ty con	0	0,00
10	Công ty TNHH MTV Kinh doanh nhà Viettel	Công ty con	0	0,00
11	Công ty TNHH HTV Viettel CHT	Công ty con	0	0,00
12	Công ty Viettel Peru	Công ty con	0	0,00
13	Công ty cổ phần xi măng Cẩm Phả	Công ty con	0	0,00
14	Nguyễn Mạnh Hùng	Tổng giám đốc Viettel	232.053	0,014

Nguồn: MB

❖ **Danh sách cổ đông sáng lập**

Bảng 3: Danh sách cổ đông sáng lập

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu (cổ phần)	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty Trục thăng Việt Nam-Công ty TNHH	Số 172 Trường Chinh, Hà Nội	127.531.304	7,97
2	Công ty TNHH MTV- Tổng Công ty 28	Số 3 Nguyễn Oanh - Quận Gò Vấp - thành phố Hồ Chí Minh	8.812.956	0,55
3	Tổng công ty Kinh tế kỹ thuật công nghiệp quốc phòng	Số 21 Linh Lang - Cổng Vệ - Ba Đình - Hà Nội	9.463.114	0,59
4	Tổng Công ty Thành An	Số 141 Hồ Đắc Di - Hà Nội	1.243.979	0,08
5	Công ty Cơ khí hoá chất 13	Thị trấn Tân Bình- Huyện Yên Sơn - tỉnh Tuyên Quang	2.044.907	0,13

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu (cổ phần)	Tỷ lệ (%)
6	Ông Lê Văn Bé	B12b Ngọc Khánh, Ba Đình Hà Nội	1.589.153	0,10
7	Công ty cơ điện vật liệu nổ 31	Xã Đồng Tiến - huyện Phổ Yên - tỉnh Thái Nguyên	5.069.814	0,32
8	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp Tây Hồ	Số 2 Hoàng Quốc Việt - Cầu Giấy - Hà Nội	822.219	0,05
9	Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Dịch vụ Xây dựng Minh Thành	2 Bis Nguyễn Thị Minh Khai - Quận 1 - thành phố Hồ Chí Minh	404.050	0,03
	Tổng		156.981.496	9,81

Nguồn: MB

Theo khoản 3 Điều 119 Luật Doanh nghiệp năm 2014, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn là 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu (ngày 30 tháng 09 năm 1994). Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại điều khoản về thời gian nắm giữ đã hết hiệu lực vì vậy toàn bộ số cổ phần của cổ đông sáng lập trên đều được tự do chuyển nhượng.

❖ Cơ cấu cổ đông

Bảng 4: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 30/09/2015

TT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông tổ chức	271	78,91
	Trong nước	208	71,47
	Nước ngoài	63	7,44
2	Cổ đông cá nhân	20.737	21,09
	Trong nước	20.658	21,07
	Nước ngoài	79	0,02
	Tổng	21.008	100

Nguồn: MB

5. Danh sách công ty mẹ và công ty con của Ngân hàng, những công ty mà Ngân hàng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Ngân hàng

5.1 Công ty nắm cổ phần chi phối đối với MB

Không có 

5.2 Công ty con của MB

Bảng 5: Danh sách Công ty con tại 30/09/2015

TT	Tên Công ty	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Vốn điều lệ (Tỷ VND)	Tỷ lệ sở hữu của MB
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán MB 	116/GP-UBCK ngày 09/12/2013 do UBCKNN cấp lần đầu ngày 09/12/2013	Môi giới đầu tư & kinh doanh chứng khoán	1.221,24	79,52%
2	Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB 	07/UBCK - GPĐQLQ do UBCKNN cấp ngày 29/09/2006	Quản lý quỹ đầu tư	323,79	90,77%
3	Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội 	0105281799 ngày 11/07/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp	Quản lý nợ và khai thác tài sản	1.082,69	100,00%
4	Công ty cổ phần Địa ốc MB (*) 	0102631822 ngày 05/09/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp	Đầu tư & Kinh doanh bất động sản	653,73	66,14%
5	Công ty TNHH MTV Viet R.E.M.A.X (*) Viet REMAX	0304136549 do Sở Kế hoạch & Đầu tư TP.HCM cấp ngày 09/10/2015	Đầu tư phát triển kinh doanh văn phòng cho thuê	100,00	100,00%

(*)Sở hữu gián tiếp thông qua công ty MBAMC

Nguồn: MB

5.2.1 Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

Tên đầy đủ: Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
 Tên tiếng Anh: MB Securities Joint Stock Company
 Tên viết tắt: MBS

Logo:



Handwritten signature

Trụ sở chính: Số 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
Website: www.mbs.com.vn
Vốn điều lệ: 1.221.242.800.000 VND (Một nghìn hai trăm hai mươi một tỷ hai trăm bốn mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng).

Công ty cổ phần Chứng khoán MB (MBS), tiền thân là Công ty cổ phần Chứng khoán Thăng Long, được thành lập vào tháng 5 năm 2000 và là một trong năm công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Vốn điều lệ của MBS hiện hơn 1.221 tỷ VND, trong đó MB sở hữu 79,52% cổ phần.

Hiện nay MBS tập trung phát triển hai mảng hoạt động chính: Dịch vụ chứng khoán và Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư được hỗ trợ bởi hoạt động nghiên cứu chuyên sâu. Với đội ngũ nhân sự dày dặn kinh nghiệm và am hiểu thị trường, MBS cung cấp dịch vụ và các giải pháp kinh doanh cho khách hàng với sự cẩn trọng, chuyên nghiệp và trách nhiệm cao nhất.

Công ty luôn nằm trong Top 10 các công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất và gần đây nhất MBS được Diễn đàn M&A Việt Nam bình chọn là đơn vị tư vấn M&A tiêu biểu. Đến hết quý III năm 2015, MBS đã lọt vào Top 5 các công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất trên cả hai sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội và Hồ Chí Minh, khẳng định vị thế là một trong những công ty chứng khoán hàng đầu thị trường.

5.2.2 Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB (MB Capital)

Tên đầy đủ: Công ty cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB
Tên tiếng Anh: MB Fund Management Stock Company
Tên viết tắt: MB Capital
Logo: 
Trụ sở chính: Số 3 Liễu Giai, quận Ba Đình, Hà Nội
Website: www.mbcapital.com.vn.
Vốn điều lệ: 323.795.000.000 VND (Ba trăm hai mươi ba tỷ bảy trăm chín mươi lăm triệu đồng)

Công ty cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB trước đây là Công ty cổ phần quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Hà Nội, thành lập vào cuối năm 2006 theo mô hình Công ty TNHH một thành viên MB, chuyển đổi hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần vào cuối năm 2008. MB Capital hiện có vốn điều lệ 323,79 tỷ VND, trong đó MB sở hữu 90,77%, hoạt động trong lĩnh vực chuyên ngành quản lý quỹ, cung cấp các dịch vụ về quản lý quỹ đầu tư, quản lý danh mục đầu tư, tư vấn đầu tư và quản lý tài sản ủy thác đầu tư. MB Capital đã phát triển thành một trong năm công ty quản lý quỹ đầu tư có giá trị tài sản quản lý lớn nhất, là đối tác giàu kinh nghiệm và am hiểu thị trường trong ngành quản lý tài sản của Việt Nam.

MB Capital hiện đang quản lý 04 quỹ (02 quỹ thành viên, 2 quỹ mở) và quản lý danh mục đầu tư cho các nhà đầu tư tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước. Tổng tài sản công ty quản lý tính đến 30/9/2015 là 316 tỷ đồng. Năm 2015, MB Capital là Công ty quản lý quỹ dự kiến tiếp tục có lãi và dự kiến chi trả cổ tức với mức 10% trên mệnh giá.

Với chiến lược kinh doanh năng động, Công ty tiếp tục phát triển ổn định, từng bước củng cố và nâng cao năng lực, vị thế trong ngành quản lý quỹ, tạo tiền đề phát triển mạnh mẽ cho các năm tiếp theo.

5.2.3 Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quân Đội (MBAMC)

Tên đầy đủ:	Công ty TNHH Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quân Đội
Tên gọi tắt:	Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng Quân Đội
Tên tiếng Anh:	MB Assets Management Company Limited
Tên viết tắt:	MBAMC., Ltd
Logo:	
Trụ sở chính:	Tầng G2, nhà B4 Kim Liên, đường Phạm Ngọc Thạch, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Hà Nội.
Website:	www.mbamc.com.vn.
Giấy Chứng nhận ĐKKD:	0105281799 ngày 11/07/2014 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp
Vốn điều lệ:	1.082.689.080.000 VND (Một nghìn không trăm tám mươi hai tỷ sáu trăm tám mươi chín triệu tám mươi nghìn đồng).

MBAMC là Công ty TNHH một thành viên do MB sở hữu 100% vốn điều lệ. MBAMC hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực xử lý nợ, quản lý tài sản bảo đảm tiền vay và thẩm định giá tài sản.

Tính đến hết 30/09/2015, Công ty đã đạt được những kết quả ấn tượng về mảng hoạt động kinh doanh lõi, cụ thể: giá trị xử lý nợ trực tiếp của MBAMC tăng 223% so với cùng kỳ năm 2014, tổng giá trị tài sản định giá của MBAMC tăng trưởng 138% so với cùng kỳ năm 2014.

Trong năm 2015, Công ty đặt mục tiêu tăng trưởng bền vững, củng cố và nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ. Hoạt động xử lý nợ tiếp tục là thế mạnh kinh doanh và được lựa chọn là hoạt động đột phá trong thực thi giải pháp chiến lược của Công ty. Bên cạnh đó, hoạt động khai thác tài sản tiếp tục được phát triển và hoạt động thẩm định giá tài sản bảo đảm được tập trung, đồng thời, vừa mở rộng quy mô vừa nâng cao chất lượng, độ tin cậy và tính chuyên nghiệp.

5.2.4 Công ty cổ phần Địa ốc MB (MB Land)

Tên đầy đủ:	Công ty cổ phần Địa ốc MB
Tên tiếng Anh:	MB Real Estate Stock Company
Tên viết tắt:	MBLand
Logo:	
Trụ sở chính:	Số 8 Chùa Bộc, phường Quang Trung, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Website:	www.mbland.vn
Giấy Chứng nhận ĐKKD:	0102631822 đăng ký lần đầu và thay đổi lần thứ 13 ngày 05/09/2014 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp
Vốn điều lệ:	653.730.980.000 VND (Sáu trăm năm mươi ba tỷ bảy trăm ba mươi triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng)

MBLand được thành lập trên cơ sở phương án khai thác Tài sản Xử lý nợ của AMC cho MB. Theo đó, MBLand trở thành Công ty con thuộc hệ thống MB, với tỷ lệ sở hữu của MB là 65% vốn điều lệ. Công ty hoạt động trong lĩnh vực chính là bất động sản.

Sau hơn 6 năm hoạt động, vượt qua những khó khăn ban đầu, hiện nay MBLand đã dần khẳng định được vị thế trên thị trường bất động sản.

Năm 2014, tình hình thị trường bất động sản đã có nhiều dấu hiệu tích cực, MBLand đã đạt được kết quả kinh doanh khả quan hơn so với những năm trước. Năm 2015, MBLand xác định phương châm hành động “Hoàn thành tái cấu trúc, phát triển bền vững” hướng đến hoàn thành các mục tiêu chiến lược; nâng cao năng lực quản trị và điều hành kinh doanh.

5.2.5 Công ty TNHH Việt R.E.M.A.X

Tên Công ty: Công ty TNHH Việt R.E.M.A.X
 Tên viết tắt: Việt R.E.M.A.X
 Trụ sở chính: Tầng 10, tòa nhà 225 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP. HCM
 Giấy Chứng nhận ĐKKD: số 0304136549 do Sở Kế hoạch & Đầu tư TP.HCM cấp ngày 02/05/2010.
 Vốn điều lệ: 100.000.000.000 VND (Một trăm tỷ đồng).
 Lĩnh vực hoạt động: Đầu tư phát triển kinh doanh văn phòng cho thuê.

Tiền thân là một công ty cổ phần tư nhân hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh là đầu tư và kinh doanh bất động sản, văn phòng cho thuê, Việt R.E.M.A.X là chủ đầu tư dự án cao ốc văn phòng tại 259 Trần Hưng Đạo Q1, Tp Hồ Chí Minh. Ngày 08/02/2010, Việt R.E.M.A.X chính thức trở thành Công ty con thuộc hệ thống MB, thông qua việc MBAMC nắm giữ 75% vốn điều lệ Việt R.E.M.A.X, với mục tiêu đầu tư phát triển thành công dự án MB Sunny Tower tại 259 Trần Hưng Đạo, Q1, HCMC, sử dụng cho Trụ sở chính của MB tại Khu vực phía Nam. Tháng 9/2015, MBAMC hoàn tất thủ tục chuyển đổi Việt R.E.M.A.X trở thành công ty TNHH một thành viên 100% vốn thuộc sở hữu của MBAMC nhằm thực hiện mục tiêu tái cấu trúc Việt R.E.M.A.X sau khi công ty đã hoàn thành và đưa vào vận hành tòa nhà MB Sunny Tower.

5.2.6 Công ty liên kết của Ngân hàng

Bảng 6: Danh sách Công ty liên kết tại 30/9/2015

TT	Tên Công ty	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Vốn điều lệ (tỷ VND)	Tỷ lệ sở hữu của MB
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Viet-Asset	Số 0102749334 ngày 27/05/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội	Đầu tư xây dựng	160	45,00%
2	Công ty cổ phần Long Thuận Lộc	Số 3600709322 ngày 19/5/2008 thay đổi lần thứ 45 ngày 10/9/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp	Xây dựng công trình	100	44,97%
3	Công ty cổ phần Bảo hiểm Quân đội (MIC)	Số 43GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 11 tháng 6 năm 2014	Bảo hiểm phi nhân thọ	500	49,77%

Nguồn: MB

6. Tổng hợp quá trình tăng vốn

Giai đoạn từ năm 1994 đến năm 2005:

- Ngân hàng TMCP Quân đội đã tăng vốn từ mức 20 tỷ đồng lên mức 450 tỷ đồng.
- Tuy nhiên do thời gian lưu trữ hồ sơ đã khá lâu nên hiện MB chưa tập hợp được đầy đủ toàn bộ thông tin chi tiết về các đợt tăng vốn điều lệ kể từ ngày thành lập tới nay.

Giai đoạn từ năm 2006 đến nay:

Bảng 7: Tổng hợp quá trình tăng vốn từ năm 2006 đến nay

Năm tăng vốn	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Giá trị vốn tăng thêm (tỷ đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp
2006	1.045,2	595,2	Đợt 1: Phát hành cho cổ đông hiện hữu, CBCNV và cổ phiếu thưởng. Đợt 2: Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	NHNN
2007	2.000	954,8	Đợt 1: Phát hành cổ phiếu dành cho cổ đông hiện hữu Đợt 2: Phát hành cổ phiếu dành cho cổ đông hiện hữu	NHNN, UBCKN N
2008	3.400	1.400	Đợt 1: Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức Đợt 2: Phát hành cổ phiếu từ chuyển đổi Trái phiếu chuyển đổi năm 2006 Đợt 3: Phát hành cho CĐHH, CBCNV và CĐ chiến lược	NHNN, UBCKN N
2009	5.300	1.900	Đợt 1: Phát hành cổ phiếu từ chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi đợt 1 năm 2007 Đợt 2: Phát hành cổ phiếu từ chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi đợt 1 năm 2007 Đợt 3: Phát hành cho CĐHH, CBCNV và CĐ chiến lược	NHNN, UBCKN N
2010	7.300	2.000	Đợt 1: Phát hành cho cổ đông hiện hữu, CBCNV và CĐ chiến lược Đợt 2: Phát hành cổ phiếu thưởng	NHNN, UBCKN N
2011	10.000	2.700	Phát hành cho cổ đông hiện hữu, CBCNV và CĐ chiến lược	NHNN, UBCKN N
01/2013	10.625	625	Phát hành cho cổ đông hiện hữu, CBCNV và CĐ chiến lược	NHNN, UBCKN N
09/2014	11.594	969	Trả cổ tức bằng cổ phiếu đợt 2 năm 2013	NHNN, UBCKN N

Năm tăng vốn	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Giá trị vốn tăng thêm (tỷ đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp
09/2015	16.000	4.406	Trả cổ tức bằng cổ phiếu đợt 2 năm 2014, Phát hành cho CBCNV và CĐ chiến lược/đối tác chiến lược trong nước	NHNN, UBCKN N

Nguồn: MB

7. Dịch vụ và các hoạt động kinh doanh

7.1 Giới thiệu chung

MB cung cấp các sản phẩm và dịch vụ gồm:

- Hoạt động bao thanh toán;
- Cung cấp các dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;
- Kinh doanh ngân hàng theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (194/QĐ-NH5 ngày 14/9/1994; 347/QĐ-NHNN ngày 24/2/2010; 108/QĐ-NHNN ngày 21/1/2010; 104/QĐ-NHNN ngày 2/2/2012...);
- Ngân hàng lưu ký;
- Kinh doanh trái phiếu và các giấy tờ có giá khác theo quy định của pháp luật;
- Gia công, chế tác vàng;
- Kinh doanh mua, bán vàng;
- Đại lý bảo hiểm và các dịch vụ liên quan khác theo quy định của pháp luật;
- Nhận tiền gửi, cấp tín dụng, mở tài khoản, cung ứng dịch vụ thanh toán, uỷ thác và nhận uỷ thác trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh và cung ứng dịch vụ ngoại hối, sản phẩm phái sinh, lưu ký chứng khoán, mua bán nợ và các ngành nghề kinh doanh khác theo quy định của pháp luật.
- Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Ngân hàng chỉ hoạt động kinh doanh khi có điều kiện theo quy định của Pháp luật.

7.2 Các dịch vụ và hoạt động chính của MB

7.2.1 Hoạt động huy động vốn

MB đã sử dụng đồng bộ và linh hoạt nhiều giải pháp nhằm tạo sự ổn định trong việc thu hút các nguồn vốn từ các nhóm khách hàng cá nhân và tổ chức kinh tế.

MB rất chú trọng tới việc huy động vốn từ dân cư, đặc biệt là nhóm khách hàng cá nhân. Với nhiều sản phẩm đa dạng và linh hoạt nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu của người gửi tiền, huy động vốn khách hàng cá nhân của MB luôn có mức tăng trưởng ổn định qua từng thời kỳ. Với mục tiêu là ngân hàng hàng đầu phục vụ khách hàng quân đội, MB đã có những sản phẩm đặc thù để phục vụ nhóm khách hàng quân nhân như sản phẩm tiết kiệm quân nhân, thẻ quân nhân,...

Bên cạnh nhóm khách hàng cá nhân, MB cũng thực hiện nhiều giải pháp để thu hút tiền gửi của các tổ chức kinh tế thông qua mạng lưới bán hàng quản lý và hỗ trợ quản lý từ trực tiếp của các khối kinh doanh CIB (Khối khách hàng doanh nghiệp lớn và định chế tài chính), SME (Khối khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ).

Cùng với việc triển khai các sản phẩm huy động vốn, các dịch vụ ngân hàng hiện đại như quản lý dòng tiền, quản lý tiền mặt và các dịch vụ tư vấn tài chính luôn được MB

và các công ty thành viên triển khai và cập nhật thường xuyên để áp dụng đồng bộ cho cả khách hàng cá nhân và khách hàng tổ chức.

Với những chiến lược huy động vốn được xác định từ đầu năm, MB đã tiến hành nghiên cứu phân tích kỹ lưỡng hành vi của người gửi tiền để đưa ra các chính sách huy động vốn hợp lý, phù hợp với tình hình kinh doanh của MB từng thời kỳ. Chiến lược của MB ưu tiên các khoản tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi kỳ hạn ngắn có tính ổn định cao. Điều này giúp MB có lợi thế về chi phí huy động vốn đầu vào so với các ngân hàng đối thủ cạnh tranh.

Trong các năm 2013, 2014 và 9 tháng đầu năm 2015, giữa bối cảnh khủng hoảng tài chính và cạnh tranh giữa các Ngân hàng vô cùng gay gắt, huy động vốn của MB so với các năm tương ứng trước đó vẫn tiếp tục tăng trưởng (năm 2014 tăng 9,23% so với năm 2013). Khả năng huy động vốn cao và ổn định đã giúp MB kiểm soát tốt rủi ro thanh khoản trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam và thế giới hiện nay.

Bảng 8: Cơ cấu huy động vốn của MB

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2013		Tại 31/12/2014		Tại 30/9/2015	
	Giá trị (triệu VND)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu VND)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu VND)	Tỷ trọng (%)
Tiền vay từ NHNN	0	0,00%	0	0,00%	-	0,00%
Tiền gửi và vay từ các tổ chức tín dụng khác	21.423.003	13,42%	4.604.175	2,64%	3.866.798	2,13%
Tiền gửi của khách hàng (từ tổ chức kinh tế và dân cư)	136.088.812	85,22%	167.608.507	96,09%	174.525.648	96,31%
Vốn tài trợ ủy thác đầu tư cho vay	177.806	0,11%	224.788	0,13%	280.597	0,15%
Phát hành giấy tờ có giá	2.000.058	1,25%	2.000.058	1,15%	2.545.430	1,40%
Tổng	159.689.679	100%	174.437.528	100%	181.218.473	100%

Nguồn: BCTCKT hợp nhất năm 2013, 2014 và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2015 của MB

Cùng với việc triển khai đa dạng các sản phẩm huy động vốn truyền thống, việc triển khai các dịch vụ ngân hàng hiện đại như quản lý dòng tiền, quản lý tiền mặt và các dịch vụ tư vấn tài chính của MB và các công ty thành viên đã mang lại cho MB một sự ổn định lớn về nguồn vốn.

MB rất chú trọng tới việc huy động tiền gửi từ dân cư. Đây là một cấu phần giữ vai trò quyết định trong ổn định dòng vốn cho các hoạt động kinh doanh của MB. Thông qua việc huy động tiền gửi của khách hàng cá nhân, MB triển khai hàng loạt các tiện ích và sản phẩm cho khách hàng cá nhân và đang nhận được sự tin tưởng ngày càng cao từ đối tượng khách hàng này.

7.2.2 Hoạt động cho vay

Hoạt động cho vay của MB được phát triển trên nguyên tắc chọn lọc, an toàn, hiệu quả, lấy chất lượng tín dụng làm nền tảng quyết định tăng trưởng tín dụng. MB tăng trưởng tín dụng trên cơ sở phù hợp với định hướng của Chính Phủ, Ngân hàng Nhà nước và các giá trị kinh doanh cốt lõi, chiến lược kinh doanh đảm bảo chất lượng hoạt động tín dụng được đặt lên hàng đầu và tạo nền tảng khách hàng ổn định, phát triển lâu dài.

Trong thời gian qua, tốc độ tăng trưởng tín dụng của MB luôn ở mức cao hơn tốc độ tăng trưởng bình quân của toàn hệ thống, chất lượng tín dụng được kiểm soát tốt.

Tốc độ tăng trưởng số lượng khách hàng tín dụng hàng năm bình quân trong giai đoạn 2013, 2014 và 9 tháng đầu năm 2015 là 34,27%/năm. Dư nợ cho vay tại thời điểm 30/9/2015 là 113.700.949 tỷ đồng (tăng 13,06% so với thời điểm cuối năm 2014).

Bảng 9: Dư nợ cho vay theo kỳ hạn

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2013		Tại 31/12/2014		Tại 30/9/2015	
	Giá trị (triệu VND)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu VND)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu VND)	Tỷ trọng (%)
Tổng dư nợ cho vay	87.742.915	100%	100.569.006	100%	113.700.949	100,00%
Trong đó:						
Nợ ngắn hạn	63.664.871	72,56%	62.167.148	61,82%	61.800.823	54,35%
Nợ trung hạn	12.397.257	14,13%	18.711.835	18,61%	22.559.402	19,84%
Nợ dài hạn	11.215.782	12,78%	18.698.883	18,59%	28.143.524	24,75%
Hỗ trợ tài chính và hoạt động Repo	465.005	0,53%	991.140	0,99%	1.197.200	1,05%

Nguồn: BCTCKT hợp nhất năm 2013, 2014 và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2015 của MB

Bảng 10: Dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2013		Tại 31/12/2014		Tại 30/9/2015	
	Giá trị (triệu VND)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu VND)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu VND)	Tỷ trọng (%)
Tổng dư nợ cho vay	87.742.915	100%	100.569.006	100%	113.700.949	100%
Trong đó:						
Cho vay các tổ chức kinh tế và cá nhân trong nước	84.792.258	96,64%	96.794.422	96,25%	109.018.125	95,88%
Cho vay tại chi nhánh nước ngoài	1.691.014	1,93%	1.902.797	1,89%	2.620.066	2,30%
Hỗ trợ tài chính và hoạt động Repo	465.005	0,53%	991.140	0,99%	1.197.200	1,05%
Chiết khấu hối phiếu	482.061	0,55%	521.654	0,52%	523.595	0,46%

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2013		Tại 31/12/2014		Tại 30/9/2015	
	Giá trị (triệu VND)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu VND)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu VND)	Tỷ trọng (%)
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	236.335	0,27%	303.030	0,30%	340.798	0,30%
Các khoản trả thay cho khách hàng	76.242	0,09%	55.962	0,06%	1.164	0,00%

Nguồn: BCTCKT hợp nhất năm 2013, 2014 và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2015 của MB

Bảng 11: Dư nợ cho vay theo ngành nghề

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2013		Tại 31/12/2014		Tại 30/9/2015	
	Giá trị (triệu VND)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu VND)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu VND)	Tỷ trọng (%)
Tổng dư nợ cho vay	87.742.915	100%	100.569.006	100%	113.700.949	100%
Trong đó:						
Bán buôn, bán lẻ; sửa chữa ô tô, xe máy và xe có động cơ khác	19.078.820	21,74%	27.673.827	27,53%	31.171.998	27,42%
Công nghiệp chế biến, chế tạo	20.388.689	23,24%	19.274.875	19,18%	20.424.802	17,96%
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất các sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của các hộ gia đình	6.239.504	7,11%	13.730.730	13,66%	18.859.374	16,59%
Xây dựng	7.630.175	8,70%	8.735.158	8,69%	10.609.728	9,33%
Vận tải, Kho bãi	3.821.852	4,36%	6.289.588	6,26%	9.722.613	8,55%
Hoạt động kinh doanh Bất động sản	5.743.241	6,55%	4.253.184	4,23%	4.115.307	3,62%
Khai khoáng	3.717.029	4,24%	3.620.495	3,60%	3.848.876	3,39%
SX&PP Điện, Khí đốt, nước nóng, hơi nước và Điều hòa không khí	10.398.469	11,85%	6.264.769	6,23%	3.827.293	3,37%
Hoạt động khác	54.277	0,06%	1.902.797	1,89%	2.608.819	2,29%
Thông tin và truyền thông	2.577.650	2,94%	1.742.169	1,73%	2.311.502	2,03%
Nông lâm nghiệp,	5.633.734	6,42%	3.079.020	3,06%	1.763.087	1,55%

Chi tiêu	Tại 31/12/2013		Tại 31/12/2014		Tại 30/9/2015	
	Giá trị (triệu VND)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu VND)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu VND)	Tỷ trọng (%)
Thủy sản						
Các hợp đồng REPO, hỗ trợ tài chính và ứng trước cho khách hàng	465.005	0,53%	991.140	0,99%	1.197.200	1,05%
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	194.099	0,22%	648.520	0,65%	983.815	0,87%
Hoạt động tài chính, Ngân hàng, Bảo hiểm	293.646	0,33%	1.079.729	1,07%	619.371	0,54%
Hoạt động hành chính và Dịch vụ hỗ trợ	310.117	0,35%	438.481	0,44%	446.631	0,39%
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	289.530	0,33%	262.884	0,26%	385.267	0,34%
Cung cấp nước, QL&XL rác thải, nước thải	19.519	0,02%	58.934	0,06%	219.268	0,19%
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	224.059	0,26%	200.665	0,20%	205.458	0,18%
Hoạt động dịch vụ khác	482.722	0,55%	200.764	0,20%	198.870	0,17%
Giáo dục và Đào tạo	49.963	0,06%	76.501	0,08%	70.060	0,06%
Hoạt động của Đảng, Tổ chức chính trị Xã hội, QLNN, ANQP, Bảo đảm Xã hội bắt buộc	4.969	0,01%	23.873	0,02%	68.157	0,06%
Nghệ thuật, vui chơi, giải trí	124.662	0,14%	20.901	0,02%	43.453	0,04%
Hoạt động của các Tổ chức và cơ quan quốc tế	1.184	0,00%	0	0,00%	0	0,00%

Nguồn: BCTCKT hợp nhất năm 2013, 2014 và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2015 của MB

Khách hàng là doanh nghiệp tổ chức

MB đã tham gia tài trợ cho nhiều Tập đoàn kinh tế, Tổng Công ty lớn để thực hiện nhiều dự án quan trọng như: Tập đoàn dầu khí Quốc gia Việt Nam; Tập đoàn Than Khoáng sản Việt Nam (TKV); Tổng Công ty Hàng Không Việt Nam (Việt Nam Airline), Tập đoàn xăng dầu Petrolimex, Tập đoàn hóa chất (Vinachem); Nhóm dự án năng lượng điện của Tổng công ty truyền tải điện Quốc gia, Ban quản lý dự án điện Miền Bắc/Miền Trung, ...

Thông qua hoạt động tài trợ các dự án trọng điểm của quốc gia, dự án phát triển các ngành kinh tế cơ bản của đất nước, trong nhiều năm qua, MB đã đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế của Việt Nam nói chung và sự thành công của khách hàng nói riêng.

Trong chiến lược kinh doanh đã được Hội đồng quản trị phê duyệt, ngoài mảng khách hàng lớn, MB đã và đang triển khai tích cực chiến lược khách hàng SME nhằm khai thác thế mạnh, tiềm lực kinh tế to lớn cũng như đạt được mục tiêu phân tán rủi ro khi phát triển tín dụng của MB. MB đã cung cấp nhiều sản phẩm, dịch vụ tiện ích cho nhóm khách hàng này, tài trợ vốn lưu động cho các khách hàng với mạng lưới kinh doanh rộng khắp cả nước thuộc lĩnh vực viễn thông, phân phối, lương thực, thực phẩm, hàng gia dụng, hàng tiêu dùng thiết yếu, ...

Đồng thời, MB đã không ngừng hoàn thiện các chương trình tài trợ đối với một số mặt hàng là thế mạnh xuất khẩu của Việt Nam như tài trợ xuất khẩu hàng nông sản cho Công ty Lương thực Đồng Tháp (Dagrimex), Công ty Intimex, Công ty cổ phần Greenfeed Việt Nam...

Thêm vào đó, MB đã chủ động thiết kế nhiều chương trình sản phẩm liên kết với các khách hàng là đối tác chiến lược của MB để khai thác thế mạnh và đạt lợi ích hợp tác tối đa như chương trình sản phẩm dịch vụ eservices - cung cấp hệ thống công nghệ thông tin, viễn thông đồng bộ cho khách hàng doanh nghiệp là bạn hàng của Viettel và đồng thương hiệu với Viettel, chương trình liên kết sản phẩm thanh toán phí dịch vụ Logistics của MB cho các bạn hàng của Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn; sản phẩm Bancassurance ô tô trong chương trình liên kết với Công ty bảo hiểm Quân Đội và hiện đang tích cực triển khai sản phẩm liên kết trong lĩnh vực xăng dầu, viễn thông, phân phối, sản phẩm thu thuế và bảo lãnh thuế cho các doanh nghiệp thông qua hợp tác với Tổng Cục Hải quan và Kho Bạc Nhà nước Trung ương.

Để có thể tài trợ tín dụng tốt nhất cho khách hàng, MB đã thiết lập một hệ thống các sản phẩm dịch vụ tiện ích, hỗ trợ tích cực. Cụ thể:

- Tài trợ dự án các ngành năng lượng, dầu khí, cảng biển, ...;
- Tài trợ vốn lưu động cho các KH theo chuỗi ngành thực phẩm đồ uống, điện, viễn thông, xăng dầu, hàng không, hóa chất ...
- Tài trợ vốn cho nhóm khách hàng FDI trong lĩnh vực sản xuất, phân phối.
- Tập trung phát triển các sản phẩm cho phân khúc khách hàng nhỏ và siêu nhỏ: cho vay Vốn lưu động siêu tốc dành cho doanh nghiệp siêu nhỏ, cho vay vốn kinh doanh trả góp, cho vay ô tô mới và ô tô cũ, ô tô kinh doanh vận tải.
- Đẩy mạnh các sản phẩm góp phần thực hiện 02 năng lực cốt lõi của MB: Trở thành ngân hàng số 1 phục vụ KHQĐ: Cho vay xây lắp KHQĐ, bảo lãnh KHQĐ; Liên kết với Viettel: Gói sản phẩm cho doanh nghiệp cung ứng đầu vào cho VTG, Bankplus CA
- Phát triển các sản phẩm đặc thù vùng miền: Tài trợ ngành nhựa, điều...
- Đa dạng hóa kênh cung cấp các sản phẩm Tài trợ thương mại thông qua việc mở rộng kênh. Cải tiến các sản phẩm tài trợ thương mại: Chiết khấu Bộ chứng từ xuất khẩu, LC tài trợ trước giao hàng, hạn mức LC vốn tự có.
- Cho vay theo hạn mức thầu chi;
- Bao thanh toán trong nước;

Khách hàng là cá nhân

Để đáp ứng tốt nhất các nhu cầu đa dạng của khách hàng cá nhân, MB đã xây dựng và không ngừng hoàn thiện một hệ thống sản phẩm tín dụng, dịch vụ linh hoạt, thuận lợi và tiện ích phục vụ các khách hàng cá nhân:

- Cho vay mua, xây dựng và sửa chữa nhà đất;
- Cho vay mua nhà chung cư, đất dự án;
- Cho vay sản xuất kinh doanh;
- Cho vay mua xe trả góp phục vụ mục đích tiêu dùng
- Cho vay mua xe trả góp phục vụ mục đích kinh doanh;
- Cho vay tín chấp cho mọi đối tượng khách hàng cá nhân;
- Cho vay cầm cố giấy tờ có giá: bổ sung hình thức cho vay cầm cố sổ dư tài khoản TKS trên eMB
- Cho vay du học, xuất khẩu lao động;
- Cho vay chứng khoán;
- Cho vay hạn mức thấu chi;...

Đối tượng khách hàng cá nhân được phân khúc và đánh giá là phù hợp với chiến lược phát triển của MB. Việc cấp tín dụng cho khách hàng cá nhân được xem xét trên nguyên tắc thận trọng, có cơ chế kiểm soát chặt chẽ khi cho vay và khách hàng phải đáp ứng đủ điều kiện về tài chính, kinh nghiệm kinh doanh, tư cách đạo đức... theo quy định của MB. Trong những năm vừa qua, số lượng khách hàng và dư nợ cho vay cá nhân của MB tăng lên đáng kể với dư nợ chiếm từ 15% - 20% tổng dư nợ của khách hàng. Tại ngày 31/12/2013, dư nợ khách hàng cá nhân là 12.510.682 triệu đồng (đạt 135,05% so với cuối năm 2012). Tại 31/12/2014, dư nợ cá nhân là 20.781.540 triệu đồng (đạt 166,11% so với cuối năm 2013) và tại ngày 30/09/2015, dư nợ khách hàng cá nhân là 26.905.336 triệu đồng (bằng 129,47% so với cuối năm 2014)..

Chất lượng danh mục tín dụng

MB luôn coi việc tăng trưởng và phát triển quy mô dư nợ tín dụng phải dựa trên nguyên tắc đảm bảo chất lượng tín dụng tốt nhất. Danh mục tín dụng của MB luôn được kiểm soát chặt chẽ. Thực tế trong nhiều năm qua, MB đã duy trì được chất lượng danh mục tín dụng tốt, kiểm soát nợ xấu chặt chẽ, luôn duy trì tỷ lệ nợ xấu (NPL) dưới 3%.

Việc triển khai tái thiết kế quy trình tín dụng theo hướng tập trung và tổ chức bộ máy thẩm định, phê duyệt, vận hành tập trung tại Hội sở được phân quyền rõ ràng đảm bảo nguyên tắc độc lập khách quan với bộ phận kinh doanh, có tính chuyên môn hóa cao và chú trọng đầu tư nguồn lực để xây dựng các công cụ quản trị rủi ro tín dụng phù hợp với chuẩn mực quốc tế (là Ngân hàng cổ phần đầu tiên của Việt Nam được NHNN phê duyệt áp dụng Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, nâng cấp thường xuyên phần mềm Co - Banking T24 (R13), hệ thống CRA, BPM,...) đã giúp cho MB quản trị rủi ro tín dụng được bài bản, chuyên nghiệp, tiệm cận theo thông lệ quốc tế ...

Bảng 12: Phân loại nợ và tỷ lệ nợ xấu của MB

Khoản mục	Tại 31/12/2013 (triệu đồng)	Tại 31/12/2014 (triệu đồng)	Tại 30/9/2015 (triệu đồng)
Nợ đủ tiêu chuẩn	81.233.044	94.348.653	107.649.938
Nợ cần chú ý	3.898.791	2.483.762	2.896.477

Khoản mục	Tại 31/12/2013 (triệu đồng)	Tại 31/12/2014 (triệu đồng)	Tại 30/9/2015 (triệu đồng)
Nợ dưới tiêu chuẩn	653.037	478.087	521.914
Nợ nghi ngờ	674.370	902.868	371.148
Nợ có khả năng mất vốn	818.668	1.364.495	1.064.272
Hỗ trợ tài chính và hoạt động Repo	465.005	991.140	1.197.200
Tổng dư nợ	87.742.915	100.569.006	113.700.949
Tỷ lệ nợ xấu	2,45%	2,73%	1,72%

Nguồn: BCTCKT hợp nhất năm 2013, 2014 và BCTC hợp nhất Quý 3/2015 của MB

Dự phòng rủi ro tín dụng

Theo Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-NHNN ngày 31/03/2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, các tổ chức tín dụng phải thực hiện trích lập dự phòng tín dụng bao gồm: dự phòng cụ thể và dự phòng chung.

Nguyên tắc trích lập dự phòng rủi ro cụ thể được thực hiện theo tỷ lệ tương ứng với từng nhóm nợ dưới đây sau khi trừ đi giá trị tài sản đảm bảo.

Bảng 13: Trích dự phòng

Nhóm	Loại	Tỷ lệ trích lập dự phòng cụ thể
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%
6	Hỗ trợ tài chính và hoạt động Repo	Theo quy định

Nguồn: Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-NHNN ngày 31/03/2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

MB thực hiện theo đúng quy định của Ngân hàng Nhà nước như trên.

Dự phòng chung

Các tổ chức tín dụng phải thực hiện trích lập dự phòng chung bằng 0,75% tổng số dư các khoản nợ từ nhóm 1 đến nhóm 4 (không bao gồm các cam kết ngoại bảng), trừ các khoản sau đây:

- Tiền gửi (trừ tiền gửi thanh toán) tại các TCTD trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam theo quy định của pháp luật và tiền gửi tại các TCTD nước ngoài.

- Các khoản cho vay, mua có kỳ hạn giấy tờ có giá đối với TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam.

Bảng 14: Tình hình trích lập dự phòng của MB

Thời điểm	Dự phòng cụ thể	Dự phòng chung	Tổng quỹ dự phòng
	(triệu VND)	(triệu VND)	(triệu VND)
Tại 31/12/2013	1.178.428	591.720	1.770.148
Tại 31/12/2014	1.755.620	707.121	2.462.741
Tại 30/9/2015	950.621	817.883	1.768.504

Nguồn: BCTCKT hợp nhất năm 2013, 2014 và BCTC hợp nhất Quý 3/ 2015 của MB

Trên nguyên tắc thận trọng và với mục tiêu đảm bảo danh mục tín dụng lành mạnh, trong tầm kiểm soát. Với việc trích lập dự phòng chung 0,75% danh mục theo quy định. Đến 30/9/2015, MB đã thực hiện trích lập đầy đủ, MB luôn duy trì tỷ lệ nợ xấu dưới 3% so với tổng dư nợ, và trích lập dự phòng đúng quy định.

7.2.3 Hoạt động bảo lãnh ngân hàng

MB cung cấp các dịch vụ bảo lãnh đa dạng như bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước, bảo lãnh bảo hành, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thanh toán thuế, bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh đảm bảo chất lượng sản phẩm. Năm 2015, dự kiến thu nhập từ dịch vụ bảo lãnh của MB đạt 476 tỷ VND, tăng 23% so với năm 2014, tính đến hết 9 tháng đầu năm năm 2015, thu nhập từ dịch vụ bảo lãnh của MB đạt 451 tỷ VND, tăng 23,51% so với cùng kỳ năm 2014. MB xây dựng quy trình cấp bảo lãnh chặt chẽ, xem xét cấp bảo lãnh cho khách hàng tương tự như một khoản vay dựa trên phương án kinh doanh, khả năng quản lý kiểm soát phương án của ngân hàng và có sự phân cấp thẩm quyền phê duyệt (Chi nhánh/Hội sở/các Hội đồng tín dụng...) các khoản bảo lãnh và tách bạch, xác định rõ chức năng nhiệm vụ của các đơn vị tham gia vào quy trình cấp bảo lãnh. Do đó, rủi ro đối với hoạt động bảo lãnh được giảm thiểu. Có thể nói, trong số các Ngân hàng TMCP, MB là một trong những Ngân hàng được đánh giá có hoạt động bảo lãnh hiệu quả xuất phát từ năng lực tài chính và uy tín với các Bên thụ hưởng; Đồng thời, MB tận dụng được cơ sở khách hàng đa dạng kinh doanh nhiều lĩnh vực có thể phát triển được hoạt động bảo lãnh.

7.2.4 Dịch vụ thanh toán

Thanh toán trong nước

MB cung cấp dịch vụ thanh toán trong nước thông qua mạng lưới các điểm giao dịch và hệ thống ATM, hệ thống ngân hàng điện tử và thỏa thuận thanh toán với các ngân hàng khác như VCB, BIDV, Nông nghiệp để tham gia mạng lưới thanh toán của họ. Các dịch vụ thanh toán mà ngân hàng cung cấp bao gồm:

- MB cung cấp dịch vụ chuyển tiền trong nước;
- Dịch vụ quản lý tài khoản giao dịch với việc nhận tiền gửi, quản lý, theo dõi số dư;
- Cung cấp các dịch vụ về tài khoản cho khách hàng;
- Dịch vụ trả lương qua tài khoản.
- Sản phẩm, dịch vụ liên kết ngân hàng - viễn thông (kênh liên kết Viettel, ngân hàng điện tử) như Bank plus, Bank plus CA, MB plus....

Để phục vụ khách hàng tốt nhất MB đã không ngừng cải tiến công nghệ, nâng cao chất lượng dịch vụ. MB đã thành lập Trung tâm dịch vụ thanh toán tại Hội sở để đảm bảo cung cấp dịch vụ trong hoạt động thanh toán nhanh nhất và có hiệu quả nhất cho khách hàng trên mọi miền của đất nước. MB thành lập trung tâm Quản lý quy trình, thường

xuyên rà soát, ban hành các quy trình, quy chế về nghiệp vụ trong đó có quy trình thanh toán nội chiều đi và chiều đến, các quy định, chế độ thưởng phạt đối với các giao dịch viên, chuyên viên thanh toán và định kỳ cũng như đột xuất chấm điểm chất lượng dịch vụ nội bộ và chất lượng dịch vụ bên ngoài chi nhánh để không ngừng nâng cao chất lượng giao dịch hướng tới khách hàng.

Thanh toán quốc tế

Hệ thống mạng lưới hơn 800 ngân hàng đại lý trên khắp thế giới đã giúp cho hoạt động thanh toán quốc tế của MB được nhanh chóng, chính xác và được các đối tác đánh giá cao. Trong các năm 2006, 2007 và 2008, MB được Citigroup tặng giải thưởng Ngân hàng thực hiện xuất sắc nghiệp vụ thanh toán quốc tế. Năm 2007, MB nhận giải thưởng “Ngân hàng thực hiện xuất sắc các giao dịch quốc tế” từ tập đoàn HSBC. Năm 2008 và năm 2009, MB được Ngân hàng Wachovia N.Y trao tặng giải thưởng Ngân hàng có tỷ lệ điện thanh toán thành công cao.

Trong các năm 2013, 2014 và 9 tháng đầu năm 2015, mặc dù các hoạt động xuất nhập khẩu trong cả nước gặp nhiều khó khăn, dịch vụ thanh toán quốc tế của MB vẫn tăng mạnh so với năm trước. Tính đến hết năm 2014, tổng doanh số thanh toán quốc tế của MB đạt 8.494 triệu USD, tăng 14% so với năm 2013. Tính đến hết 9 tháng đầu năm 2015, tổng doanh số thanh toán quốc tế của MB đạt 5.360 triệu USD. Thu phí từ hoạt động thanh toán quốc tế năm 2014 đạt 198 tỷ VND. Thu phí từ hoạt động thanh toán quốc tế 9 tháng đầu năm 2015 đạt 158 tỷ VND tăng 19% so với cùng kỳ năm 2014.

Các dịch vụ thanh toán quốc tế mà Ngân hàng đang cung cấp bao gồm:

- Thanh toán hàng đổi hàng;
- Chuyển tiền ra nước ngoài;
- Chuyển tiền từ nước ngoài về Việt Nam;
- Nhờ thu chứng từ theo phương thức trả ngay (D/P) hoặc trả chậm (D/A) với vai trò là ngân hàng thu tiền, ngân hàng chuyển chứng từ;
- Thư tín dụng xuất khẩu với vai trò ngân hàng thông báo, ngân hàng chiết khấu hoặc ngân hàng xác nhận;
- Thư tín dụng nhập khẩu;
- Chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu;
- Phát hành bảo lãnh quốc tế; và
- Bảo lãnh Quốc tế với vai trò Ngân hàng thông báo.

7.2.5 Hoạt động kinh doanh tiền tệ và kinh doanh vốn

MB là đơn vị hoạt động rất năng động trên thị trường tiền tệ với các đối tác là các định chế tài chính ngân hàng và phi ngân hàng, trong nước và quốc tế.

Hoạt động kinh doanh nguồn vốn trên thị trường tiền tệ giúp MB sử dụng hiệu quả nguồn vốn huy động của mình, đảm bảo thanh khoản và góp phần tạo ra nguồn thu nhập tốt cho MB. Số dư tiền gửi và cho vay trên thị trường tiền tệ của MB vào ngày 31/12 các năm 2013 và năm 2014 lần lượt là 26.787 tỷ VND và 21.415 tỷ VND. Chỉ tiêu này đến 30/9/2015 đạt 30.179 tỷ VND.

Trong hoạt động đầu tư giấy tờ có giá, MB đã tận dụng được các thời điểm khi lãi suất chiết khấu của các trái phiếu Chính phủ Việt Nam lên mức rất cao để ra các quyết định đầu tư hợp lý. Do vậy, trong danh mục trái phiếu của MB, tỷ trọng trái phiếu chính phủ chiếm phần lớn với hiệu quả đầu tư cao, đồng thời MB có thể sử dụng linh hoạt các trái phiếu này cho các hoạt động thị trường mở với NHNN khi cần thiết.

Các sản phẩm phái sinh như hoán đổi tiền tệ (SWAP), quyền chọn ngoại tệ, giao dịch kỳ hạn và hoán đổi lãi suất đã được MB tư vấn cung cấp cho các khách hàng và sử dụng trong quản trị rủi ro cho chính danh mục của mình.

Năm 2015, với vai trò là một NHTM CP hàng đầu, MB đang đáp ứng đầy đủ các dịch vụ về giao dịch ngoại tệ cho khách hàng doanh nghiệp và cá nhân. Các nhu cầu giao dịch ngoại tệ của khách hàng là doanh nghiệp hay tổ chức tập trung vào một số mục đích cụ thể như thanh toán quốc tế, trả nợ vay, chuyển vốn đầu tư trong ngoài nước; trong khi giao dịch ngoại tệ của khách hàng cá nhân phục vụ giao dịch kiều hối, chuyển tiền du học, du lịch, chữa bệnh...

MB đã đáp ứng nhu cầu giao dịch của khách hàng tất cả các loại ngoại tệ mạnh như đô la Mỹ, Euro, Bảng Anh, Yên Nhật, đô la HongKong, đô la Úc, đô la Canada, đô la Singapore, Franc Thụy Sĩ... thông qua đồng tiền đối ứng là đồng Việt Nam hoặc một loại ngoại tệ khác. Tỷ giá giao dịch với khách hàng luôn ở mức cạnh tranh và chiếm được niềm tin của các khách hàng lớn và uy tín. MB tiếp tục cung cấp dịch vụ thanh toán biên mậu tại các chi nhánh Lào Cai, Móng Cái. Thông qua các chi nhánh này, các khách hàng trên toàn hệ thống của MB có giao thương với Trung Quốc đều được đáp ứng dịch vụ biên mậu.

Bên cạnh khả năng cạnh tranh cao trong việc cung cấp dịch vụ ngoại hối cho khách hàng cá nhân và tổ chức, MB còn là một trong những ngân hàng có doanh số giao dịch lớn trên thị trường liên ngân hàng. Từ năm 2007 đến nay, MB luôn được đánh giá là một trong những ngân hàng có hệ thống giao dịch và quản trị rủi ro tiên tiến theo các chuẩn mực quốc tế và có sự ảnh hưởng lớn tới thị trường ngoại hối Việt Nam. Đồng thời, MB được các ngân hàng trong nước và quốc tế đánh giá cao qua việc liên tục tăng hạn mức giao dịch ngoại hối cho MB trong điều kiện uy tín các đối tác tại Việt Nam đang suy giảm.

Các sản phẩm ngoại hối được giao dịch bao gồm: mua bán ngoại tệ giao ngay; giao dịch kỳ hạn; giao dịch hoán đổi ngoại tệ, giao dịch quyền chọn giữa ngoại tệ và ngoại tệ. Tổng doanh số giao dịch tăng đều qua các năm. Cụ thể, doanh số giao dịch ngoại hối năm 2014 là 28,8 tỷ đô la Mỹ (bằng 126% so với năm 2013) và trong 09 tháng đầu năm 2015 đạt 24 tỷ đô la Mỹ. Để đạt được thành công này, hoạt động ngoại hối tại MB đã dựa trên các nhân tố trọng yếu sau:

- Cán bộ quản lý và giao dịch có chuyên môn sâu, giàu kinh nghiệm
- Quy trình quản trị rủi ro, quản trị giao dịch chuẩn mực, chặt chẽ
- Nhạy bén và chủ động ứng biến với các cơ hội thị trường

Đối với hoạt động ngoại hối và các sản phẩm phái sinh mới, MB luôn là ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước tin tưởng trao đổi và tham khảo ý kiến trước khi ban hành văn bản.

7.2.6 Dịch vụ thẻ

Năm 2004, MB đã cung cấp sản phẩm thẻ ghi nợ Active Plus đầu tiên cho khách hàng. Trải qua 10 năm phát triển, dịch vụ thẻ MB hiện nay đã kiện toàn về mọi mặt. Với tổng số 12 sản phẩm hiện nay, trong đó có nhiều sản phẩm tiên phong trên thị trường có hàm lượng công nghệ cao như thẻ Bankplus gắn với dịch vụ Mobile, thẻ Visa có công nghệ chip bảo mật cao nhất và sản phẩm đặc thù phục vụ cho tập khách hàng riêng của Bộ quốc phòng, MB đã từng bước tăng trưởng ghi dấu trong Top 10 Ngân hàng đầu tiên về số lượng thẻ phát hành và mạng lưới chấp nhận thanh toán tại ATM, POS. Hiện tại, MB đã là thành viên chính thức của hệ thống liên minh thẻ nội địa, Tổ chức thẻ quốc tế Visa và Master. Đồng thời, MB cũng đã khai thác được lợi thế mạng lưới rộng lớn của Đối tác chiến lược Viettel để phát triển thẻ.

Năm 2013, MB đã được Tổ chức Thẻ Quốc tế Visa trao tặng giải Ngân hàng có doanh số chi tiêu trung bình cao nhất qua thẻ tín dụng Visa Gold và Classic và Tổ chức thẻ quốc tế Master trao giải là một trong 3 ngân hàng có doanh số thanh toán bình quân của thẻ trả trước cao nhất tại Việt Nam.

Lũy kế đến 31/12/2014 MB đã phát hành được trên 1,5 triệu thẻ, trong đó 866.155 thẻ nội địa; 15.752 thẻ Visa và 596.596 thẻ MasterCard. Tính đến 31/03/2015, MB đã phát hành tổng số 1,6 triệu thẻ, số lượng POS đạt hơn 1400 POS, số lượng ATM toàn hệ thống đang hoạt động là 528 máy ATM.

Lũy kế đến 30/09/2015 MB đã phát hành được trên 1,8 triệu thẻ, bao gồm khoảng 1.200.000 thẻ nội địa; khoảng 21.000 thẻ Visa và 650.000 thẻ MasterCard, số lượng POS đạt hơn 1.400 POS, số lượng ATM toàn hệ thống đang hoạt động là 553 máy ATM.

7.2.7 Hoạt động đầu tư

7.2.7.1 Định hướng chiến lược hoạt động đầu tư

Chiến lược đầu tư của MB là chú trọng đầu tư xây dựng hạ tầng, tăng năng lực tài chính, đầu tư kinh doanh trên thị trường vốn, đầu tư tăng năng lực các định chế công ty thành viên, tăng cường hợp tác đầu tư chiến lược với các cổ đông lớn và đối tác tiềm năng, nhằm mục tiêu đa dạng hóa nguồn thu, tận dụng tốt các cơ hội đầu tư sinh lời cao, tăng năng lực sử dụng vốn chủ sở hữu, phát triển cơ sở hạ tầng cho Ngân hàng.

Các hoạt động đầu tư chủ yếu của MB gồm:

- Đầu tư kinh doanh trên thị trường vốn;
- Đầu tư tăng năng lực, phát triển hệ thống các Công ty thành viên; và
- Đầu tư phát triển nguồn lực, xây dựng trụ sở, nhà cửa vật kiến trúc, hệ thống hạ tầng và công nghệ cho Ngân hàng.

MB quản lý các hoạt động đầu tư tập trung tại Hội sở. Các hoạt động đầu tư kinh doanh do MB thực hiện được tiến hành phù hợp với các quy định của NHNN VN và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về việc đầu tư bằng nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn vốn khác phù hợp quy định của pháp luật. Các công ty thành viên của MB thực hiện hoạt động đầu tư trong các lĩnh vực kinh doanh chứng khoán, quản lý quỹ đầu tư, mua bán nợ và khai thác tài sản, kinh doanh BĐS,... phù hợp với các qui định liên quan của từng ngành nghề.

7.2.7.2 Hoạt động đầu tư kinh doanh vốn

Tính đến ngày 30/9/2015, tổng danh mục đầu tư của MB đạt 53,971,084 triệu VND, trong đó:

- Chứng khoán đầu tư và kinh doanh, trái phiếu chính phủ: 52,186,563 triệu VND; và
- Đầu tư chiến lược, góp vốn liên doanh liên kết dài hạn: 1,784,521 triệu VND.

Đầu tư kinh doanh trên thị trường tài chính

Đầu tư và kinh doanh trên thị trường tài chính là hoạt động đầu tư kinh doanh chủ yếu của MB, bao hàm cả việc đầu tư Chứng khoán Nợ, Chứng khoán Vốn tại MB và các hoạt động đầu tư hay tự doanh chứng khoán tại các Công ty thành viên.

Danh mục Chứng khoán Đầu tư là tài sản trọng yếu, chiếm đến 75,48% tổng vốn đầu tư của toàn danh mục, trong đó chủ yếu là các Chứng khoán Nợ (gồm các giấy tờ có giá như trái phiếu chính phủ, trái phiếu kho bạc, trái phiếu các tổ chức tín dụng, trái phiếu các tổ chức kinh tế, ... và các loại công cụ nợ khác).

Hoạt động kinh doanh chứng khoán bao gồm hoạt động tự doanh, mua bán chứng khoán tại các đơn vị thành viên, chủ yếu tại MBS và MBCapital. Chứng khoán kinh

doanh luôn được duy trì với tỷ trọng nhỏ trên tổng vốn đầu tư toàn danh mục và được quản trị rủi ro chặt chẽ.

Góp vốn đầu tư dài hạn

Tính đến 30/09/2015, danh mục vốn đầu tư liên doanh liên kết dài hạn đạt giá trị 1.784,52 tỷ VND, là danh mục đầu tư được kiểm soát rủi ro tốt và có tiềm năng sinh lời lớn. Cơ cấu đầu tư theo lĩnh vực ngành nghề hiện nay của MB đang đi theo đúng định hướng và kế hoạch sử dụng vốn chủ sở hữu hàng năm được Đại hội cổ đông MB thông qua.

Các dự án góp vốn đầu tư liên doanh liên kết dài hạn tập trung chủ yếu trong các lĩnh vực: tài chính ngân hàng, năng lượng, viễn thông, khai thác hạ tầng cảng biển, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực ngân hàng, ... MB thực hiện góp vốn dài hạn để thực hiện một số dự án có tiềm năng lớn, có khả năng sinh lời cao, đồng thời tạo ra các cơ hội hợp tác và cung cấp sản phẩm dịch vụ ngân hàng như: Dự án giãn khoan nửa nổi nửa chìm TAD, dự án khai thác cảng ICD Long Bình, dự án thủy điện Hòa Na, dự án thủy điện Thái An... Bên cạnh đó, MB cũng thực hiện đầu tư chiến lược và tham gia sáng lập một số tổ chức tài chính lớn, uy tín như: Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Quân Đội, Công ty Tài chính CP Sông Đà, Công ty Tài chính CP Vinaconex - Viettel, ... hiện đang tiến hành tái cơ cấu thoái vốn theo lộ trình của NHNN.

Thông qua hoạt động đầu tư liên doanh liên kết, MB luôn có điều kiện tiếp cận các dự án đầu tư có nhiều tiềm năng, có điều kiện hợp tác sâu hơn với các đối tác chiến lược như: Tập đoàn Sông Đà, Tổng Công ty Tân cảng Sài Gòn, Tập đoàn Viễn Thông Quân đội (Viettel), Tập đoàn Than khoáng sản Việt Nam (TKV), Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty Trục thăng Việt Nam (SFC), Tổng Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Vinaconex), Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội, ... nhằm khai thác tối đa các lợi ích trong quan hệ hợp tác cùng nhau phát triển, chia sẻ cơ hội đầu tư, cung ứng các sản phẩm dịch vụ tài chính trọn gói, ...

Quản trị rủi ro và dự phòng giảm giá danh mục đầu tư

MB tuân thủ đầy đủ các quy định về hạn mức và giới hạn lĩnh vực đầu tư theo quy định của NHNN và các quy định khác của pháp luật. Danh mục đầu tư được định giá thường xuyên và định kỳ, công tác quản trị rủi ro đầu tư và dự phòng tổn thất được quan tâm chú trọng. Tại thời điểm 30/09/2015, tổng mức dự phòng giảm giá danh mục đầu tư là 1.036,46 tỷ VND.

7.2.7.3 Hoạt động đầu tư nhà cửa, vật kiến trúc, công nghệ của Ngân hàng

Đầu tư nhà cửa, vật kiến trúc

MB dành ngân sách phù hợp cho việc phát triển hệ thống trụ sở MB tại các tỉnh, thành phố khu đô thị trọng điểm trong cả nước, phục vụ mục tiêu mở rộng và nâng cao khả năng phục vụ khách hàng.

Tính đến 30/09/2015, MB đầu tư gần 2.732 tỷ VND vào các dự án phát triển hạ tầng bất động sản. Trong kế hoạch phát triển hạ tầng 2015 và những năm tiếp theo, MB đã định hướng phát triển hạ tầng bất động sản làm trụ sở cho MB, tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và các đô thị kinh tế trọng điểm khác.

Bảng 15: Các dự án đang đầu tư xây dựng mới và cải tạo trụ sở văn phòng của MB

STT	Dự án	Diện tích/ Quy mô	Thời gian dự kiến hoàn thành	Kế hoạch, tiến độ của dự án
1	Dự án đầu tư phát triển trụ sở MB Việt Trì tại 1596 đại lộ Hùng Vương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	+ Diện tích đất: 3.110 m ² + Xây dựng 8 tầng nổi và 1 tầng hầm	2014	Đã hoàn thành xây dựng công trình, đưa vào khai thác từ tháng 02/2014
2	Đầu tư xây dựng trụ sở Chi nhánh Cần Thơ & văn phòng cho thuê tại 77 Võ Văn Tần, quận Ninh Kiều, Tp Cần Thơ.	+ Diện tích đất: 592 m ² + Xây dựng 7 tầng nổi, 1 tầng bán hầm và 1 tầng áp mái	2015	Đã hoàn thành xây thô 7 tầng, dự kiến cuối tháng 11/2015 chính thức đưa vào hoạt động
3	Dự án xây dựng trụ sở Chi nhánh Bắc Ninh & Văn phòng cho thuê tại đường Lý Thái Tổ, Phường Ninh Xá, thành phố Bắc Ninh	+ Diện tích đất: 6.225 m ² + Xây dựng 9 tầng và 1 tầng hầm	2015	Đã hoàn thành xây dựng công trình, Chuẩn bị khai trương đưa vào hoạt động.
4	Dự án đầu tư, xây dựng trụ sở Chi nhánh Khánh Hòa tại Tp. Nha Trang	+ Diện tích đất: 968 m ² + Xây dựng 6 tầng nổi, 1 tầng hầm	2015	Đang trong giai đoạn thi công, xây dựng công trình, dự kiến hoàn thành vào Q2/2016
5	Dự án đầu tư, xây dựng trụ sở Chi nhánh Hải Phòng tại đường Lê Hồng phong, Tp. Hải Phòng	+ Diện tích đất: 1.650 m ² + Xây dựng 10 tầng nổi, 1 sân kỹ thuật và 1 tầng bán hầm	2016	Đang trong giai đoạn thi công, xây dựng công trình, dự kiến hoàn thành Q1.2016
6	Dự án MB Grand Tower tại 63 Lê Văn Lương, Hà Nội.	+ Diện tích đất: 4.950 m ² . + Xây dựng 25 tầng nổi, 4 tầng hầm.	2017	Đang trong giai đoạn triển khai đầu tư.

Nguồn: MB

Bảng 16: Các dự án bất động sản do các Công ty con của MB tham gia đầu tư

STT	Tên dự án	Diện tích (m ²)	Địa chỉ	Đơn vị quản lý
1	Dự án Khu Thương mại, Văn phòng và Căn hộ tại khu đô thị Mỹ Đình	4.435	Khu Đô thị Mỹ Đình I, Từ Liêm, Hà Nội	MBAMC (đang hoàn tất thủ tục bàn giao sang MBLand)
2	Dự án Cái Răng - Cần Thơ	2.959,50	Thửa đất số 2432, Tờ bản đồ số 01 Phường Phú Thứ, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ	MBAMC

STT	Tên dự án	Diện tích (m ²)	Địa chỉ	Đơn vị quản lý
3	Dự án xây dựng trụ sở MB tại TP HCM – MB Sunny Tower.	1.424	Địa chỉ: 259 Trần Hưng Đạo - Q1 - thành phố Hồ Chí Minh.	Viet - Remax

Nguồn: MB

Các dự án đầu tư vào hệ thống công nghệ thông tin của MB

Hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin, ứng dụng công nghệ hiện đại tiệm cận các chuẩn mực quốc tế là một nhân tố tất yếu để MB phục vụ tốt nhất các nhu cầu của khách hàng cũng như hiện thực hóa mục tiêu năm 2015 nằm trong TOP 3 hệ thống Ngân hàng TMCP hàng đầu Việt Nam, Top 5 các Ngân hàng thương mại với định vị là Ngân hàng thuận tiện cho khách hàng. Chiến lược CNTT giai đoạn 2012 – 2015 cũng đã chỉ rõ định hướng phát triển CNTT dựa trên sự khác biệt và thế mạnh của MB, cụ thể:

Xây dựng nền tảng cơ sở hạ tầng vững chắc:

- Hoàn thành đầu tư giải pháp an ninh bảo mật đảm bảo hoạt động giao dịch của khách hàng và an toàn thông tin cho các hệ thống CNTT của MB.
- Hoàn thành đầu tư nâng cấp máy chủ và tủ đĩa nhằm tăng năng lực hoạt động cho các hệ thống lõi của Ngân hàng (CoreBanking, Thẻ và Mobile Banking) đáp ứng nhu cầu tăng trưởng về kinh doanh của Ngân hàng trong Quý III/2015.

Cải tiến hệ thống CNTT đáp ứng yêu cầu kinh doanh và quản trị của Ngân hàng:

- Tiên phong trong việc tin học hóa các quy trình nghiệp vụ với giải pháp công nghệ hiện đại hàng đầu thế giới (giải pháp BPM/ESB của SAG, ECM của EMC) MB triển khai trên toàn hàng các quy trình đầu cuối (end-to-end) cho Chuyển tiền quốc tế chiều đi, LC nhập khẩu, Tín dụng khách hàng cá nhân. Việc áp dụng giải pháp công nghệ trong công tác quản lý quy trình giúp MB hạn chế được các rủi ro phát sinh trong quá trình vận hành, tăng năng suất lao động và đảm bảo cam kết SLA mang lại sự hài lòng cho khách hàng. MB đang tiếp tục tự triển khai các quy trình kinh doanh trọng yếu của Ngân hàng là quy trình Tín dụng KHDN, dự kiến sẽ chạy chính thức tháng 12/2015.
- MB đã hợp tác chặt chẽ với đối tác chiến lược Viettel để mở rộng kênh phân phối các sản phẩm và dịch vụ Ngân hàng trên kênh viễn thông với các sản phẩm mang hàm lượng công nghệ cao thông qua thiết bị ĐTDĐ với các dịch vụ thu chi hộ và thanh toán (BankPlus S, BankPlus MasterCard).
- Giải pháp kinh doanh nguồn vốn (F2B) cũng đã được MB đầu tư và chính thức hoạt động từ ngày 1/1/2015 đảm bảo các hoạt động kinh doanh trên thị trường 2 của khối nguồn vốn với quy trình xuyên suốt từ front-office tới back-office, là công cụ trợ giúp đắc lực cho công tác điều hành kinh doanh tiền tệ của Ngân hàng.
- MB đã hoàn thành lựa chọn nhà cung cấp giải pháp kho dữ liệu thông minh (Datawarehouse) với công cụ phân tích báo cáo chuyên sâu trợ giúp cho việc ra quyết định kinh doanh nhanh chóng và quản lý rủi ro hiệu quả, giai đoạn 1 của dự án cũng sẽ được hoàn tất trong năm 2015.
- Với mục tiêu hợp nhất nền tảng hạ tầng Ngân hàng điện tử phục vụ cho hoạt động giao dịch của khách hàng, MB đã thực hiện đầu tư hệ thống Ebanking mới đáp ứng các tiêu chuẩn an ninh bảo mật về giao dịch, mở rộng các sản phẩm dịch vụ có thể được cung cấp cho các khách hàng cá nhân và các sản phẩm đặc thù được thiết kế

cho các tổ chức là khách hàng của MB như quản lý dòng tiền, quản lý chuỗi cung ứng hay chuỗi phân phối. Dự kiến hoàn thành chạy chính thức vào tháng 3/2016.

- MB đã triển khai thành công và đang sử dụng hệ thống kế toán tài chính quản trị doanh nghiệp GL của ORACLE hỗ trợ cho công tác quản lý tài chính và quản trị ngân hàng.

7.2.8 Thị trường hoạt động

7.2.8.1 Mạng lưới chi nhánh của Ngân hàng

- 8 Về cơ cấu tổ chức, tính đến ngày 30/9/2015, MB có 1 Hội sở chính và 220 ĐGD, trong đó có 1 chi nhánh tại Lào, 1 chi nhánh tại Campuchia và 218 ĐGD tại 44 tỉnh thành trong nước. Hệ thống mạng lưới rộng giúp MB có thể tiếp cận và cung cấp các dịch vụ tài chính của mình nhanh và thuận tiện cho nhiều đối tượng khách hàng khác nhau. Đặc biệt, từ 16/04/2012, MB đã thực hiện giao dịch thông qua tại trụ sở các chi nhánh và Phòng giao dịch trên địa bàn 2 thành phố lớn là Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh, tiến tới là triển khai trên toàn hệ thống để mang lại tiện ích hơn nữa cho khách hàng.
- 9 Theo định hướng chiến lược, mạng lưới của MB được phát triển theo hướng chọn lọc: tập trung ở các khu vực kinh tế trọng điểm, các thành phố lớn và phục vụ khách hàng truyền thống. Bên cạnh mạng lưới truyền thống, các liên kết chiến lược cũng đã và đang được chú trọng triển khai, đó là liên kết chặt chẽ giữa MB và các công ty thành viên, giữa MB và các đối tác chiến lược. Điển hình là liên kết giữa MB với Tập đoàn Viettel, thông qua mạng lưới hàng nghìn điểm giao dịch của Viettel, MB sẽ đưa các sản phẩm dịch vụ của mình đến với các địa bàn nông thôn, vùng sâu, vùng xa. MB còn là Ngân hàng tiên phong trong việc phát triển các kênh điện tử như Internet banking, Mobile banking, cổng thanh toán eCom... để tăng khả năng tiếp cận, tăng tiện ích cho các khách hàng.
- 10 Hệ thống mạng lưới của MB hoạt động an toàn và hiệu quả, ngày càng củng cố uy tín của MB với khách hàng. Tại thành phố lớn khác như TP. HCM, Đà Nẵng, Cần Thơ, Việt Trì, Hải Phòng, Quảng Ninh, Ninh Bình đều nằm trong top 5 của các NHTMCP trên địa bàn về hầu hết các chỉ tiêu kinh doanh chính như tổng tài sản, huy động, tín dụng, lợi nhuận.

Trong 2 năm 2010, 2011, MB mở hai chi nhánh nước ngoài tại Lào và Campuchia. Với việc xác định khách hàng mục tiêu là các nhà đầu tư của Việt Nam tại Lào và Campuchia, bên cạnh các khách hàng bản địa, sau một thời gian hoạt động, hai chi nhánh nước ngoài đã tạo lập được uy tín, vị thế, tự tin cạnh tranh với các Ngân hàng tại đây, được các Ngân hàng Nhà nước bạn đánh giá cao. Tính tới hết tháng 9/2015, hai chi nhánh nước ngoài đều hoạt động ổn định và có lãi, có cơ sở khách hàng khá rộng rãi trong đó có nhiều khách hàng là tổ chức, cá nhân người Việt Nam hoạt động tại nước bạn. Đây là những kinh nghiệm quý báu để MB tiếp tục khẳng định vị thế và mở rộng thị trường của mình ra nước ngoài. Tháng 9/2015, MB đã được NHNN chấp thuận cho mở Văn phòng đại diện tại Nga, là tiền đề để MB vươn ra thị trường quốc tế.

10.2.1.1 Mạng lưới chi nhánh của Công ty con, đối tác chiến lược và khách hàng

Bên cạnh việc cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tài chính ngân hàng thông qua mạng lưới của mình, MB còn hợp tác với mạng lưới rộng khắp của các công ty thành viên, của các đối tác và cổ đông chiến lược thông qua các dịch vụ và sản phẩm đồng thương hiệu, các chương trình bán chéo sản phẩm để phân phối các dịch vụ, sản phẩm của MB, và đặc biệt hơn là thông qua các nền tảng viễn thông và công nghệ.

Mạng lưới của Công ty thành viên

- Công ty cổ phần Chứng khoán MB (MBS): gồm 1 Trụ sở chính tại Hà Nội, 04 chi nhánh tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, 2 phòng giao dịch tại TP. Hồ Chí Minh và các phòng dịch vụ chứng khoán lưu động.
- Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB (MB Capital): Trụ sở chính tại Hà Nội; 01 văn phòng đại diện tại TP. HCM.

- Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Quân Đội (MBAMC): Trụ sở chính tại Hà Nội, 02 chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Đà Nẵng;
- Công ty cổ phần Địa ốc MB (MB Land): Trụ sở chính tại Hà Nội; 01 chi nhánh là khách sạn quốc tế ASEAN tại số 8 phố Chùa Bộc, phường Quang Trung, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam; 01 chi nhánh tại tòa nhà MB Sunny Tower số 259 Trần Hưng Đạo, phường Cô Giang, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Công ty có 01 văn phòng đại diện tại miền Trung tại địa điểm Lô 14, số 15 Nguyễn Văn Linh nối dài, phường Nam Dương, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam;
- Công ty TNHH Việt R.E.M.A.X: Trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đối tác chiến lược

MB xác định việc xây dựng các mối quan hệ đối tác toàn diện nhằm phát huy lợi thế cũng như ưu điểm của các bên là quan trọng và cần thiết. MB hiện nay đã có mối quan hệ hợp tác chiến lược với một số đối tác quan trọng như Tập đoàn Viễn thông Quân đội (Viettel), Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn, Tổng Công ty Trục thẳng Việt Nam và Ngân hàng cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank), Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC). Ngoài ra, MB còn ký nhiều thỏa thuận hợp tác toàn diện với các tập đoàn và tổng công ty lớn như Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (PetroVietnam), Tập đoàn Công nghiệp Than và Khoáng sản Việt Nam (TKV), Tổng công ty Xăng dầu Quân Đội và các tập đoàn tư nhân khác.

8. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2013, 2014 và 9 tháng đầu năm 2015

8.1 Kết quả hoạt động kinh doanh của MB

Bảng 17: Kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng

Chỉ tiêu	Năm 2013 (triệu VND)	Năm 2014 (triệu VND)	% tăng giảm 2014 so với 2013	9 tháng đầu năm 2015 (triệu VND)
Tổng giá trị tài sản	180.381.064	200.489.173	11,15%	207.977.726
Thu nhập lãi thuần	6.124.371	6.540.075	6,79%	5.476.752
Thuế thu nhập doanh nghiệp	735.916	671.015	(8,82%)	543.186
Lợi nhuận trước thuế	3.021.633	3.174.003	5,04%	2.552.973
Lợi nhuận sau thuế	2.285.716	2.502.988	9,51%	2.009.787

Nguồn: BCTCKT hợp nhất năm 2013, 2014 và BCTC hợp nhất Quý 3/2015 của MB

8.2 Những nhân tố ảnh hưởng kết quả kinh doanh của MB trong năm báo cáo

Tăng trưởng kinh tế toàn cầu 2015 được dự báo thấp hơn 2014. Tình hình kinh tế thế giới chịu nhiều ảnh hưởng từ sự kiện Trung Quốc phá giá đồng Nhân dân tệ; tăng giá các đồng tiền quốc tế (EUR, JPY vv...); thị trường chứng khoán Nga, Trung Quốc sụt giảm mạnh; giá dầu thô giảm sâu, tiếp tục duy trì mức thấp... Kinh tế - xã hội nước ta 9 tháng đầu năm tiếp tục giữ được ổn định. Lạm phát cơ bản ở kiểm soát ở mức ~2,4%, CPI bình quân tăng 0,74% so với cùng kỳ 2014. GDP 9 tháng tăng 6,5% là mức tăng tốt nhất trong 5 năm trở lại (dự báo cả năm tăng 6,5%).

NHNN điều hành chính sách tiền tệ theo hướng linh hoạt, chặt chẽ, kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô. Thanh khoản ổn định. Tỷ giá VNĐ/USD kiểm soát trong biên độ. Tích cực xử lý nợ xấu, đưa tỷ lệ nợ xấu toàn ngành dưới 3%. Quyết liệt tái cơ cấu các TCTD yếu kém.

Sau ba năm triển khai, tiến trình tái cơ cấu hệ thống tổ chức tín dụng đã đạt được một số kết quả khả quan, các chỉ số an toàn hệ thống ngân hàng được ổn định và cải thiện rõ nét. Tuy nhiên, nguy cơ về nợ xấu gia tăng, hoạt động của doanh nghiệp hạn chế, cầu tín dụng yếu và cạnh tranh gay gắt trong lĩnh vực ngân hàng vẫn là những vấn đề hết sức đáng lo ngại.

Trong điều kiện kinh tế xã hội như vậy, dưới sự chỉ đạo quyết liệt của Hội đồng quản trị, Ban điều hành, cùng sự nỗ lực của toàn thể cán bộ nhân viên, kết quả kinh doanh của MB và các công ty thành viên đạt được rất đáng khích lệ. Riêng ngân hàng đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.

Trong 9 tháng đầu năm 2015, mặc dù nền kinh tế và môi trường kinh doanh ngân hàng còn nhiều khó khăn, áp lực về xử lý nợ xấu và gần đây nhất là về vấn đề tỷ giá. MB đã nỗ lực kinh doanh, chủ động, sát với diễn biến thị trường, chủ động đưa ra các giải pháp sáng tạo đối phó tích cực với các diễn biến về lãi suất, tỷ giá... Kết quả kinh doanh 9 tháng của riêng MB tiếp tục hoàn thành vượt mức các mục tiêu KH Quý 3 đã đề ra: tín dụng đạt 113.401 tỷ, hoàn thành 98,2% kế hoạch, tăng trưởng 12,8% so với 2014 cao hơn mức tăng trưởng toàn ngành (10,78%), huy động vốn tăng trưởng ổn định, bền vững đạt 174.374 tỷ, hoàn thành 99,6% kế hoạch, tăng trưởng 3,8% so với đầu năm; chất lượng tín dụng liên tục được cải thiện (tỷ lệ nợ xấu 1,73%). Lợi nhuận trước thuế duy trì TOP đầu nhóm NHTMCP đạt 2.406 tỷ, hoàn thành 80,1% kế hoạch năm, tăng 6,9% so với cùng kỳ năm 2014. Với kết quả kinh doanh khả quan trên, MB đã trình NHNN đề xuất tăng tỷ lệ tăng trưởng tín dụng so với phê duyệt ban đầu. Đồng thời, MB là một trong những Ngân hàng sớm nhất hoàn thành việc xử lý nợ xấu và bán nợ VAMC theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước từ cuối tháng 8/2015, và là Ngân hàng duy nhất được NHNN chấp thuận tạm ứng cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 5% trong năm 2015 đến thời điểm hiện tại.

Với những kết quả như vậy, năm 2014 đón nhận Huân chương Lao động Hạng Nhất, đây là phần thưởng cao quý ghi nhận những nỗ lực của MB trong suốt 21 năm xây dựng, phấn đấu và trưởng thành. MB đã vươn lên, trở thành một ngân hàng lớn mạnh, giữ vững vị thế, uy tín của Quân đội. Các hoạt động quản trị Ngân hàng, quản trị rủi ro, quản trị tài chính, quản trị nhân sự... đã phát triển lên một tầm cao mới, tiệm cận với thông lệ quốc tế. Chính vì vậy, MB được các tổ chức xếp hạng quốc tế, các cơ quan kiểm toán, Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan quản lý đánh giá là một tổ chức tín dụng có các chỉ số tài chính tốt với kết quả kinh doanh minh bạch, các số liệu phản ánh chính xác, khách quan.

Bên cạnh việc phát triển kinh doanh, Hội đồng quản trị xác định văn hóa doanh nghiệp – một trong những nền tảng chiến lược quan trọng chính, là sợi dây gắn kết bền chặt của MB, giúp phát huy các giá trị cốt lõi bên cạnh giữ vững uy tín Quân đội (kỷ luật nghiêm minh, hiệu quả an toàn, chấp hành pháp luật và có trách nhiệm với xã hội). Chính vì vậy, sau 21 năm hình thành và phát triển, MB đã tạo dựng được cho mình giá trị văn hóa cốt lõi, tạo nên một nét văn hóa riêng có của MB. Các giá trị cốt lõi đó là đoàn kết – kỷ luật – tận tâm – thực thi – tin cậy – hiệu quả. Đồng thời, là một công ty niêm yết, MB luôn ý thức duy trì và nâng cao tính hiệu quả và minh bạch trong công tác quản trị, hướng tới áp dụng những thông lệ quốc tế về quản trị tốt nhất, đảm bảo quyền lợi chính đáng và sự bình đẳng cho các cổ đông.

9. Vị thế của MB trong ngành

9.1 Triển vọng phát triển của ngành ngân hàng

Nền kinh tế Việt Nam đã trải qua một giai đoạn khó khăn và bước đầu đã có những dấu hiệu phục hồi, tăng trưởng trở lại trong thời gian gần đây thể hiện thông qua việc chính sách tiền tệ ổn định, tỷ lệ lạm phát, tỷ giá được kiểm soát, dự trữ ngoại hối được cải thiện, hệ số tín nhiệm quốc gia được nâng lên 1 bậc,... Cùng với triển vọng hồi phục của kinh tế và các hiệp định thương mại tự do sẽ được ký kết, nền kinh tế Việt Nam nói chung và các ngành kinh tế nói riêng đang đứng trước những cơ hội phát triển lớn. Nhờ đó, ngành ngân hàng sẽ có cơ hội phát triển nhanh chóng để phục vụ cho nhu cầu phát triển của nền kinh tế.

Thị trường tài chính của Việt Nam còn khá sơ khai. Các công ty tư vấn hàng đầu thế giới như EY, PwC, KPMG, Mc Kinsey.... xếp thị trường Việt Nam vào nhóm các thị trường mới hình thành. So sánh thị trường tài chính Việt Nam với các thị trường tài chính các nước trong ASEAN, các chỉ tiêu về tổng tài sản, mức độ vốn hóa, tỷ lệ sử dụng dịch vụ ngân hàng,... của Việt Nam còn thấp hơn nhiều so với các nước trong khu vực ASEAN. Các phân tích trên cho thấy thị trường ngân hàng Việt Nam còn có nhiều cơ hội phát triển đặc biệt là phân khúc bán lẻ khi quy mô dân số của Việt Nam lớn, tầng lớp trung lưu đang gia tăng nhanh và tỉ lệ sử dụng dịch vụ ngân hàng hiện tại còn rất thấp.

Để đảm bảo tốt vai trò là xương sống của nền kinh tế, ngành ngân hàng đang ngày càng phát triển cả về quy mô và hoàn thiện môi trường pháp lý. Với sự ra đời của Luật Ngân hàng nhà nước, Luật các tổ chức tín dụng và các Thông tư, nghị định hướng dẫn của ngành đã có những cải thiện đáng kể về hành lang pháp lý cho hoạt động ngân hàng. Ngân hàng nhà nước với vai trò cơ quan quản lý cũng không ngừng cải cách về cơ cấu tổ chức, cách thức điều hành, đảm bảo cho ngành ngân hàng luôn đảm bảo hoạt động an toàn và phục vụ tốt cho phát triển kinh tế của đất nước.

Năm 2015 là năm cuối cùng của giai đoạn 1 quá trình tái cơ cấu nền kinh tế nói chung và ngành ngân hàng nói riêng. Vì vậy đây là năm bản lề để cho quá trình phát triển của giai đoạn tiếp theo 2016-2020. Trong các năm tới ngành ngân hàng sẽ tập trung:

- Xây dựng một môi trường pháp lý minh bạch, bình đẳng, hỗ trợ và thúc đẩy các TCTD hoạt động an toàn, cạnh tranh lành mạnh và đảm bảo an toàn hệ thống;
- Tái cơ cấu, cải cách căn bản, triệt để, xử lý dứt điểm sở hữu chéo, nhằm phát triển hệ thống các TCTD Việt Nam theo hướng hiện đại, hoạt động đa năng, đa dạng về sở hữu và loại hình TCTD, có qui mô hoạt động và tiềm lực tài chính mạnh.
- Tăng cường năng lực tài chính, năng lực quản trị rủi ro của các TCTD theo hướng tăng vốn tự có và nâng cao chất lượng tài sản và khả năng sinh lời, đảm bảo tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn quốc tế về hoạt động ngân hàng (Basel II);
- Các NH sẽ ngày càng tập trung vào việc nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, triển khai các sản phẩm dịch vụ tiện ích cho khách hàng dựa trên nền tảng công nghệ. Sản phẩm dịch vụ dựa trên công nghệ tiên tiến, internetbanking và mobile banking sẽ lên ngôi. Phương thức thanh toán phi tiền mặt sẽ ngày càng gia tăng đặc biệt đối với thế hệ trẻ;
- Các kênh bán hàng phi truyền thống như mobile sale, telesale, bán chéo bancassurance,... sẽ ngày càng phát triển bên cạnh việc bán hàng thông qua các kênh truyền thống;
- Quá trình tái cơ cấu toàn hệ thống, xu hướng mua bán, sáp nhập sẽ tiếp tục được thực hiện và kết quả là sẽ hình thành các ngân hàng Việt Nam tầm cỡ trong khu vực.

Như vậy, có thể thấy, triển vọng phát triển ngành ngân hàng trong thời gian tới rất lớn. Đó không chỉ là cơ hội cho ngành ngân hàng mà còn là đòi hỏi cấp bách nhằm phục vụ cho mục tiêu phát triển nền kinh tế của Việt Nam.

9.2 Vị thế của MB trong ngành ngân hàng

9.2.1 Lợi thế kinh doanh của MB

Trải qua 21 năm xây dựng và phát triển, MB đã khẳng định vững chắc vị thế của một trong các Ngân hàng TMCP lớn của Việt Nam, tạo dựng được niềm tin đối với khách hàng. Đạt được những kết quả ấn tượng trên đó là do MB đã tận dụng triệt để những thế mạnh của mình trong suốt quá trình hoạt động:

- **Ưu thế về đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt, chất lượng nhân viên:** Đội ngũ nhân sự cấp cao của MB được duy trì ổn định và liên tục được bổ sung trong các năm vừa qua, đặc biệt là các vị trí quản lý cao cấp. Các thành viên Hội đồng quản trị MB đều có kinh nghiệm quản trị, điều hành các tập đoàn, công ty lớn hoặc nắm giữ các vị trí trọng yếu trong bộ máy nhà nước. Thành viên Ban điều hành có độ tuổi khoảng 40 và có trình độ thạc sỹ kinh tế trong và ngoài nước. Đội ngũ quản lý của MB ngày càng phát triển về cả số lượng và chất lượng, gắn bó và cam kết cao với sự nghiệp phát triển của MB. Sự đoàn kết, nhất trí cao trong quản trị điều hành đã xây dựng niềm tin cho toàn bộ cán bộ nhân viên, giúp cho MB phát triển ổn định đúng như tiêu chí “vững vàng, tin cậy”.
- **Mô hình tổ chức và hoạt động của MB** được triển khai theo hướng hiện đại, quản lý và phát triển theo trục dọc đảm bảo nguyên tắc cân bằng thu nhập - rủi ro - tăng trưởng - kiểm soát. Với mô hình này, MB tập trung cho các lĩnh vực kinh doanh mũi nhọn, quản trị rủi ro hiệu quả, đồng thời tăng cường quản lý tập trung theo các khối xuyên suốt từ Hội sở đến các chi nhánh, phòng giao dịch.
- **Hệ thống quản trị rủi ro hiệu quả:** MB luôn quan tâm, chú trọng đến việc quản trị rủi ro và xác định đây là một trong hai nền tảng quan trọng để thực thi thành công chiến lược của Ngân hàng trong giai đoạn 2011 – 2015, tầm nhìn đến năm 2020. Trong những năm qua, MB không ngừng hoàn thiện công tác quản trị rủi ro theo hướng toàn diện, hiệu quả, tiệm cận theo thông lệ quốc tế Basel II. Sau khi được Ngân hàng Nhà nước phê duyệt áp dụng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ theo phương pháp chuyên gia vào năm 2007, hiện tại MB đã và đang trong quá trình hoàn thiện hệ thống xếp hạng - phê duyệt tín dụng KHCN & SME siêu nhỏ theo phương pháp thống kê với độ chính xác cao hơn. Bên cạnh đó, MB hiện cũng là một trong những Ngân hàng đi đầu trong việc áp dụng toàn diện mô hình, các công cụ Quản trị rủi ro hoạt động bài bản theo Basel II vào lần lượt các lĩnh vực hoạt động Ngân hàng; áp dụng phương pháp VaR vào đo lường và quản trị rủi ro thị trường cho toàn bộ danh mục Tradingbook; công tác Quản trị rủi ro tập đoàn và các chi nhánh nước ngoài cũng được phát huy nhằm quản trị toàn diện, tạo tính bền vững và ổn định trong hoạt động kinh doanh chiến lược.
- **Ưu thế về vốn và cổ đông:** Với các cổ đông chính là các doanh nghiệp và định chế tài chính lớn như: Tập đoàn Viễn Thông Quân Đội (Viettel), Vietcombank, Tổng Công ty Trục thăng Việt Nam, Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn, Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC)... MB có được một cơ cấu cổ đông bền vững, góp phần vào sự tăng trưởng của vốn điều lệ, tạo cơ sở vững chắc cho sự phát triển không ngừng trong hoạt động kinh doanh.
- **Ưu thế về nguồn huy động:** Nguồn vốn huy động của MB rất đa dạng, từ các nguồn khách hàng khác nhau như cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức tín dụng, trong đó nguồn vốn huy động ổn định từ thị trường 1 (thị trường dân cư và các tổ chức kinh tế) là khách hàng trung thành chiếm tỷ trọng lớn. MB sẽ tiếp tục các chiến lược gia tăng

nguồn tiền gửi bằng việc đa dạng các sản phẩm huy động vốn, chăm sóc khách hàng nhằm gia tăng việc thu hút lượng tiền gửi từ khu vực doanh nghiệp và dân cư.

▪ **Tiên phong trong việc áp dụng công nghệ mới:**

- ✓ **Triển khai thành công hệ thống ngân hàng lõi (Core Banking):** MB là một trong những ngân hàng tiên phong trong việc triển khai hệ thống CoreBanking T24 từ năm 2007. Tháng 6/2015, MB đã tự nâng cấp thành công hệ thống Corebanking lên phiên bản mới nhất của Temenos là R13.
 - ✓ **Xây dựng hệ thống lưu trữ dữ liệu thông minh:** MB đang tập trung đầu tư hệ thống lưu trữ dữ liệu thông minh (Datawarehouse), hệ thống thông tin quản trị (MIS), hệ thống thông tin quản trị rủi ro tại trung tâm dữ liệu và trung tâm dữ liệu dự phòng của Ngân hàng. Trên cơ sở quản lý dữ liệu tập trung từ Hội sở đến các điểm giao dịch, MB có thể ra quyết định kinh doanh nhanh chóng và quản lý rủi ro hiệu quả.
 - ✓ **Trở thành ngân hàng giao dịch hàng đầu Việt Nam:** MB tự hào là ngân hàng số 1 về chất lượng dịch vụ Bankplus với Viettel (tổng số giao dịch thực hiện 500.000/1 tháng; tỷ lệ lỗi 0,37% thấp nhất trong số các ngân hàng sử dụng dịch vụ theo thống kê của Viettel. Không chỉ dừng lại ở đó, MB đã triển khai thành công kênh thanh toán điện tử với các đối tác khác ngoài Viettel như VNPAY, MPLUS.... Cùng với đó là sự đa dạng trong các sản phẩm giao dịch điện tử cung cấp tới khách hàng từ giao dịch chuyển tiền đến nộp thuế hải quan online... Với mong muốn mang đến trải nghiệm tốt hơn cho khách hàng, MB cũng đang triển khai nâng cấp hệ thống Internet Banking (eMB) thay thế cho hệ thống hiện tại với giao diện thân thiện và dễ sử dụng và đầy đủ chức năng cho cả hai cấu phần KHDN và KHCN.
- **Ưu thế trong việc cung cấp các dịch vụ tài chính trọn gói, đa dạng:** MB đang hướng tới hoạt động theo mô hình tập đoàn với Công ty mẹ là MB và các công ty con thuộc các lĩnh vực: chứng khoán, quản lý quỹ, bất động sản, bảo hiểm... Với mục tiêu trở thành Tập đoàn tài chính đa năng hàng đầu, MB định hướng cung cấp các giải pháp tài chính, đầu tư, bảo hiểm trọn gói cho khách hàng trên cơ sở tích hợp tối đa sản phẩm dịch vụ của các đơn vị thành viên trong Tập đoàn. Bên cạnh đó, MB cũng đa dạng hoá các kênh liên kết với các khách hàng là Tổng cục thuế, các Tổng công ty, Tập đoàn lớn để cung cấp các dịch vụ liên kết có hàm lượng công nghệ cao, mang tới sự thuận tiện cho khách như: Sản phẩm Bankplus liên kết với Tập đoàn Viễn thông Quân Đội (Viettel), sản phẩm nộp thuế điện tử...
- **Thương hiệu của MB** được xây dựng và phát triển trong suốt hơn 20 năm hoạt động và có chỗ đứng vững chắc trên thị trường. MB được biết tới như một ngân hàng hoạt động ổn định với tốc độ tăng trưởng cao, tạo nên sự tin tưởng của các khách hàng hiện hữu, khách hàng tiềm năng và của các nhà đầu tư. Thương hiệu MB được nhận diện như một ngân hàng năng động, tin cậy, bền vững mà vẫn duy trì được vị thế ổn định để phát triển bền vững, đóng góp vào thành công chung của khách hàng, của ngân hàng và của cộng đồng.
- **Với nền tảng khách hàng đa dạng và phát triển bền vững:** MB đã có hàng chục vạn khách hàng là các Tổng công ty, các tập đoàn, các định chế tài chính, các doanh nghiệp vừa và nhỏ, hộ gia đình, cá nhân thuộc mọi lĩnh vực ngành nghề khác nhau. Tuy nhiên, điều quan trọng hơn chính là mối quan hệ khách hàng bền vững, công tác quản trị khách hàng hiệu quả, sự gắn bó chặt chẽ giữa MB và khách hàng trong những năm qua đã góp phần tạo nên lợi thế cạnh tranh của MB, tạo tiền đề cho việc mở rộng thị phần.

9.2.2 Vị thế của MB trong ngành ngân hàng

Sau hơn 21 năm xây dựng và phát triển, MB là một trong số rất ít NHTM có sự tăng trưởng toàn diện, lợi nhuận năm sau luôn cao hơn năm trước, đảm bảo tốt quyền lợi cho các cổ đông. Ngay cả trong giai đoạn khủng hoảng kinh tế 1997 - 1999, 2008 - 2009, 2010 - 2011, MB vẫn phát triển ổn định đảm bảo chia cổ tức hàng năm từ 16% trở lên. Đặc biệt, trong những năm gần đây, với mục tiêu và giải pháp phù hợp, chủ động, thích ứng với sự thay đổi, MB đã có mức tăng trưởng cao về quy mô ở hầu hết các chỉ số (tổng tài sản, vốn điều lệ, doanh thu, lợi nhuận...). Vì vậy, MB được đánh giá là một trong những NHTMCP hàng đầu trong một số mảng thị trường đã lựa chọn và liên tục được Ngân hàng Nhà nước xếp loại A.

10. Chính sách đối với người lao động

10.1 Cơ cấu lao động tại thời điểm 30/9/2015

Bảng 18: Cơ cấu lao động của MB tại 30/9/2015

Phân loại	Số lượng	Tỷ trọng (%)
Theo trình độ		
Đại học và trên đại học	6.201	91,62%
Cao đẳng, trung cấp	567	8,38%
Theo giới tính		
Nữ	3.956	58,45%
Nam	2.812	41,55%

Nguồn: MB

10.2 Đánh giá nguồn nhân lực

MB có đội ngũ lãnh đạo cấp cao có tuổi đời bình quân trẻ (hơn 50% thành viên Ban lãnh đạo Ngân hàng có tuổi đời khoảng 40 và trên 90% có trình độ thạc sỹ trở lên), có trình độ ngoại ngữ, có khả năng tiếp cận nắm bắt các thông tin mới và thích nghi nhạy bén với môi trường kinh doanh năng động. 91,62% cán bộ nhân viên của MB có trình độ đại học và trên đại học.

Đội ngũ cán bộ nhân viên có tuổi đời trẻ, khả năng học tập và lĩnh hội những kiến thức mới, sự nhiệt huyết và cam kết tận tâm của cán bộ nhân viên được xây dựng trên nền tảng văn hóa doanh nghiệp vững mạnh là một lợi thế cạnh tranh lớn của MB so với các ngân hàng khác. Đội ngũ cán bộ nhân viên trẻ của MB được dẫn dắt và chia sẻ bởi hàng trăm chuyên gia và cán bộ quản lý cao cấp giàu kinh nghiệm đầy nhiệt huyết.

Để củng cố và nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ và nhân viên, hàng năm, MB có chính sách thu hút và tuyển lựa cán bộ có trình độ chuyên môn cao, có kinh nghiệm tốt về ngân hàng và tài chính để có thể tiếp cận với kiến thức hiện đại về tài chính ngân hàng, đồng thời chú trọng và đầu tư phù hợp vào công tác đào tạo nâng cao trình độ và kỹ năng cho cán bộ nhân viên.

10.3 Chế độ đối với người lao động

Về chính sách đào tạo

Hoạt động đào tạo của MB được quản lý tập trung tại Trung tâm đào tạo. Các chương trình đào tạo được thiết kế và xây dựng theo chức danh phù hợp với Bảng mô tả công việc của từng vị trí.

Trong năm 2014, MB đã tổ chức 669 khóa đào tạo (trực tiếp và trực tuyến) cho 49.581 lượt học viên tham gia. Tính đến hết tháng 9/2015, MB đã thực hiện được 583 khóa đào tạo (trực tiếp và trực tuyến) với 39.480 lượt người tham dự bao gồm 372 khóa nghiệp vụ và 211 khóa Kỹ năng. Các khóa đào tạo đều đạt chất lượng tốt và được học viên đánh giá có tính thực tiễn.

Các chương trình đào tạo ngắn hạn trong nước

MB xây dựng chương trình đào tạo bài bản và chuẩn mực theo từng chức danh cho toàn thể cán bộ nhân viên, đào tạo các kỹ năng, đào tạo chuyên sâu một số lĩnh vực, đào tạo theo chức danh và các chương trình nâng cao năng lực quản trị.

MB cũng chú trọng tổ chức các khóa học chuyên sâu về nghiệp vụ nâng cao và các phương thức quản lý nhân sự theo chuẩn mực của Ngân hàng cho cán bộ quản lý trẻ.

Các khóa đào tạo nước ngoài

Các khóa đào tạo chuyên sâu và tu nghiệp tại nước ngoài giúp đội ngũ nhân sự tại MB học hỏi được những kiến thức và quy trình nghiệp vụ ngân hàng tiên tiến tại các nước phát triển.

Khuyến khích đào tạo dài hạn

MB áp dụng các chính sách hỗ trợ nhân viên tham gia các khóa đào tạo dài hạn. Nhân viên có thể tham gia các lớp học văn bằng 2 hệ Đại học, các khóa sau Đại học chuyên sâu về lĩnh vực tài chính ngân hàng hay MBA để nâng cao kiến thức chuyên ngành và năng lực, kỹ năng quản lý với sự hỗ trợ tài chính từ phía MB.

Đào tạo tài năng trẻ

Với mục tiêu chủ động nhân sự nguồn kế cận có tố chất tốt, năng lực, đạo đức, phù hợp với văn hóa và cam kết cao; đảm bảo đủ nguồn lực thực thi những mục tiêu mới, chiến lược dài hạn, MB đã thực hiện quy hoạch cán bộ với các chức danh lãnh đạo, quản lý đáp ứng nhiệm vụ trước mắt và lâu dài của từng đơn vị và của MB. Với nhân sự kế cận, MB tập trung đào tạo về mặt định hướng, chiến lược, kỹ năng quản lý và đặc biệt là nghiệp vụ chuyên sâu của từng nhân sự nhằm phát triển nhân sự một cách toàn diện. Với nhân sự tiềm năng, MB triển khai các chương trình đào tạo thực tế thông qua giao việc thử thách, đào tạo kèm cặp tại đơn vị tạo hành trang vững chắc cho nhân sự kế nhiệm được phát huy tại vị trí được kế nhiệm.

Hàng năm, MB tổ chức các cuộc thi về nghiệp vụ, kiểm tra chức danh nhằm đánh giá chất lượng cán bộ cũng như tìm kiếm các nhân sự tiềm năng để đầu tư đào tạo phát triển toàn diện trong tương lai.

Chính sách đãi ngộ

Chính sách lương thưởng của MB được xây dựng trên nguyên tắc hiệu quả công việc căn cứ theo mô tả công việc của các cá nhân, tập thể và đóng góp của từng thành viên vào sự phát triển của MB. Trong những năm qua, MB đã thường xuyên điều chỉnh lương của cán bộ nhân viên phù hợp với mức lương trên thị trường lao động và hiệu quả kinh doanh của MB, mang tính cạnh tranh đồng thời đảm bảo tốt đời sống cho cán bộ nhân viên. Ngoài ra, MB còn có nhiều chính sách đãi ngộ dành cho người lao động như: cổ phiếu mua ưu đãi, các gói đãi ngộ dành cho người lao động và gia đình ở từng chức danh, chính sách thu hút nhân tài; khen thưởng định kỳ và thưởng đột xuất nhằm

khuyến khích kịp thời đối với các cá nhân và tập thể có thành tích xuất sắc trong hoạt động kinh doanh,... tạo động lực và sự gắn bó đối với cán bộ nhân viên. Điều này góp phần làm cho MB có nguồn nhân lực tốt, ổn định và là Ngân hàng có tỷ lệ nhân viên nghỉ việc thấp nhất trong các năm qua. Chính sách Lương và đãi ngộ đối với người lao động luôn tính đến kết quả kinh doanh của MB và thành tích của người lao động.

11. Chính sách cổ tức

MB tuân thủ theo nguyên tắc đảm bảo hài hòa thu nhập ổn định và thích đáng cho cổ đông đồng thời duy trì được sức tăng trưởng bền vững, đảm bảo duy trì giá trị phần vốn góp của các cổ đông thông qua việc sử dụng một phần lợi nhuận được giữ lại hàng năm để tái đầu tư cho tương lai, tăng năng lực tài chính và đặc biệt chuẩn bị lộ trình cho việc áp dụng đầy đủ các quy định về vốn theo Basel 2. Lợi nhuận sau thuế được sử dụng để trích các quỹ dự trữ theo quy định của Pháp luật, trả cổ tức và trích các quỹ khác theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông và hướng dẫn của Cơ quan quản lý Nhà nước. Đồng thời, MB cũng luôn tuân thủ nghiêm túc các quy định của Pháp luật, hướng dẫn của các Cơ quan quản lý nhà nước có liên quan về chi trả cổ tức.

Bảng 19: Tỷ lệ cổ tức chi trả giai đoạn 2013 – 2014

Chỉ tiêu	2013		2014	
	Bảng tiền mặt	Bảng cổ phiếu	Bảng tiền mặt	Bảng cổ phiếu
Tỷ lệ cổ tức	8%	3%	7%	3%
Giá trị cổ tức (tỷ VND/CP)	850	33.768.750	811,5	34.781.812

Nguồn: MB

12. Tình hình hoạt động tài chính

Bảng 20: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Tại 30/9/2015
1. Quy mô vốn			
- Vốn điều lệ (triệu đồng)	11.256.250	11.593.938	16.000.000
- Tỷ lệ an toàn vốn (%)	12,91%	12,11%	13,67%
2. Chất lượng tài sản			
- Tỷ lệ nợ xấu (%)	2,45%	2,73%	1,72%
- (Số dư các khoản cho vay và ứng trước khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản (%)	55,53%	59,75%	59,09%
3. Kết quả hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (%)	21,57%	20,02%	16,79%

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Tại 30/9/2015
Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập (%)	6,38%	6,80%	5,79%
Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế (%)	24,45%	29,94%	17,31%
4. Khả năng thanh khoản			
- Khả năng thanh toán ngay (lần)	32%	30%	25,27%
- Tỷ lệ sử dụng nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn	12,8%	19,03%	20,29%

Nguồn: MB. Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân tính trên cơ sở ước kết quả thực hiện năm 2015

13. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ
Hội đồng quản trị		
1	Ông Lê Hữu Đức	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Lưu Trung Thái	Phó chủ tịch HĐQT
3	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó chủ tịch HĐQT
4	Ông Lê Công	Thành viên HĐQT
5	Ông Hà Tiến Dũng	Thành viên HĐQT
6	Ông Nguyễn Văn Huệ	Thành viên HĐQT độc lập
7	Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên HĐQT
8	Ông Nguyễn Đăng Nghiêm	Thành viên HĐQT
9	Bà Nguyễn Thị Ngọc	Thành viên HĐQT
10	Bà Trần Thị Kim Thanh *	Thành viên HĐQT
11	Bà Nguyễn Thị Thùy	Thành viên HĐQT
Ban Kiểm soát		
1	Bà Vũ Thị Hải Phượng	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Bà Nguyễn Thanh Bình	Thành viên BKS
3	Bà Lê Minh Hồng	Thành viên BKS
4	Ông Đặng Quốc Tiến	Thành viên BKS
Ban Điều hành		
1	Lê Công	Tổng Giám đốc
2	Nguyễn Thị An Bình	Phó Tổng Giám đốc
3	Nguyễn Minh Châu	Phó Tổng Giám đốc
4	Trần Minh Đạt	Phó Tổng Giám đốc
5	Phạm Thị Trung Hà	Phó Tổng Giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ
6	Lê Hải	Phó Tổng Giám đốc
7	Uông Đông Hưng	Phó Tổng Giám đốc
8	Đỗ Văn Hưng	Phó Tổng Giám đốc
9	Lê Thị Lợi	Phó Tổng Giám đốc – Giám đốc Tài chính

* Kể từ ngày 05/10/2015: Bà Trần Thị Kim Thanh không còn là Thành viên HĐQT MB nhiệm kỳ 2014 – 2019 do Bà Thanh không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của Vietcombank.Hội đồng quản trị

❖ **Chủ tịch HĐQT**

Họ và tên : **Lê Hữu Đức**
Giới tính : Nam
Ngày sinh : 14/02/1955
Nơi sinh : Xã Lương Lễ, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.
Số CMND : 013028063
Nơi cấp : Hà Nội Ngày cấp: 06/12/2007
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Số 6, Cù Chính Lan, Khương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội.
Địa chỉ thường trú hiện nay: Số 6, Cù Chính Lan, Khương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội.
Điện thoại liên lạc : 04.6266.1088
Trình độ văn hóa : 10/10
Trình độ chuyên môn : Tiến sĩ quân sự
Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
08/1973- 06/1975	Chiến sĩ, trắc thủ xe điều khiển d89e274f367 QCPKKQ
07/1975-10/1981	Học viện Trường Sĩ quan Chỉ huy Phòng không Ô-đet-xa Liên Xô
11/1981- 03/1982	Đại đội phó c1d48e258f363 Quân chủng Phòng không
04/1982 – 04/1983	Đại đội trưởng c1d48e258f363 Quân chủng Phòng không
05/1983- 01/1984	Tiểu đoàn phó d48e258f363 Quân chủng Phòng không
02/1984-07/1986	Tiểu đoàn trưởng d48, d46 lữ đoàn 255f363 Quân chủng PK
08/1986-11/1990	Học viên Học viện Phòng Không Gui-cốp, Liên Xô
12/1990-03/1991	Phó tham mưu trưởng lữ đoàn 255f363 Quân chủng PK
04/1991-05/1995	Trung đoàn phó, trung đoàn trưởng e285f363 Quân chủng PK

Thời gian	Chức vụ
06/1995-07/2000	Sư đoàn phó f363 Quân chủng Phòng không- Không quân
08/2000-01/2004	Sư đoàn trưởng f363 Quân chủng Phòng không – Không quân
02/2004- 11/2004	Đại Tá, Phó Tư lệnh Quân chủng Phòng không – Không quân
12/2004 – 01/2007	Thiếu tướng, Phó tư lệnh Quân chủng Phòng không – Không quân
02/2007 – 11/2007	Thiếu tướng, Tư lệnh Quân chủng Phòng không- Không quân
12/2007 – 12/2010	Trung tướng, Tư lệnh Quân chủng Phòng không – Không quân
01/2011 – 11/2011	Trung tướng - Thứ trưởng Bộ Quốc Phòng
12/2011 - nay	Thượng tướng, Thứ trưởng Bộ Quốc Phòng, Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Quân đội

Chức vụ hiện tại : Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Quân đội

Chức vụ tại các tổ chức khác:

- Ủy viên BCH Trung ương Đảng khoá XI;
- Đại biểu quốc hội XIII;
- Ủy viên Quân ủy Trung ương;
- Thứ trưởng Bộ Quốc phòng.

Hành vi vi phạm pháp luật : không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng: không có

Số cổ phần MB nắm giữ : 99.725 cổ phiếu (tỷ lệ 0,0062% vốn điều lệ)

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân : 99.725 cổ phiếu (tỷ lệ 0,0062% vốn điều lệ)
- Đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu (tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ)

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: Không

Các khoản nợ đối với Ngân hàng : Không có

❖ **Phó Chủ tịch HĐQT:**

Họ và tên : **Lưu Trung Thái**

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 5/12/1975

Nơi sinh : Hòa Bình

Số CMND : 013303633

Nơi cấp : Hà Nội Ngày cấp: 30/6/2010

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Tiên Ngoại, Duy Tiên, Hà Nam

Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu: Số 20 Ngõ 46 Văn Cao, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại liên lạc : 04.6266.1088

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
10/1997 – 9/2001	Nhân viên tín dụng Ngân hàng TMCP Quân đội
10/2001 – 5/2004	Phó phụ trách phòng tín dụng Ngân hàng TMCP Quân đội
6/2004 – 11/2007	Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng Ngân hàng TMCP Quân đội
12/2007 – 4/2008	Giám đốc nhân sự Ngân hàng TMCP Quân đội
4/2008 – 11/2011	Phó Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Quân đội
11/2011 – 4/2013	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán MB (MBS)
4/2013 – 9/2013	Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Quân đội
9/2013 - nay	Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Quân đội

Chức vụ hiện tại : Phó chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Quân đội;

Chức vụ tại các tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT Công ty cổ phần bưu chính Viettel.

Hành vi vi phạm pháp luật : Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng: Không có

Số cổ phiếu nắm giữ : 313.933 cổ phiếu (chiếm 0,019% vốn điều lệ)

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân : 313.933 cổ phiếu (chiếm 0,019% vốn điều lệ)
- Đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu (chiếm 0,00% vốn điều lệ)

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ / VDL
01	Lưu Thiều Thu	Em gái	9	0,00%

Các khoản nợ đối với Ngân hàng: Không có

❖ **Phó Chủ tịch HĐQT:**

Họ và tên : Nguyễn Mạnh Hùng

Giới tính : Nam



Ngày sinh : 24/07/1962
 Nơi sinh : Phú Thọ, Vĩnh Phúc
 Số CMND : 6A8E241482
 Nơi cấp : Bộ quốc phòng Ngày cấp: 15/01/2007
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Quê quán : Từ Sơn, Bắc Ninh
 Địa chỉ thường trú hiện tại : P.1204 Khu The Manor, Mễ Trì, Hà Nội
 Điện thoại liên lạc : 04.6266.1088
 Trình độ văn hóa : 10/10
 Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Thạc sĩ Điện tử Viễn thông, Kỹ sư vô tuyến điện, Lý luận chính trị cao cấp.
 Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ
08/1986 - 12/1989	Trợ lý Kỹ thuật Thông tin Uliano (Liên Xô cũ)
01/1990 - 08/1993	Trợ lý Công ty Điện tử Thiết bị Thông tin 1 - Binh chủng Thông tin
09/1995 - 04/1997	Trợ lý Kỹ thuật Công ty Điện tử Viễn thông Quân đội- Binh chủng thông tin
05/1997 - 04/1998	Phó Phòng Đầu tư Phát triển Công ty Điện tử Viễn thông Quân đội - Binh chủng thông tin
05/1998 - 08/1999	Trưởng Phòng Đầu tư Phát triển Công ty Điện tử Viễn thông Quân đội
09/1999 - 05/2000	Trưởng Phòng Đầu tư Phát triển Công ty Viễn thông Quân đội
06/2000 - 03/2005	Phó Giám đốc Công ty Điện tử Viễn thông Quân đội
04/2005 - 12/2009	Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty Viễn thông Quân đội
01/2010 - 02/2014	Phó Tổng giám đốc Tập đoàn Viễn thông Quân đội
03/2014 - đến nay	Tổng giám đốc Tập đoàn Viễn Thông Quân đội

Chức vụ hiện tại : Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Quân đội

Chức vụ tại các tổ chức khác :

- Tổng giám đốc Tập đoàn Viễn thông Quân đội;
- Ủy viên HĐQT Công ty CP VINACONEX;
- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư Quốc tế Viettel;
- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần VVF;

- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả.

Hành vi vi phạm pháp luật : không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng : không có

Số cổ phần MB nắm giữ : 232.053 cổ phần (tỷ lệ 0,014% vốn điều lệ)

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân : 232.053 cổ phần (tỷ lệ 0,014% vốn điều lệ)

- Đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu (chiếm 0,00% vốn điều lệ)

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ %/VĐL
01	Lương Thị Hải Hà	Vợ	20.087	0,001%
02	Tập đoàn Viễn thông Quân đội	Ông Nguyễn Mạnh Hùng là Tổng giám đốc	240.000.000	15%

Các khoản nợ đối với Ngân hàng : Không có

❖ Thành viên HĐQT

Họ và tên : **Lê Công**

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 24/12/1956

Nơi sinh : Nghệ An

Số CMND : 010413646

Nơi cấp : Hà Nội Ngày cấp: 11/02/2010

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Dân Chủ - Hòa An - Cao Bằng

Địa chỉ thường trú hiện nay : P4 Đ6, KTT Nam Đồng, Đống Đa, Hà Nội.

Điện thoại liên lạc : 04.6266.1088

Trình độ văn hóa : 10/10

Trình độ chuyên môn : Tiến sỹ kinh tế chuyên ngành Kinh tế, Tài chính – Ngân hàng; Cao cấp lý luận chính trị- Học viện chính trị quốc gia.

Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ
1979 - 1985	Cán bộ nhà máy Z179 - Tổng cục kỹ thuật - Bộ Quốc Phòng
1985 - 1989	Cán bộ Cục quản lý xí nghiệp - Tổng cục kỹ thuật - Bộ Quốc Phòng
1989 - 1995	Chuyên viên Vụ Tài chính - Tổng cục Công nghiệp quốc phòng và kinh tế

Thời gian	Chức vụ
12/1995 - 1997	Trưởng phòng thanh toán quốc tế Ngân hàng TMCP Quân đội
1997 - 12/2009	Phó Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Quân đội
01/2010 - - 4/2014	Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Quân đội
04/2014 - nay	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Quân đội

Chức vụ hiện tại : Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Quân đội kiêm Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Quân đội.

Chức vụ tại các tổ chức khác : Phó chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Hóa Dầu Quân đội

Hành vi vi phạm pháp luật : không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng : không có

Số cổ phần MB nắm giữ : 1.424.070 cổ phần (chiếm 0,089% vốn điều lệ).

Trong đó:

▪ Sở hữu cá nhân : 1.424.070 cổ phần (chiếm 0,089% vốn điều lệ).

▪ Đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu (chiếm 0,00% vốn điều lệ)

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan:

TT	Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ %/VDL
01	Vương Thị Lan Anh	Vợ	828.012	0,051%
02	Lê Phương Linh	Con gái	274.331	0,017%

Các khoản nợ đối với Ngân hàng : Không có

❖ Thành viên HĐQT

Họ và tên : Hà Tiên Dũng

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 06/07/1958

Nơi sinh : Phú Thọ

Số CMND : 78213255

Nơi cấp : Bộ Quốc phòng Ngày cấp: 15/12/2009

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Xã Phú Khê, Huyện Cẩm Khê, Tỉnh Phú Thọ

Địa chỉ thường trú hiện nay : Số 13/316 đường Lê Trọng Tấn, Khương Mai, Thanh Xuân, HN

Điện thoại liên lạc : 04.6266.1088

Trình độ văn hóa : 10/10

Trình độ chuyên môn : Cử nhân ĐH Kinh tế Quốc Dân, Sĩ quan Không quân (lái máy bay), Học viện Gagarin (Liên Xô), Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (lý luận cao cấp)

Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ
02/1978 - 03/1980	Phi công Trung đoàn 916 Không quân
04/1980 - 08/1982	Biên đội trưởng, Tham mưu trưởng phi đội 1, Trung đoàn 916
09/1982 - 01/1983	Phó phi đội trưởng phi đội 1, Trung đoàn 916 Không quân
02/1983 - 05/1985	Phi đội trưởng phi đội 3, Trung đoàn 916 Không quân
08/1990 - 09/1992	Trung đoàn phó huấn luyện, Trung đoàn 916 Không quân
10/1992 - 12/1993	Trung đoàn phó tham mưu trưởng, Trung đoàn 916 KQ
01/1994 - 03/1998	Trung đoàn Trưởng, Trung đoàn 916 Không quân
04/1998 - 03/1999	Phó GD Công ty Bay dịch vụ Miền Nam, Tổng công ty Bay dịch vụ Việt Nam
04/1999 - 05/2000	Trưởng phòng Tham mưu Kế hoạch Tổng công ty Bay dịch vụ Việt Nam
08/2000-11/2008	Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Bay dịch vụ Việt Nam
12/2008 -- 6/2011	Tổng Giám đốc Tổng công ty Trục thăng Việt Nam
7/2011 – nay	Chủ tịch Công ty kiêm Tổng Giám đốc Tổng công ty trục thăng Việt Nam

Chức vụ hiện tại : Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Quân đội

Chức vụ tại các tổ chức khác :

- Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Tổng công ty Trục thăng Việt Nam;
- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần địa ốc MB (MB Land);
- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần đầu tư thương mại Hải Âu.

Hành vi vi phạm pháp luật : không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng : không có

Số cổ phần MB nắm giữ : 165.900 cổ phần (chiếm 0,0103 vốn điều lệ)

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân : 165.900 cổ phần (chiếm 0,0103 vốn điều lệ)
- Đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu (chiếm 0,00% vốn điều lệ)

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ / VDL
01	Tăng Thị Quỳnh Giao	Vợ	306.183	0,019%
02	Công ty cổ phần đầu tư thương mại Hải Âu	Ông Hà Tiến Dũng là Chủ tịch HĐQT	593.694	0,037%
03	Tổng công ty Trực thăng Việt nam	Ông Hà Tiến Dũng là Tổng giám đốc	127.531.304	7,97%

Các khoản nợ đối với Ngân hàng : Không có

❖ **Thành viên HĐQT**

Họ và tên : **Trần Thị Kim Thanh**
Giới tính : Nữ
Ngày sinh : 16/01/1962
Nơi sinh : Hà Nội
Số CMND : 010106871
Nơi cấp : CA Hà Nội Ngày cấp: 12/12/2011
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Hà Nội.
Địa chỉ thường trú hiện nay : 7/126 Đốc Ngừ, Ba Đình, Hà Nội.
Điện thoại liên lạc : 04.6266.1088
Trình độ văn hóa : 10/10
Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ kinh tế chuyên ngành Tài chính Ngân hàng
Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ
1984-1995	Cán bộ phòng Kế hoạch và Kinh doanh ngoại tệ Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam. Từ tháng 07/1995 Phó trưởng phòng Phòng Kế hoạch và Kinh doanh Ngoại tệ Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam.
1995- 1999	Phó trưởng Phòng Vốn Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam
1999- 2002	Trưởng phòng Phòng Vốn Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam
2002- 2005	Phó Giám đốc Công ty Tài chính Việt Nam tại HongKong của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam

Thời gian	Chức vụ
2005 đến nay	+/- Trưởng Phòng đầu tư Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam; +/- Ủy viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH liên doanh Cao ốc VCB 198; +/- Ủy viên Hội đồng Thành viên Công ty Bảo hiểm nhân thọ Vietcombank – Cardif (từ năm 2008 đến năm 2012)

Chức vụ hiện tại : Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Quân đội

** Kể từ ngày 05/10/2015, Bà Trần Thị Kim Thanh không còn là Thành viên HĐQT của MB nhiệm kỳ 2014 – 2019 do Bà Thanh không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của Vietcombank.*

Chức vụ tại các tổ chức khác :

- Trưởng phòng Đầu tư Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam;
- Ủy viên Hội đồng Thành viên Công ty TNHH liên doanh Cao ốc VCB 198;
- Trưởng Ban kiểm soát Công ty chuyển tiền Vietcombank

Hành vi vi phạm pháp luật : không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng : không có

Số cổ phần MB nắm giữ : 114.507.975 cổ phần (chiếm 7,16% vốn điều lệ MB)

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân : 112.859 cổ phần (tỷ lệ 0,007% vốn điều lệ MB)
- Đại diện phần vốn góp của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank): 114.620.834 cổ phần (tỷ lệ 7,167% vốn điều lệ MB).

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ / VDL
01	Trần Ánh Tuyết	Em gái	135.727	0,008%
02	Nguyễn Minh Châu	Con gái	476	0,000%

Các khoản nợ đối với Ngân hàng : Không có

❖ Thành viên HĐQT

Họ và tên : **Nguyễn Đăng Nghiêm**

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 15/06/1957

Nơi sinh : Thanh Hoá

Số CMND : 024042636

Nơi cấp : TP.HCM

Ngày cấp: 21/08/2002

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Quảng Giao, Quảng Xương, Thanh Hoá
 Địa chỉ thường trú hiện tại : Số 2/8, đường 31 Trần Nỗ, Bình An, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh
 Điện thoại liên lạc : 04.6266.1088
 Trình độ văn hóa : 10/10
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
 Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ
02/1980 - 01/1982	Giáo viên, Trợ lý cán bộ Trường sỹ quan Hải quân
02/1982 - 05/1985	Trợ lý cán bộ Phòng cán bộ Hải quân
06/1985 - 12/1991	Giáo viên Biệt phái Trường ĐH Hàng Hải
07/1991 - 08/1996	Trợ lý khai thác điều độ, Phó phòng khai thác điều độ Tân cảng Sài Gòn
10/1997 - 04/2003	Trưởng phòng điều độ, Giám đốc Trung tâm điều độ Tân cảng Sài Gòn
05/2003 - 02/2004	Phó Giám đốc sản xuất kiêm Giám đốc Trung tâm điều độ - Tân cảng Sài Gòn
03/2004 - 09/2005	Phó Giám đốc sản xuất Tân Cảng Sài Gòn
10/2005 - 10/2006	Giám đốc Công ty Tân cảng Sài Gòn
11/2006 - 02/2010	Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty Tân Cảng Sài Gòn, Quân chủng Hải quân, Bộ Quốc Phòng
03/2010 - đến nay	Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn, Quân chủng Hải quân, Bộ Quốc Phòng

Chức vụ hiện tại : Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Quân đội

Chức vụ tại các tổ chức khác :

- Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn;
- Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Cảng Cát Lái;
- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Tân Cảng Cái Mép;

Hành vi vi phạm pháp luật : không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng : không có

Số cổ phần MB nắm giữ : 144.255 cổ phần (chiếm 0,009% vốn điều lệ)

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân : 144.255 cổ phần (chiếm 0,009% vốn điều lệ)
- Đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu (chiếm 0,00% vốn điều lệ)

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ %/VDL
01	Trần Thị Thoa	Vợ	146.148	0,009%
02	Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân cảng Sài Gòn	Ông Nguyễn Đăng Nghiễm là Tổng giám đốc	122.410.709	7,65%

Các khoản nợ đối với Ngân hàng: Không có

❖ **Thành viên HĐQT**

Họ và tên : **Nguyễn Văn Hùng**

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 20/03/1964

Nơi sinh : Hà Tĩnh

Số CMND : 023508046

Nơi cấp : CA TP.HCM

Ngày cấp: 01/09/2008

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Hà Tĩnh

Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu : 374 Trường Chinh – Phường 13 – Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại liên lạc : 04.6266.1088

Trình độ văn hóa : 10/10

Trình độ chuyên môn : Đại học Kinh tế Praha

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
7/1987 – 4/1989	Làm nghề tự do và tìm kiếm việc làm tại Praha – Tiệp Khắc
5/1989 – 8/1990	Nhân viên Phòng Sản xuất Xí nghiệp 28, Cục Quân trang – TCHC
9/1990 – 12/1990	Phó phòng Sản xuất Xí nghiệp 28 – TCHC
01/1991 – 10/1991	Phó phòng Kế toán Xí nghiệp 28 – TCHC
11/1991 – 11/1992	Phó ban nghiệp vụ Cơ sở 2 - Xí nghiệp 28 – TCHC
12/1992 – 4/1993	Trưởng ban nghiệp vụ Cơ sở 2 – Công ty 28 – TCHC
5/1993 – 6/1995	Phó Giám đốc Xí nghiệp 2 – Công ty 28 – TCHC

Thời gian	Chức vụ
7/1995 – 10/1998	Phó Tổng Giám đốc Công ty Liên doanh Keppel Land AGTEX – Công ty 28 – TCHC
11/1998 – 10/2002	Giám đốc Xi nghiệp 2 – Công ty 28 - TCHC
11/2002 – 3/2008	Trưởng phòng Kinh doanh - Công ty 28 - TCHC
4/2008 – 12/2011	Giám đốc điều hành kiêm trưởng phòng Kinh doanh – Tổng Công ty 28 - TCHC
01/2012 – 02/2014	Phó Tổng Giám đốc – Tổng Công ty 28 - TCHC
03/2014 - 04/2014	Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc – Tổng Công ty 28 - TCHC
04/2014 - nay	Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc – Tổng Công ty 28 – TCHC; Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Quân đội

Chức vụ hiện tại : Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Quân đội;

Chức vụ tại các tổ chức khác:

- Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc – Tổng Công ty 28
- Thành viên HĐQT công ty CP Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực Miền trung.
- Thành viên HĐQT Trường Đại học Công nghiệp Vinh
- Thành viên HĐQT Công ty CP đầu tư Vinatex

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng: Không có

Số cổ phần MB nắm giữ : 10.000 cổ phần (chiếm 0,0006% vốn điều lệ)

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân : 10.000 cổ phần (chiếm 0,0006% vốn điều lệ)
- Đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu (chiếm 0,00% vốn điều lệ)

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ / VDL
01	Phạm Thị Hồng Thắm	Vợ	61.023	0,003%
02	Nguyễn Văn Hải	Em trai	5.145	0,0003%
03	Công ty TNHH MTV Tổng công ty 28	Ông Nguyễn Văn Hùng là Tổng giám đốc	8.812.956	0,55%

Các khoản nợ đối với Ngân hàng : Không có

❖ **Thành viên HĐQT**

Họ và tên : **Nguyễn Thị Ngọc**
 Giới tính : Nữ
 Ngày sinh : 03/02/1976
 Nơi sinh : Hà Nội
 Số CMND : 011744706
 Nơi cấp : Hà Nội Ngày cấp: 26/02/2011
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Quê quán : Hà Nội
 Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu : Phòng 901, Nhà B, Khu Vinaconex 3, Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội
 Điện thoại liên lạc : 04.6266.1088
 Trình độ văn hóa : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Cử nhân Luật,
 Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
5/1997 – 8/2001	Nhân viên Phòng Quản lý Dự án - Ngân hàng TMCP Quân đội
09/2001 – 10/2004	Chuyên viên Pháp chế - Phòng KHTH - Ngân hàng TMCP Quân đội
11/2004 – 7/2007	Phó Phòng KHTH - Ngân hàng TMCP Quân đội
08/2007 – 09/2008	Trưởng Phòng KHTH - Ngân hàng TMCP Quân đội
10/2008 – 02/2010	Chánh văn phòng HĐQT kiêm Trưởng Phòng KHTH – Pháp chế - Ngân hàng TMCP Quân đội
03/2010 – 04/2014	Chánh văn phòng HĐQT - Ngân hàng TMCP Quân đội
04/2014 – nay	Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Quân đội

Chức vụ hiện tại : Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Quân đội;
 Chức vụ tại các tổ chức khác : Không
 Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
 Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng: Không có
 Số cổ phần MB nắm giữ : 59.333 cổ phần (chiếm 0,003% vốn điều lệ)

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân : 59.333 cổ phần (chiếm 0,003% vốn điều lệ)
- Đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu (chiếm 0,00% vốn điều lệ)

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: 

STT	Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ / VDL
1	Nguyễn Hữu Doanh	Bố đẻ	26.286	0,0016%
2	Đỗ Thị Ngọc Bảo	Mẹ đẻ	67.206	0,004%
3	Nguyễn Hữu Bảo Khánh	Em trai	2.396	0,0001%

Các khoản nợ đối với Ngân hàng : Không có

❖ **Thành viên HĐQT**

Họ và tên : **Nguyễn Thị Thủy**

Giới tính : Nữ

Ngày sinh : 03/03/1974

Nơi sinh : Sơn Đông, Thanh Hóa

Số CMND : 013371048

Nơi cấp : Hà Nội

Ngày cấp: 03/12/2010

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Thanh Hóa

Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu : Nhà số 8 C15, khu đô thị Mỹ Đình 1, huyện Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại liên lạc : 04.6266.1088

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
1996	Nhân viên, Trưởng phòng Điều hành Công ty Thành Hưng
6/1997 – 4/2003	Cán bộ tín dụng Phòng Giao dịch số 2 Ngân hàng TMCP Quân đội
4/2003 – 6/2003	Phó Giám đốc Chi nhánh Lý Nam Đế - Ngân hàng TMCP Quân đội
6/2003 – 8/2009	Phó Giám đốc phụ trách, Giám đốc Chi nhánh Lê Trọng Tấn - Ngân hàng TMCP Quân đội
8/2009 - 04/2014	Giám đốc Chi nhánh Thăng Long - Ngân hàng TMCP Quân đội
04/20014 – nay	Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Quân đội

Chức vụ hiện tại : Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Quân đội;

Chức vụ tại các tổ chức khác : Không
 Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
 Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng: Không có
 Số cổ phần MB nắm giữ : 401.184 cổ phần (chiếm 0,025% vốn điều lệ)

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân : 401.184 cổ phần (chiếm 0,025% vốn điều lệ)
- Đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu (chiếm 0,00% vốn điều lệ)

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: Không

Các khoản nợ đối với Ngân hàng : Không có

❖ **Thành viên HĐQT độc lập**

Họ và tên : **Nguyễn Văn Huệ**
 Giới tính : Nam
 Ngày sinh : 11/05/1955
 Nơi sinh : Đồng Lý, Lý Nhân, Hà Nam
 Số CMND : 013308904
 Nơi cấp : Hà Nội Ngày cấp: 22/12/2010
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Quê quán : Đồng Lý, Lý Nhân, Hà Nam
 Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu : 60C Ngõ 31 Xuân Diệu, Tây Hồ, Hà Nội
 Điện thoại liên lạc : 04.6266.1088
 Trình độ văn hóa : 10/10
 Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Khoa Tài chính Ngân hàng, Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội
 Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
06/1978 – 07/1990	Trợ lý Phòng Quản lý Xí nghiệp, Cục Tài chính – BQP
08/1990 – 04/1999	Trợ lý Phòng Kế hoạch Ngân sách, Cục Tài chính – BQP
1995 - 1998	Học Cao học Tài chức, Khoa Tài chính Ngân hàng, Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội
05/1999 – 09/2000	Phó Trưởng phòng Kế hoạch Ngân sách, Cục Tài chính – BQP
10/2000 – 07/2002	Trưởng phòng Kế hoạch Ngân sách, Cục Tài chính – BQP
08/2002 – 02/2014	Chi cục trưởng Chi cục Tài chính Doanh nghiệp, Cục Tài chính – BQP

Thời gian	Chức vụ
04/2014 - nay	Thành viên HĐQT độc lập Ngân hàng TMCP Quân đội

Chức vụ hiện tại : Thành viên độc lập HĐQT Ngân hàng TMCP Quân đội;

Chức vụ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng: Không có

Số cổ phần MB nắm giữ : 10.000 cổ phần (chiếm 0.0006% vốn điều lệ)

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân : 10.000 cổ phần (chiếm 0.0006% vốn điều lệ)
- Đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu (chiếm 0,00% vốn điều lệ)

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ / VDL
1	Võ Thị Thanh Mai	Vợ	19.096	0,0012%

Các khoản nợ đối với Ngân hàng : Không có

13.1 Ban Kiểm soát

❖ Trưởng Ban Kiểm soát

Họ và tên : **Vũ Thị Hải Phượng**

Giới tính : Nữ

Ngày sinh : 11/09/1970

Nơi sinh : Quảng Ninh

Số CMND : 013491666

Nơi cấp : Hà Nội Ngày cấp: 13/03/2010

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Quỳnh Hưng, Quỳnh Phụ, Thái Bình

Địa chỉ thường trú hiện nay : Lô 6/B12, Khu Đô thị mới Mỹ Đình 1, Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại liên lạc : 04.6266.1088

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ kinh tế, Học viện Ngân hàng

Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ
10/1994 - 5/1998	Nhân viên tín dụng Hội sở Ngân hàng TMCP Quân đội

6/1998 - 06/2002	Trưởng phòng giao dịch số 2 Ngân hàng TMCP Quân đội
07/2002 - 07/2004	Giám đốc chi nhánh Lý Nam Đế - Ngân hàng TMCP Quân đội
07/2004 - 09/2004	Trưởng phòng tín dụng Hội sở - Ngân hàng TMCP Quân đội
10/2004 - 12/2005	Phó Giám đốc Chi nhánh Điện Biên Phủ - Ngân hàng TMCP Quân đội
01/2006 - 06/2007	Giám đốc Chi nhánh Điện Biên Phủ - Ngân hàng TMCP Quân đội
06/2007 - 4/2014	Phó Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Quân đội
04/2014 đến nay	Trưởng Ban kiểm soát – Ngân hàng TMCP Quân đội

Chức vụ hiện tại : Trưởng Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Quân đội

Chức vụ tại các tổ chức khác : Không có

Hành vi vi phạm pháp luật : không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng : không có

Số cổ phần MB nắm giữ : 534.217 cổ phần (chiếm 0,033% vốn điều lệ)

Trong đó:

▪ Sở hữu cá nhân : 534.217 cổ phần (chiếm 0,033% vốn điều lệ)

▪ Đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu (chiếm 0,00% vốn điều lệ)

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ %/VĐL
01	Trần Minh Tuấn	Chồng	14.186	0,0009%
02	Trần Vũ Hà Duy	Con trai	6.091	0,0004%

Các khoản nợ đối với Ngân hàng : Không có

❖ **Thành viên BKS**

Họ và tên : **Lê Minh Hồng**

Giới tính : Nữ

Ngày sinh : 25/12/1957

Nơi sinh : Hương Mạc – Từ Sơn – Bắc Ninh

Số CMND : 011249049

Nơi cấp : Hà Nội Ngày cấp: 16/11/2006

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Hương Mạc – Từ Sơn – Bắc Ninh

Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu : Số 7, ngõ 104 Lê Trọng Tấn, Khương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại liên lạc : 04.6266.1088

Trình độ văn hóa : 10/10

Trình độ chuyên môn : Tiến sỹ Đại học Kinh tế Quốc dân, Lý luận chính trị cao cấp.

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
4/1979 – 5/1995	Phó Trưởng phòng Trung tâm tin học (nay là Cục công nghệ thông tin) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
5/1995 – 10/1998	Phó Tổng Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
10/1998 – 12/2012	Công tác tại Vụ đổi mới doanh nghiệp – Văn phòng Chính phủ. Chức vụ phó vụ trưởng từ năm 2004. Năm 2012: Vụ trưởng.
01/2013 – 03/2013	Nghỉ hưu
04/2013 – 04/2014	Thành viên độc lập HĐQT Ngân hàng TMCP Quân đội
04/2014 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Quân đội

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Quân đội;

Chức vụ tại các tổ chức khác:

- Trưởng Ban kiểm soát Công ty quản lý Quỹ đầu tư MB

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng: Không có

Số cổ phần MB nắm giữ : 93.865 cổ phần (chiếm 0,0059% vốn điều lệ)

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân : 93.865 cổ phần (chiếm 0,0059% vốn điều lệ)

- Đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu (chiếm 0,00% vốn điều lệ)

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: Không có

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

❖ **Thành viên BKS**

Họ và tên : **Đặng Quốc Tiến**

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 15/07/1955

Nơi sinh : Hà Nội

Số CMND : 81279742

Nơi cấp : Bộ Quốc Phòng

Ngày cấp: 15/11/2009

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh
 Quê quán : Đồng Tâm - Mỹ Đức - Hà Nội
 Địa chỉ thường trú hiện nay: 26/53 Nguyễn Minh Hoàng, P12, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
 Điện thoại liên lạc : 04.6266.1088
 Trình độ văn hóa : 10/10
 Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản Trị Kinh Doanh
 Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ
1981 – 1989	Chiến đấu tại chiến trường Campuchia
1989 – 1996	Cán bộ phòng kinh tế - Quân khu 7 - Bộ Quốc phòng
1996 – 2002	Giám đốc chi nhánh TP. Hồ Chí Minh - Ngân hàng TMCP Quân đội
2002 - 2008	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Quân đội kiêm Giám đốc Ngân hàng Quân đội - Chi nhánh TP. HCM.
2008 - 04/2014	Phó Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Quân đội
04/2014 đến nay	Thành viên Ban Kiểm soát - Ngân hàng TMCP Quân đội

Chức vụ hiện tại : Thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Quân đội;

Chức vụ tại các tổ chức khác : Không

Hành vi vi phạm pháp luật : không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng : không có

Số cổ phần MB nắm giữ : 802.419 cổ phần (chiếm 0,05% vốn điều lệ)

Trong đó:

▪ Sở hữu cá nhân : 802.419 cổ phần (chiếm 0,05% vốn điều lệ)

▪ Đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu (chiếm 0,00% vốn điều lệ)

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan

STT	Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ %/VĐL
01	Nguyễn Thị Thu Hoài	Vợ	152.607	0,0095%
02	Đặng Quốc Phán	Em trai	1.596	0,0001%
03	Đặng Thị Xuân	Em gái	31.548	0,002%

Các khoản nợ đối với Ngân hàng : Không có

❖ **Thành viên BKS**

Họ và tên : **Nguyễn Thanh Bình**
 Giới tính : **Nữ**
 Ngày sinh : **26/11/1954**
 Nơi sinh : **An Mỹ, Khoái Châu, Hưng Yên**
 Số CMND : **TY207816**
 Nơi cấp : **Hà Nội** Ngày cấp: **23/02/1995**
 Quốc tịch : **Việt Nam**
 Dân tộc : **Kinh**
 Quê quán : **An Mỹ, Khoái Châu, Hưng Yên**
 Địa chỉ thường trú hiện nay : **Số 7 hẻm 119/1/3 Hồ Đắc Di - Đống Đa - Hà Nội**
 Điện thoại liên lạc : **04.6266.1088**
 Trình độ văn hóa : **10/10**
 Trình độ chuyên môn : **Cử nhân Kinh tế Praha**
 Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ
03/1979 - 10/1987	Trợ lý quản lý tài chính doanh nghiệp Tổng cục Kỹ thuật - BQP
11/1987 - 06/2009	Trợ lý quản lý tài chính doanh nghiệp Tổng cục CNQP - BQP
07/2009 - đến nay	Thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Quân đội

Chức vụ hiện tại : **Thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Quân đội**

Chức vụ tại các tổ chức khác : **Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần chứng khoán MB**

Hành vi vi phạm pháp luật : **không có**

Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng : **không có**

Số cổ phần MB nắm giữ : **180.771 cổ phần (chiếm 0,011% vốn điều lệ)**

Trong đó:

▪ Sở hữu cá nhân : **180.771 cổ phần (chiếm 0,011% vốn điều lệ)**

▪ Đại diện sở hữu : **0 cổ phiếu (chiếm 0,00% vốn điều lệ)**

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan:

Các khoản nợ đối với Ngân hàng : **Không có**

13.2 Ban điều hành

❖ **Tổng giám đốc - Lê Công**

Như trên

❖ **Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên : **Đỗ Văn Hưng**

Giới tính : **Nam**

Ngày sinh : 25/12/1960
 Nơi sinh : Tân Khánh - Vụ Bản - Nam Định
 Số CMND : 82 111 244
 Nơi cấp : Tổng cục CNQP Ngày cấp: 15/11/2009
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Quê quán : Tân Khánh - Vụ Bản - Nam Định
 Địa chỉ thường trú hiện nay: Số 83, Ngõ 6, Đường Đặng Văn Ngữ, Đống Đa, Hà Nội
 Điện thoại liên lạc : (84 4) 35739797
 Trình độ văn hóa : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
 Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ
1982 - 1985	Giảng viên Trường Đại học Ngoại ngữ Quân sự
1985 - 1991	Cán bộ Bộ tư lệnh Đặc Công
1991 - 1993	Cán bộ Công ty dịch vụ xuất nhập khẩu - BQP
1993 - 1999	Chuyên viên Vụ hợp tác quốc tế - Tổng cục Công nghiệp quốc phòng
1999 - 2000	Cán bộ phòng thanh toán quốc tế Ngân hàng TMCP Quân đội
2000 - 2002	Phó phòng Thanh toán quốc tế Ngân hàng TMCP Quân đội
05/2002 - 01/2005	Trưởng phòng Thanh toán quốc tế Ngân hàng TMCP Quân đội
01/2005 - 10/2005	Trưởng Khối Tổ chức nhân sự - Hành chính Ngân hàng TMCP Quân đội
2005 - đến nay	Phó Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Quân đội

Chức vụ hiện tại : Phó Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Quân đội

Chức vụ tại các tổ chức khác : Không có

Hành vi vi phạm pháp luật : không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng : không có

Số cổ phần MB nắm giữ : 1.546.354 cổ phần (chiếm 0,096% vốn điều lệ)

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân : 1.546.354 cổ phần (chiếm 0,096% vốn điều lệ)
- Đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu (chiếm 0,00% vốn điều lệ)

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: không có

Các khoản nợ đối với Ngân hàng : Không có

❖ **Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên : **Nguyễn Thị An Bình**
 Giới tính : Nữ
 Ngày sinh : 04/10/1972
 Nơi sinh : Thái Bình
 Số CMND : 013167440
 Nơi cấp : Hà Nội Ngày cấp: 21/04/2009
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Quê quán : Nghi Kiều, Nghi Lộc, Nghệ An
 Địa chỉ thường trú hiện nay : 56 Tổ 46 Nghĩa Tân - Cầu Giấy, Hà Nội
 Điện thoại liên lạc : (04) 6266 1088
 Trình độ văn hóa : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ kinh tế
 Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ
10/1994 – 05/1996	Nhân viên Phòng kế toán - Ngân hàng TMCP Quân đội
06/1996 – 10/2000	Kiểm soát viên Phòng kế toán – Ngân hàng TMCP Quân đội
10/2000-09/2001	Phó phòng, Phụ trách Phòng Kiểm soát nội bộ - Ngân hàng TMCP Quân đội
10/2001 – 09/2008	Trưởng phòng Kiểm soát nội bộ - Ngân hàng TMCP Quân đội
10/2008 - 11/2009	Giám đốc Khối kiểm soát nội bộ - Ngân hàng TMCP Quân đội
12/2009 - đến nay	Phó Tổng giám đốc - Ngân hàng TMCP Quân đội

Chức vụ hiện tại : Phó Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Quân đội

Chức vụ tại các tổ chức khác : không có

Hành vi vi phạm pháp luật : không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : không có

Số cổ phần MB nắm giữ : 568.482 cổ phần (chiếm 0,035% vốn điều lệ)

Trong đó:

▪ Sở hữu cá nhân : 568.482 cổ phần (chiếm 0,035% vốn điều lệ)

▪ Đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu (chiếm 0,00% vốn điều lệ)

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: không có

Các khoản nợ đối với Ngân hàng : Không có

❖ **Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên : **Nguyễn Minh Châu**
 Giới tính : Nữ
 Ngày sinh : 06/04/1973
 Nơi sinh : Hà Nội
 Số CMND : 011572543
 Nơi cấp : Hà Nội Ngày cấp: 15/09/2011
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Quê quán : Đình Bảng Từ Sơn, Bắc Ninh.
 Địa chỉ thường trú hiện nay : Số nhà 5, Phố Trần Nguyên Hãn, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
 Điện thoại liên lạc : (04) 6266 1088
 Trình độ văn hóa : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Ngân hàng tài chính
 Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ
08/1995 - 07/1997	Cán bộ quan hệ khách hàng - Ngân hàng Hanil - Hàn Quốc tại Hà Nội
08/1997 - 01/1999	Cán bộ Phòng Nguồn vốn và kinh doanh ngoại hối - Ngân hàng Hanil - Hàn Quốc tại Hà Nội
02/1999 - 06/2000	Phụ trách Phòng nguồn vốn và kinh doanh ngoại hối - Ngân hàng Hanil - Hàn Quốc tại Hà Nội
07/2000 - 07/2002	Phó giám đốc Phụ trách nguồn vốn - Ngân hàng Woori - Hàn Quốc tại Hà Nội
08/2002 - 09/2005	Giám đốc phụ trách mảng kinh doanh - Ngân hàng Woori - Hàn Quốc tại Hà Nội
10/2005 - 05/2007	Giám đốc Nguồn vốn và kinh doanh tiền tệ - Ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex.
05/2007 - 11/2009	Phó Tổng giám đốc Phụ trách nguồn vốn và kinh doanh tiền tệ, đầu tư tài chính, quan hệ định chế tài chính - Ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex
12/2009 - đến nay	Phó Tổng giám đốc Kiểm Giám đốc Khối Treasury - Ngân hàng TMCP Quân đội.

Chức vụ hiện tại : Phó Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Quân đội

Chức vụ tại các tổ chức khác :

- Chủ tịch HĐQT Công ty quản lý Quỹ đầu tư MB.

Hành vi vi phạm pháp luật : không có
 Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng : không có
 Số cổ phần MB nắm giữ : 218.390 cổ phần (chiếm 0,013% vốn điều lệ)

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân : 218.390 cổ phần (chiếm 0,013% vốn điều lệ)
- Đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu (chiếm 0,00% vốn điều lệ)

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan:

Các khoản nợ đối với Ngân hàng : Không có

❖ **Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên : **Phạm Thị Trung Hà**
 Giới tính : Nữ
 Ngày sinh : 20/08/1975
 Nơi sinh : Gia Lâm – Hà Nội
 Số CMND : 011919799
 Nơi cấp : Công An Hà Nội Ngày cấp: 22/08/2009
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Quê quán : Thanh Hóa
 Địa chỉ thường trú hiện nay : Số 127 tổ 67 Tương Mai – Hoàng Mai – Hà Nội
 Điện thoại liên lạc : 04.6266.1088
 Trình độ văn hóa : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ kinh tế
 Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
Tháng 04/1997 – 05/2003	Nhân viên tín dụng – Phòng tín dụng Ngân hàng TMCP Quân đội
Tháng 05/2003 - 04/2004	Phó phòng Tín dụng Hội sở - Phụ trách Ban thẩm định Ngân hàng TMCP Quân đội
Tháng 04/2004 - 09/2005	Phó phòng Quản lý tín dụng Hội sở - Ngân hàng TMCP Quân đội
Tháng 09/2005 - 11/2007	Trưởng phòng Quản lý tín dụng Hội sở - Ngân hàng TMCP Quân đội
Tháng 12/2007 - 09/2008	Phụ trách Khối Quản trị rủi ro – Ngân hàng TMCP Quân đội
Tháng 10/2008 – 10/2009	Phó giám đốc Khối Quản trị rủi ro kiêm Trưởng phòng Quản lý rủi ro – Ngân hàng TMCP Quân đội
Tháng 11/2009 - 03/2011	Giám đốc Khối quản trị rủi ro – Ngân hàng TMCP Quân đội

Tháng 04/2011 - nay	Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Khối Quản trị rủi ro - Ngân hàng TMCP Quân đội
---------------------	--

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Khối Quản trị rủi ro

Chức vụ tại các tổ chức khác : Chủ tịch Công ty MB AMC

Hành vi vi phạm pháp luật : không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng : không có

Số cổ phần MB nắm giữ : 139.967 cổ phần (chiếm 0,008% vốn điều lệ)

Trong đó:

▪ Sở hữu cá nhân : 139.967 cổ phần (chiếm 0,008% vốn điều lệ)

▪ Đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu (chiếm 0,00% vốn điều lệ)

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan:

TT	Họ và tên	Quan hệ với người Khai	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ %/VĐL
01	Phạm Thanh Bình	Em trai	1.164	0,0001%

Các khoản nợ đối với Ngân hàng: Không có

❖ **Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên : Lê Hải

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 26/05/1976

Nơi sinh : Hà Nội

Số CMND : 011828500

Nơi cấp : Công an Hà Nội Ngày cấp : 10/11/2004

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Hà Nội

Địa chỉ thường trú hiện nay : Số 9 ngách 19/2, phố Liễu Giai, Quận Ba Đình, Hà Nội.

Điện thoại liên lạc : 04.6266.1088

Trình độ học vấn : 12/12

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
12/1998 - 12/2003	Chuyên viên Tín dụng, Phòng tín dụng Hội sở;
01/2004 - 08/2005	Phó phòng, Phòng Tín dụng, Chi nhánh Điện Biên Phủ;
09/2005 - 06/2006	Trưởng phòng, Phòng Tín dụng, Chi nhánh Điện Biên Phủ;

06/2006 - 7/2008	Giám đốc Chi nhánh, Chi nhánh Việt tri
08/2008 - 12/2008	Phó Giám đốc Chi nhánh, Chi nhánh Điện Biên Phủ;
01/2009 - 10/2011	Giám đốc Chi nhánh, Chi nhánh Điện Biên Phủ;
10/2011 - 11/2011	Giám đốc Khối, Khối Doanh nghiệp vừa và nhỏ
12/2011 - 08/2013	Giám đốc Khối, Khối Khách hàng Cá nhân
08/2013 đến nay	Phó Tổng Giám đốc, Ngân hàng TMCP Quân Đội

Chức vụ hiện tại : Phó Tổng Giám đốc - Ngân hàng TMCP Quân đội

Chức vụ tại các tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT Công ty cổ phần địa ốc MB

Hành vi vi phạm pháp luật : không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng : không có

Số cổ phần MB nắm giữ : 65.166 cổ phần (chiếm 0,004% vốn điều lệ)

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân : 65.166 cổ phần (chiếm 0,004% vốn điều lệ)

- Đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu (chiếm 0,00% vốn điều lệ)

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ %/VDL
01	Lê Hiếu	Anh trai	751	0,000%
02	Lê Trung	Em trai	2.227	0,0001%

Các khoản nợ đối với Ngân hàng : Không có

❖ Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên : **Uông Đông Hưng**

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 19/09/1975

Nơi sinh : Nghi Xuân, Hà Tĩnh

Số CMND : 042075000021

Nơi cấp : Công an Hà Nội Ngày cấp : 27/08/2014

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Nghi Xuân, Hà Tĩnh

Địa chỉ thường trú hiện nay: 16A4/13 Khu đô thị làng Việt kiều Châu Âu- Mỗ Lao- Từ Liêm- Hà Nội

Điện thoại liên lạc : 04.6266.1088

Trình độ học vấn : 12/12

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Kinh tế tài chính, ngân hàng

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
12/1998 - 03/2000	Cán bộ tín dụng MB CN Lý Nam Đế
03/2000 - 12/2003	Cán bộ tín dụng MB CN Long Biên
12/2003 - 11/2004	Phó giám đốc MB CN Long Biên
12/2004 - 09/2006	Phó giám đốc MB CN Trần Duy Hưng
09/2006 - 03/2010	Giám đốc MB CN Trần Duy Hưng
03/2010 - 06/2012	Giám đốc MB Sở giao dịch
06/2012 - 08/2013	Giám đốc phụ trách KD khu vực Miền Trung kiêm Giám đốc Sở giao dịch
08/2013 đến nay	Phó Tổng giám đốc Ngân hàng Quân đội

Chức vụ hiện tại : Phó Tổng Giám đốc - Ngân hàng TMCP Quân đội

Chức vụ tại các tổ chức khác : không có

Hành vi vi phạm pháp luật : không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng : không có

Số cổ phần MB nắm giữ : 60.270 cổ phần (chiếm 0,0038% vốn điều lệ)

Trong đó:

▪ Sở hữu cá nhân : 60.270 cổ phần (chiếm 0,0038% vốn điều lệ)

▪ Đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu (chiếm 0,00% vốn điều lệ)

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ %/VDL
01	Ngô Thị Xuyên	Mẹ đẻ	16.537	0,001%
02	Uông Thị Hải Yến	Em gái	123	0,000001%

Các khoản nợ đối với Ngân hàng: Không có

❖ **Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên : **Trần Minh Đạt**

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 24/11/1968

Nơi sinh : Phú Thọ

Số CMND : 12005120

Nơi cấp : Tổng cục Chính trị Ngày cấp: 15/12/2012
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Quê quán : Phú Thọ
 Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu : Phòng 805 nhà 29 T1 - Khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội
 Điện thoại liên lạc : 04.6266.1088
 Trình độ văn hóa : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Kinh tế - Đại học Kinh tế Quốc dân
 Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
01/02/2008 – 30/06/2008	Giám đốc Chi nhánh Minh Khai – Chi nhánh Điện Biên Phủ
01/07/2008 – 30/09/2011	Giám đốc Chi nhánh Hai Bà Trưng
01/10/2011 – 01/08/2013	Giám đốc Chi nhánh Điện Biên Phủ
02/08/2013 - 31/10/2014	Bổ nhiệm lại Giám đốc Chi nhánh Điện Biên Phủ
Từ 1/11/2014 đến nay	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Quân đội

Chức vụ hiện tại : Phó Tổng Giám đốc - Ngân hàng TMCP Quân đội;
 Chức vụ tại các tổ chức khác : Không
 Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
 Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng: Không có
 Số cổ phần MB nắm giữ : 31.223 cổ phần (chiếm 0,002% vốn điều lệ)

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân : 31.223 cổ phần (chiếm 0,002% vốn điều lệ)
- Đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu (chiếm 0,00% vốn điều lệ)

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: Không

Các khoản nợ đối với Ngân hàng : Không có

❖ **Phó Tổng Giám đốc – Giám đốc Tài chính**

Họ và tên : **Lê Thị Lợi**
 Giới tính : Nữ
 Ngày sinh : 30/06/1970
 Nơi sinh : Hải Bình, Tỉnh Gia, Thanh Hóa
 Số CMND : 013083042
 Nơi cấp : CA Hà Nội Ngày cấp: 07/05/2008
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh

Quê quán : Hải Bình, Tỉnh Gia, Thanh Hóa
 Địa chỉ thường trú hiện nay : Số 2 - B17 - Đô thị Mỹ Đình I - Từ Liêm - Hà Nội
 Điện thoại liên lạc : 04.6266.1088
 Trình độ văn hóa : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ kinh tế chuyên ngành tài chính ngân hàng
 Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ
10/1994 – 06/1996	Kế toán tổng hợp tại Hội sở Ngân hàng TMCP Quân đội
07/1996 – 10/1996	Trưởng phòng Kế toán - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh Ngân hàng TMCP Quân đội
11/1996 – 05/1998	Kế toán tổng hợp – KSV tại Hội sở Ngân hàng TMCP Quân đội
06/1998 – 09/2000	Phụ trách Bộ phận kiểm soát nội bộ Ngân hàng TMCP Quân đội
10/2000 – 2004	Phó Phòng Kế toán Hội sở - Ngân hàng TMCP Quân đội
2005 – 05/2005	Kế toán Trưởng Chi nhánh Điện Biên Phủ - Ngân hàng TMCP Quân đội
05/2005 – 07/2008	Phó Giám đốc Chi nhánh Điện Biên Phủ - Ngân hàng TMCP Quân đội
08/2008 – 06/2009	Phó Giám đốc Tài chính - Ngân hàng TMCP Quân đội
07/2009 – 11/2009	Quyền Giám đốc Tài chính - Ngân hàng TMCP Quân đội
11/2009 - 06/2014	Giám đốc Tài chính - Ngân hàng TMCP Quân đội
06/2014 đến nay	Phó Tổng Giám đốc - Giám đốc Tài chính - Ngân hàng TMCP Quân đội

Chức vụ hiện tại : Phó tổng giám đốc - Giám đốc Tài chính Ngân hàng TMCP Quân đội

Chức vụ tại các tổ chức khác : Không có

Hành vi vi phạm pháp luật : không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng : không có

Số cổ phần MB nắm giữ : 265.387 cổ phần (chiếm 0,016% vốn điều lệ)

Trong đó:

▪ Sở hữu cá nhân : 265.387 cổ phần (chiếm 0,016% vốn điều lệ)

▪ Đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu (chiếm 0,00% vốn điều lệ)

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan:

TT	Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ %/VĐL
01	Lê Thị Lai	Chị	15.781	0,001%
02	Lê Xuân Linh	Anh	4.439	0,0003%

Các khoản nợ đối với Ngân hàng: Không có

14. Tài sản

❖ Tài sản cố định tại thời điểm

Tài sản cố định hữu hình

Bảng 21: Thống kê tài sản cố định hữu hình tại thời điểm 30/9/2015

Chỉ tiêu	Nguyên giá (Triệu VND)	Khấu hao (Triệu VND)	Giá trị còn lại (Triệu VND)
Nhà cửa, vật kiến trúc	434.966	62.908	372.057
Máy móc thiết bị	682.850	571.889	110.961
Phương tiện vận tải	460.736	315.423	145.313
Tài sản cố định khác	122.402	80.494	41.908
Tổng	1.700.954	1.030.715	670.239

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3 năm 2015 của MB

Bảng 22: Thống kê tài sản cố định hữu hình tại thời điểm 31/12/2014

Chỉ tiêu	Nguyên giá (Triệu VND)	Khấu hao (Triệu VND)	Giá trị còn lại (Triệu VND)
Nhà cửa, vật kiến trúc	428.987	49.478	379.509
Máy móc thiết bị	655.434	497.617	157.817
Phương tiện vận tải	440.161	258.546	181.615
Tài sản cố định khác	119.211	62.982	56.229
Tổng	1.643.793	868.523	775.170

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2014 của MB

Tài sản cố định vô hình

Bảng 23: Thống kê tài sản cố định vô hình tại thời điểm 30/9/2015

Chỉ tiêu	Nguyên giá (Triệu VND)	Khấu hao (Triệu VND)	Giá trị còn lại (Triệu VND)
Quyền sử dụng đất	914.588	83.103	831.485

Phần mềm hệ thống công nghệ	314.648	262.150	52.498
Tài sản vô hình khác	-	-	-
Tổng	1.229.236	345.253	883.983

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3 năm 2015 của MB

Bảng 24: Thống kê tài sản cố định vô hình tại thời điểm 31/12/2014

Chỉ tiêu	Nguyên giá (Triệu VND)	Khấu hao (Triệu VND)	Giá trị còn lại (Triệu VND)
Quyền sử dụng đất	914.588	70.038	844.550
Phần mềm hệ thống công nghệ	266.069	235.768	30.300
Tài sản vô hình khác	277.311	0	277.311
Tổng	1.457.968	305.806	1.152.161

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2014 của MB

Tình hình quản lý sử dụng đất tại ngày 30/9/2015

- Tổng diện tích đất do MB trực tiếp quản lý, sử dụng: 7.460 m²
- Tổng diện tích đất do các công ty thành viên của MB quản lý, sử dụng: 76.496,7 m²

Bảng 25: Quyền sử dụng đất và các bất động sản đầu tư của MB tại thời điểm 30/9/2015

STT	Tên, địa chỉ tài sản	Diện tích (m ²)	Thời hạn (năm)	Mục đích sử dụng	Ghi chú
1	Đất Quảng Ninh (Phường Hùng Thắng-Quảng Ninh)	1.572	Lâu dài	Xây dựng trụ sở kết hợp thương mại dịch vụ	MB đứng tên giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất
2	Đất Hải Phòng (Số 6 Máy Tơ Hải Phòng)	1.000	Lâu dài	Trụ sở làm việc của Chi nhánh Hải Phòng	MB đứng tên giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất
3	Số 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội	1.500	30 năm	Trụ sở làm việc + Nhà để xe	MB đứng tên giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất
4	Đất 21 Cát Linh	2.384	44 năm	Trụ sở làm việc Hội sở chính MB	MB đứng tên giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất
5	Số 538 CMT8, Quận 3, TP Hồ Chí Minh	1.004	50 năm	Trụ sở làm việc khu vực phía Nam	MB đứng tên giấy chứng nhận

STT	Tên, địa chỉ tài sản	Diện tích (m ²)	Thời hạn (năm)	Mục đích sử dụng	Ghi chú
	Chí Minh			Nam	Quyền sử dụng đất
6	Đất 77B Võ Văn Tần- Cần Thơ (*)	592	Lâu dài	Xây dựng trụ sở MB Cần Thơ	MBAMC quản lý
7	Khu đô thị Mỹ Đình I, Từ Liêm, Hà Nội (*)	4.435	50 năm	Dự án Khu Thương mại, Văn phòng và Căn hộ tại khu đô thị Mỹ Đình	MBAMC quản lý
8	Thửa đất số 2432, Tờ bản đồ số 01 Phường Phú Thứ, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ (*)	2.959,50	Lâu dài	Xây dựng trụ sở kho tàng	MBAMC quản lý
9	Dự án Everville-Bình Tân (*)	50.477	Lâu dài	Dự án Khu nhà ở đô thị Everville, Quận Bình Tân, HCMC	MBAMC quản lý
10	Số 6-8 Chùa Bộc – Đống Đa – Hà Nội (*)	9.825,70	50 năm	Dự án khu phức hợp thương mại khách sạn,	MB Land quản lý
11	4 Lô đất A.1-KDC Nam Cẩm Lệ- Đà Nẵng (*)	30.296	Lâu dài	Xây dựng kho quản chấp hàng hóa khu vực miền Trung	MBAMC quản lý
12	Quyền sử dụng đất 06 lô 30A KĐT Ngã năm - Cát Bi- QN-HP	1.650	Lâu dài	Đầu tư trụ sở chi nhánh	MB đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, MBLand được giao nhiệm vụ ký hợp đồng tư vấn đầu tư
13	Quyền sử dụng đất Phú Hộ	1.500	50 năm	Xây dựng trụ sở	MB đứng tên Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất

STT	Tên, địa chỉ tài sản	Diện tích (m ²)	Thời hạn (năm)	Mục đích sử dụng	Ghi chú
14	54 Điện Biên Phủ	2.991,6	49 năm	Xây dựng trụ sở	MB đứng tên Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất

Nguồn: MB

Ghi chú: () đây là tài sản MB đang trong giai đoạn đầu tư và chưa ghi nhận vào Tài sản cố định*

Ngoài những tài sản là quyền sử dụng đất và nhà cửa vật kiến trúc trên, Ngân hàng đang triển khai các dự án đầu tư xây dựng mới và cải tạo trụ sở (đã nêu tại biểu số 14 tại phần hoạt động đầu tư), các dự án và công trình này sẽ đưa vào sử dụng khi công trình hoàn thành đồng thời sẽ hạch toán tăng nguyên giá Tài sản cố định khi công trình hoàn thành và được quyết toán.

15. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong những năm tiếp theo

15.1 Định hướng chiến lược của MB trong những năm tới

Hiện nay, MB đang hướng tới hoạt động theo mô hình MBGroup với công ty mẹ là ngân hàng thương mại cổ phần quân đội và các công ty con thuộc các lĩnh vực chứng khoán, quản lý quỹ, bảo hiểm... Các công ty con sẽ tận dụng tối đa lợi thế tập đoàn để hoạt động hiệu quả trong lĩnh vực kinh doanh của mình. Năm 2015, MBGroup định hướng cung cấp các giải pháp tài chính, đầu tư, bảo hiểm trọn gói cho khách hàng trên cơ sở tích hợp tối đa sản phẩm dịch vụ của các đơn vị thành viên trong tập đoàn; đồng thời, mỗi lĩnh vực hoạt động chính của các công ty con trong MBGroup sẽ là các vệ tinh cung cấp các sản phẩm hỗ trợ cùng với các dịch vụ của ngân hàng thương mại. Trên cơ sở đó, MB đã và đang xây dựng chiến lược chung của tập đoàn hướng tới các hoạt động cụ thể như sau:

- Phát triển đồng bộ các công ty thành viên theo định hướng chiến lược kinh doanh tập đoàn.
- Đầu tư tăng năng lực tài chính và phát triển các nguồn lực kinh doanh; phát triển đối tác cổ đông chiến lược;
- Tìm kiếm các đối tác chiến lược để phát triển kinh doanh các công ty, lựa chọn cổ đông chiến lược thực hiện đa sở hữu và tái cơ cấu vốn hiệu quả và tạo giá trị thương hiệu cho các công ty;
- Thiết lập và tăng cường cơ chế phối hợp đầu tư, kinh doanh hiệu quả; đẩy mạnh hoạt động bán chéo, tận dụng tối đa lợi thế của tập đoàn.

15.2 Giả thuyết và căn cứ dự báo kế hoạch

Các giả thuyết để đưa ra kế hoạch dưới đây được đưa ra dựa trên những dự báo về kinh tế Việt Nam và định hướng hoạt động của MB trong thời gian tới.

15.2.1 Điều kiện kinh tế vĩ mô

- Tình hình kinh tế - chính trị - xã hội tiếp tục được giữ vững và phát triển ổn định;
- Kinh tế quốc tế, trong nước được nhận định tiếp tục xu hướng phục hồi và tăng trưởng tốt hơn trong năm 2015. Tăng trưởng GDP trong nước khoảng 6 – 6,2%, lạm phát kiểm soát dưới 5%. Mục tiêu điều hành của chính phủ là ổn định kinh tế vĩ mô, khắc phục khó khăn, hỗ trợ các Doanh nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh, tăng năng lực cạnh tranh.

- Ngân hàng Nhà nước duy trì chính sách tiền tệ chủ động linh hoạt, kiểm soát lạm phát, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế ở mức hợp lý, tăng cường phối hợp với các chính sách vĩ mô khác. Mục tiêu điều hành chính sách tiền tệ năm 2015: tổng phương tiện thanh toán tăng 16 – 18%, tăng trưởng tín dụng 13 – 15%; lãi suất điều hành phù hợp với thị trường và cân đối vĩ mô, cố gắng đưa lãi suất cho vay trung, dài hạn giảm 1 – 1,5%/năm; đẩy nhanh tiến độ xử lý nợ xấu gắn với tái cơ cấu TCTD, đưa tỷ lệ nợ xấu toàn ngành xuống dưới 3%.

15.2.2 Định hướng kế hoạch kinh doanh của MB năm 2015

Năm 2015, tình hình kinh tế thế giới, khu vực và trong nước còn tiềm ẩn nhiều khó khăn. Ngân hàng Nhà nước quyết tâm mạnh mẽ và định hướng hoạt động năm 2015 sẽ tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu ngân hàng; thực hiện chính sách tiền tệ linh hoạt, hiệu quả, điều hành lãi suất phù hợp; thúc đẩy tín dụng cho nền kinh tế với dư nợ tín dụng tăng 13% - 15%; tập trung xử lý nợ xấu, bảo đảm an toàn cho hệ thống ngân hàng với tỷ lệ nợ xấu quyết tâm nhỏ hơn 3%... Đối với MB, năm 2015 là năm cuối của việc triển khai Chiến lược 2011-2015. Chính vì vậy, MB quyết tâm mạnh mẽ hoàn thành các sáng kiến chiến lược, kiên định mục tiêu đảm bảo MB nằm trong TOP 5 các ngân hàng thương mại Việt Nam và phương châm “Tái cơ cấu, phát triển bền vững”. Đồng thời, trong năm này, MB cũng sẽ xác định định hướng chiến lược 2015-2020, tầm nhìn đến năm 2030 và triển khai các chương trình trọng điểm năm 2015 như tăng vốn điều lệ, phát triển kênh liên kết với Viettel, phát triển 2 lĩnh vực kinh doanh mới gồm bảo hiểm nhân thọ và tài chính tiêu dùng... Đối với các công ty thành viên sẽ thực hiện quản lý sát sao như một đơn vị kinh doanh trong MB và xây dựng, thực hiện chiến lược giai đoạn 2015-2020, tầm nhìn 2030 của từng công ty.

15.3 Kế hoạch kinh doanh lợi nhuận và cổ tức năm 2015

Bảng 26: Dự kiến kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức MB năm 2015

Năm	KH 2015 (Tỷ VND)	KH 2015 so với năm 2014 (%)
Vốn điều lệ	16.000	138%
Huy động tiền gửi của khách hàng	181.000	108%
Tiền gửi và vay các TCTD khác	5.202	131%
Tổng tài sản	214.000	108%
Tổng dư nợ	115.500	115%
Tỷ lệ nợ xấu	<3%	-
Lợi nhuận trước thuế	3.150	105%
Cổ tức	10%	-
Tỷ lệ an toàn vốn	Đảm bảo tuân thủ quy định của NHNN	-
Các tỷ lệ đảm bảo an toàn khác	Đảm bảo tuân thủ quy định của NHNN	-

Năm	KH 2015 (Tỷ VND)	KH 2015 so với năm 2014 (%)
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân	15%	-
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản có bình quân	1,3%	-

Nguồn: MB

16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách tổ chức tư vấn, căn cứ vào tình hình thị trường và chiến lược của MB, MBS đánh giá các kế hoạch lợi nhuận, cổ tức và mục tiêu phát triển và kế hoạch chi trả cổ tức năm 2015 mà MB đề ra là khả thi trừ trường hợp xảy ra các sự kiện bất khả kháng.

MBS xin lưu ý rằng, mọi ý kiến đánh giá trên đây được đưa ra dưới góc độ tư vấn, trên cơ sở nghiên cứu về chứng khoán và thị trường chứng khoán, triển vọng của nền kinh tế, ngành ngân hàng và MB. Những đánh giá của tổ chức tư vấn chỉ có ý nghĩa tham khảo cho các nhà đầu tư.

17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của MB

Không có

18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới MB mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phần chào bán

Không có

V. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC CÓ CỔ PHIẾU ĐƯỢC HOÁN ĐỔI

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Giới thiệu chung về tổ chức có cổ phiếu được hoán đổi

Tên công ty:	Công ty Tài chính cổ phần Sông Đà
Tên Tiếng Anh:	Song Da Finance Joint Stock Company
Trụ sở chính:	Tầng 2, 3 Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.
Điện thoại:	04 37878108 Fax: 04 37878113
Website:	www.sdfc.com.vn
Giấy CNĐKKD:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0102759935 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/05/2008, thay đổi lần 7 ngày 19/06/2014.
Vốn điều lệ đăng ký:	686.000.000.000 (Sáu trăm tám mươi sáu tỷ) đồng
Vốn điều lệ thực góp:	686.000.000.000 (Sáu trăm tám mươi sáu tỷ) đồng
Số tài khoản:	10301 0000 003547 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Ba Đình.

Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà được UBCKNN chấp thuận đăng ký công ty đại chúng ngày 02/05/2009.

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu:

- Hoạt động dịch vụ tài chính, gồm:
 - ✓ Bảo lãnh;
 - ✓ Cấp tín dụng theo quy định của Ngân hàng nhà nước;
 - ✓ Mở tài khoản và dịch vụ ngân quỹ;
 - ✓ Góp vốn mua cổ phần của các doanh nghiệp và các tổ chức tín dụng khác;
 - ✓ Đầu tư cho các dự án theo hợp đồng;
 - ✓ Tham gia thị trường tiền tệ;
 - ✓ Thực hiện các dịch vụ kiều hối, kinh doanh vàng;
 - ✓ Làm đại lý phát hành trái phiếu, cổ phiếu và các loại giấy tờ có giá cho các doanh nghiệp;
 - ✓ Được quyền nhận ủy thác, làm đại lý trong các lĩnh vực liên quan đến tài chính ngân hàng, bảo hiểm, đầu tư;
 - ✓ Cung ứng các dịch vụ tư vấn về ngân hàng, tài chính, tiền tệ, đầu tư cho khách hàng;
 - ✓ Cung ứng các dịch vụ bảo quản hiện vật quý, giấy tờ có giá, cho thuê tủ, két, cầm đồ và các dịch vụ khác;
 - ✓ Thực hiện nghiệp vụ bao thanh toán theo quy định của Ngân hàng nhà nước;
 - ✓ Thực hiện hoạt động ngoại hối theo quy định;
- Hoạt động trung gian tiền tệ, gồm:

- ✓ Huy động vốn từ các nguồn: Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở lên của tổ chức, cá nhân; Phát hành trái phiếu, kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi và các loại giấy tờ có giá khác để huy động vốn; Vay vốn của các tổ chức tín dụng, tài chính trong nước, ngoài nước và các tổ chức tài chính quốc tế; Tiếp nhận vốn ủy thác của chính phủ, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;
- ✓ Cho vay dưới các hình thức: Cho vay ngắn hạn, trung hạn, dài hạn theo quy định của ngân hàng nhà nước; Cho vay ủy thác của Chính phủ; Cho vay tiêu dùng bằng hình thức cho vay mua trả góp;
- ✓ Chiết khấu, tái chiết khấu, cầm cố thương phiếu và các giấy tờ có giá khác.

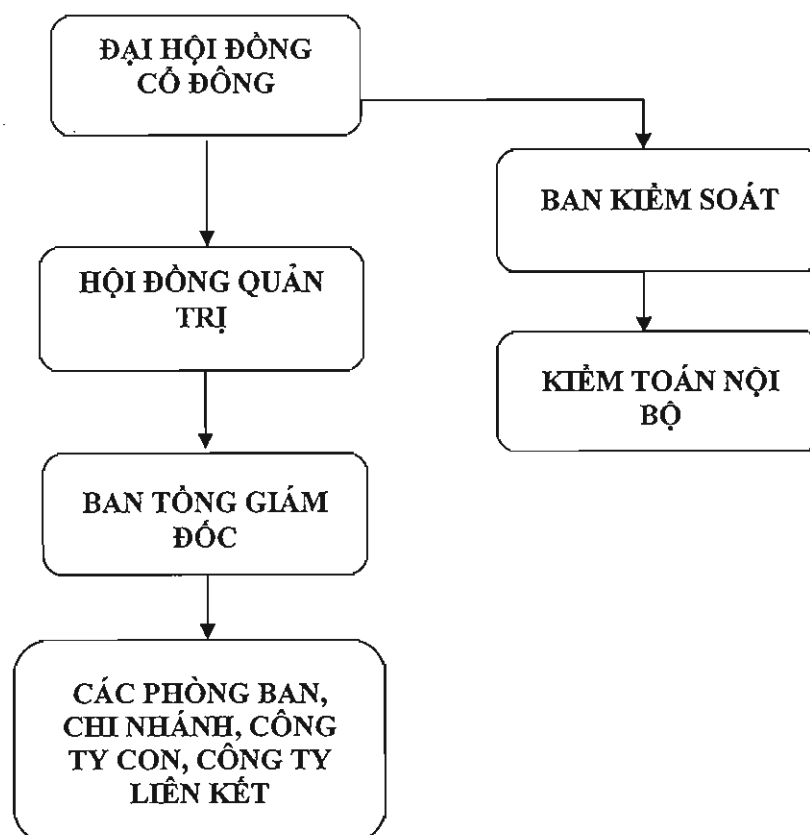
Sản phẩm/dịch vụ chính của Công ty:

- Hoạt động huy động vốn;
- Hoạt động tín dụng;
- Hoạt động đầu tư;
- Dịch vụ tài chính và Kinh doanh ngoại hối.

1.2 Quá trình hình thành, phát triển

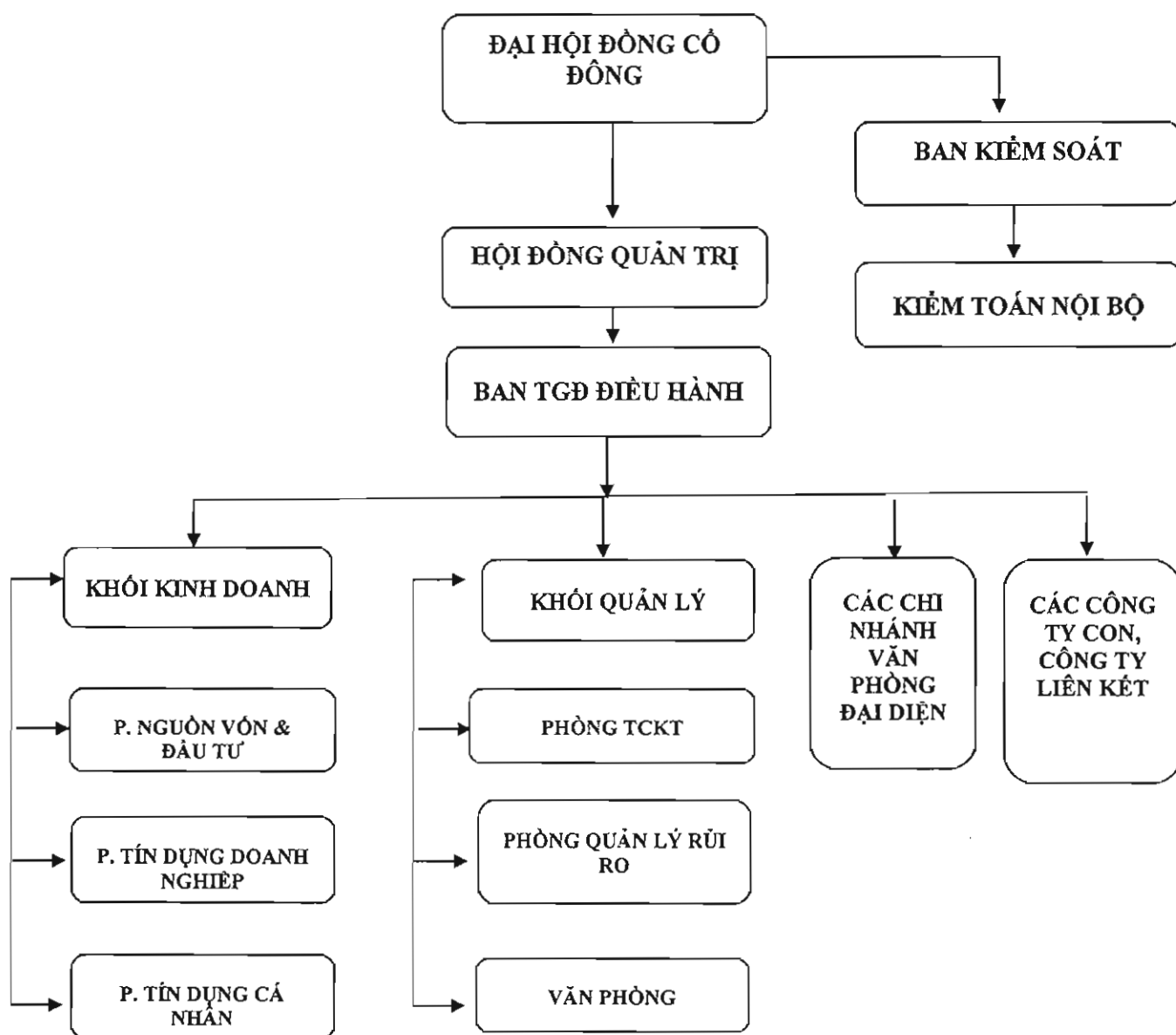
- Ngày 03/10/2007, các cổ đông sáng lập gồm Tổng Công ty Sông Đà, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội, Tổng Công ty Bảo Minh đã hợp ký kết Thỏa thuận thành lập Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà, trong đó Tổng công ty Sông Đà là cổ đông nắm giữ cổ phần lớn nhất.
- Ngày 31/01/2008, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản số 1091/NHNN – CNH chấp thuận nguyên tắc thành lập Công ty Tài chính cổ phần Sông Đà.
- Ngày 07/04/2008, tại Tổng công ty Sông Đà đã diễn ra Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Tài chính cổ phần Sông Đà.
- Ngày 23/05/2008, Công ty Tài chính cổ phần Sông Đà được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp giấy phép thành lập và hoạt động số 137/GP – NHNN; chuẩn y Điều lệ Công ty (Quyết định số 1142/QĐ – NHNN); Chuẩn y việc bổ nhiệm chức danh Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc (Quyết định số 1143/QĐ – NHNN). Ngày 23 tháng 7 năm 2008, tại Trung tâm hội nghị quốc gia đã diễn ra lễ khai trương hoạt động của Công ty Tài chính cổ phần Sông Đà.
- Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà được Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103024916 lần đầu ngày 26/05/2008, và được cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 7 ngày 19/06/2014.
- Kể từ khi thành lập đến nay, Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà đã không ngừng kiện toàn bộ máy tổ chức, nâng cao năng lực tài chính, đầu tư trang thiết bị, nguồn nhân lực nhằm nâng cao hiệu quả công việc, và chất lượng sản phẩm/ dịch vụ cung cấp.

2. Cơ cấu tổ chức công ty



3. Sơ đồ tổ chức, quản lý của Công ty

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY



3.1 Đại hội đồng cổ đông

ĐHĐCĐ Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu hoặc người được cổ đông ủy quyền. Đại hội đồng cổ đông có quyền hạn và nhiệm vụ:

- Thông qua kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty; thông qua báo cáo tài chính hàng năm, các báo cáo của Ban kiểm soát, của Hội đồng quản trị và của kiểm toán viên;
- Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Quyết định số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;
- Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ, thông qua định hướng phát triển của Công ty, quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm;
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

3.2 Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty cổ phần, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ (theo quy định tại điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty).

- Quyết định kế hoạch sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của công ty;
- Xác định mục tiêu hoạt động trên cơ sở mục tiêu chiến lược đã được ĐHĐCĐ thông qua;
- Bổ nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý theo đề nghị của Tổng Giám đốc và quyết định mức lương theo chức năng;
- Đề xuất các loại cổ phiếu phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
- Quyết định triệu tập ĐHĐCĐ theo quy định, duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời, tổ chức việc chi trả cổ tức
- Các nhiệm vụ khác theo Điều lệ hoạt động của công ty quy định.

Hội đồng quản trị của Công ty có 05 thành viên với nhiệm kỳ 05 năm. Danh sách thành viên HĐQT:

Ông: Lê Quốc Minh	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông: Đặng Anh Vinh	Thành viên Hội đồng quản trị
Bà: Trần Thị Thanh Hương	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông: Phùng Quang Tuyên	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông: Trần Tuấn Linh	Thành viên Hội đồng quản trị

3.3 Ban Kiểm soát:

Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu, thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của công ty:

- Kiểm tra giám sát toàn bộ hoạt động trong nội bộ công ty;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Thẩm định báo cáo tài chính, tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.
- Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị lên Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên;
- Kiến nghị Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Hằng năm, trình ĐHĐCĐ các báo cáo thẩm tra tài chính, những sự kiện tài chính bất thường, những sự kiện có thể tác động xấu đến quyền và lợi ích của công ty, nêu ra những nhận xét về ưu và khuyết điểm trong quản lý của HĐQT và Tổng Giám đốc;
- Yêu cầu triệu tập họp HĐQT hoặc ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật;
- Các nhiệm vụ khác theo Điều lệ hoạt động của Công ty.

Ban kiểm soát của Công ty có 04 thành viên với nhiệm kỳ 05 năm. Danh sách thành viên Ban kiểm soát:

Ông: Nguyễn Minh Cường	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông: Vũ Văn Doanh	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà: Nguyễn Thị Việt Oanh	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà: Phạm Thị Nhân	Thành viên Ban Kiểm soát

3.4 Ban Tổng Giám Đốc điều hành

Ban Tổng Giám đốc gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.

- Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Hội đồng Quản trị, khách hàng về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các quyền và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc theo quy định của Điều lệ của Công ty.
- Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc sẽ căn cứ vào khả năng và nhu cầu quản lý để thực hiện việc ủy quyền một số quyền hạn nhất định cho các Phó Tổng Giám đốc.
- Kế toán trưởng: Giúp việc cho Tổng Giám đốc trong công tác tài chính, kế toán của Công ty. Tổ chức phân tích các hoạt động kinh tế trong công ty một cách thường xuyên, đánh giá kết quả và hiệu quả kế hoạch kinh doanh của công ty, nghiên cứu cải tiến tổ chức kinh doanh nhằm khai thác và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn vốn kinh doanh, đồng vốn của công ty.
- Ban Tổng Giám đốc là bộ phận điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban Tổng Giám đốc có các quyền hạn và nhiệm vụ sau:
- Quản lý và điều hành các hoạt động, công việc hàng ngày của Công ty thuộc thẩm quyền của Giám đốc theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty;
- Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế, dân sự và các loại hợp đồng khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty;
- Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh quản lý của Công ty mà không thuộc đối tượng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
- Tuyển dụng, thuê mướn và bố trí sử dụng người lao động theo quy định của Hội đồng quản trị, phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Quyết định mức lương, phụ cấp (nếu có) cho người lao động trong Công ty;
- Đại diện Công ty trước Pháp luật, đại diện Công ty trong các tranh chấp có liên quan đến Công ty;
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

Danh sách Ban Tổng Giám đốc:

Ông: Đặng Anh Vinh	Tổng Giám đốc
Ông: Tạ Duy Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Trần Tiến Đạt	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Đặng Xuân Cảnh	Kế toán trưởng

3.5 Kiểm toán nội bộ:

Kiểm toán nội bộ có trách nhiệm và quyền hạn:

- Lập kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm và thực hiện các hoạt động kiểm toán nội bộ theo kế hoạch, các chính sách, quy trình và thủ tục kiểm toán nội bộ đã được phê duyệt, đảm bảo chất lượng và hiệu quả.
- Kiểm tra, rà soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan đối với tất cả các đơn vị, bộ phận, các hoạt động của Công ty (cơ chế, chính sách, thủ tục, quy trình hoặc các vấn đề trong hoạt động) dựa trên mức độ rủi ro (cao, trung bình hoặc thấp) và mức độ ảnh hưởng đến hoạt động và đưa ra những khuyến nghị thiết thực nhằm ngăn ngừa, khắc phục.
- Kiến nghị các biện pháp sửa chữa, khắc phục sai sót; kiến nghị xử lý những vi phạm; đề xuất các biện pháp hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ.
- Đánh giá mức độ phù hợp của các hoạt động nhằm ngăn ngừa, khắc phục những điểm yếu đã được báo cáo; các hoạt động nhằm hoàn thiện hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ; và theo dõi cho đến khi các vấn đề này được xử lý thỏa đáng.
- Lập báo cáo kiểm toán; thông báo và đệ trình kịp thời các kết quả kiểm toán nội bộ.
- Thực hiện quy trình đảm bảo chất lượng công tác kiểm toán nội bộ.
- Thiết lập hồ sơ về trình độ năng lực và các yêu cầu cần thiết đối với kiểm toán viên nội bộ để làm cơ sở tuyển dụng, đề bạt, luân chuyển cán bộ và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; Lập kế hoạch và tổ chức đào tạo một cách liên tục nhằm nâng cao và đảm bảo năng lực chuyên môn cho kiểm toán viên nội bộ.
- Tư vấn cho Ban lãnh đạo, Hội đồng quản trị và các bộ phận nghiệp vụ quy trình nhận dạng, đo lường đánh giá rủi ro, quản lý rủi ro, phương pháp đánh giá vốn; hệ thống thông tin, hạch toán, kế toán; thực hiện các nghiệp vụ, sản phẩm mới với điều kiện không ảnh hưởng tới tính độc lập của kiểm toán nội bộ.

3.6 Các phòng ban nghiệp vụ:

3.6.1 Khối quản lý

❖ Văn phòng

Văn phòng có chức năng tham mưu, giúp Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty trong việc chỉ đạo, quản lý và điều hành các công tác:

- Công tác tổ chức nhân sự:
 - ✓ Nghiên cứu và đề xuất mô hình, cơ cấu tổ chức Công ty phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh trong từng thời kỳ;
 - ✓ Lập kế hoạch sử dụng, đánh giá, bổ nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển cán bộ; thực hiện công tác đánh giá, nhận xét cán bộ hàng năm, tổng hợp các báo cáo về đội ngũ cán bộ;
 - ✓ Xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực toàn Công ty trong từng giai đoạn;
 - ✓ Trình Tổng giám đốc Công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển cán bộ; Báo cáo Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy trình bổ nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển cán bộ;
 - ✓ Thực hiện công tác quản lý nhân lực: bao gồm tuyển dụng, tiếp nhận, điều động lao động, theo dõi sự biến động nhân sự trong toàn Công ty và quản lý hồ sơ cán bộ
- Công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực:
 - ✓ Xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn của CBCNV phù hợp với nhu cầu kinh doanh của Công ty; tổ chức thực hiện đào tạo theo kế hoạch và theo dõi, đánh giá kết quả học tập của cán bộ;
 - ✓ Phối hợp với các đơn vị trong toàn Công ty và đầu mối tổ chức thực hiện việc đào tạo theo nhu cầu công việc của các đơn vị và Công ty;
 - ✓ Quản lý công tác đào tạo, hồ sơ đào tạo theo phân cấp.
- Công tác lao động, tiền lương, chế độ chính sách với người lao động:
 - ✓ Quản lý hợp đồng lao động; Làm các thủ tục ký kết hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động, sa thải, khen thưởng, kỷ luật theo quy định của Pháp luật và Công ty;
 - ✓ Xây dựng đề Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị ban hành Quy chế trả lương, Quy chế thi đua khen thưởng phù hợp với quy định của Nhà nước;
 - ✓ Thực hiện công tác an toàn và bảo hộ lao động, chế độ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các loại bảo hiểm khác theo quy định hiện hành của Nhà nước và Công ty;
 - ✓ Xây dựng và thực hiện các chế độ chính sách khác cho người lao động phù hợp với qui định hiện hành của Nhà nước;
 - ✓ Chăm sóc sức khỏe cho CBCNV, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV toàn Công ty.
- Công tác thư ký, công tác giúp việc Hội đồng quản trị, trợ lý Ban Tổng giám đốc:

- ✓ Tổng hợp và quản lý chương trình, kế hoạch công tác của Ban Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị;
- ✓ Thực hiện công tác thư ký và trợ lý cho Ban Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị; Lập biên bản các cuộc họp của Ban Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị;
- ✓ Quản lý và điều hành phương tiện phục vụ đưa đón Lãnh đạo Công ty đi làm việc; Quản lý văn phòng làm việc của Ban Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị.
- Công tác quản trị văn phòng, văn thư lưu trữ, an ninh bảo vệ:
 - ✓ Tổ chức công tác văn thư, lưu trữ, hành chính tổng hợp và công tác bảo mật theo qui định của Pháp luật hiện hành;
 - ✓ Quản lý con dấu và các giấy tờ pháp lý liên quan đến việc vận hành của Công ty; là đầu mối cung cấp các giấy tờ pháp lý có liên quan đến việc thực hiện các thủ tục của Công ty;
 - ✓ Quản lý công tác lễ tân, khánh tiết, đưa đón và tiếp khách của Công ty; Bố trí phương tiện đi lại, ăn ở cho CBCNV đi công tác;
 - ✓ Đảm bảo tốt và đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện làm việc cho cán bộ; bảo trì và bảo dưỡng các trang thiết bị của Công ty;
 - ✓ Sắp xếp, bố trí địa điểm làm việc cho CBCNV và các phòng ban trong Công ty;
 - ✓ Đảm bảo công tác an ninh quốc phòng, bảo vệ, phòng chống cháy nổ trong toàn Công ty.
- Thực hiện các công việc liên quan đến công tác đối ngoại của Công ty, quản trị thông tin và truyền thông, công tác xây dựng và quản trị thương hiệu.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc giao.

❖ **Phòng Tài chính - Kế toán**

Phòng Tài chính Kế toán có chức năng tham mưu, giúp Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty trong các lĩnh vực sau:

- Tổ chức công tác hạch toán kế toán.
- Quản lý tiền lương, tài sản tiền vốn.
- Xây dựng, quản lý và thực hiện kế hoạch tài chính.
- Công tác hợp đồng kinh tế.
- Nhiệm vụ chi tiết, cụ thể của Phòng tài chính kế toán được quy định cụ thể theo Quy chế chức năng nhiệm vụ các phòng ban của Công ty.
 - ✓ Thực hiện công tác hạch toán kế toán các hoạt động của Công ty theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước và pháp luật hiện hành;
 - ✓ Chủ trì và phối hợp với các phòng xây dựng và giao kế hoạch tài chính định kỳ (tháng, quý, năm) cho từng đơn vị; tính toán và quyết toán kết quả kinh doanh tháng, quý, năm của các đơn vị trực thuộc Công ty;
 - ✓ Phân tích hiệu quả kinh tế tài chính, khả năng sinh lời của các hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - ✓ Phối hợp với Phòng Tín dụng doanh nghiệp, phòng Tín dụng cá nhân, phòng Nguồn vốn & đầu tư thương thảo các Hợp đồng trong lĩnh vực tín dụng, nguồn vốn, đầu tư, DVTC ...
 - ✓ Giám sát việc thực hiện các hợp đồng kinh tế, thực hiện thanh lý hợp đồng kinh tế theo đúng Quy định của Pháp luật và của Công ty; Định kỳ hàng tháng, quý

báo cáo Tổng giám đốc Công ty về tình hình thực hiện các Hợp đồng kinh tế đã ký.

- ✓ Các nhiệm vụ được giao của Ban lãnh đạo.

❖ **Phòng Quản lý Rủi ro**

Phòng Quản lý rủi ro có chức năng tham mưu giúp việc Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty trong các công tác:

- Kiểm tra, kiểm soát các hoạt động kinh doanh của Công ty đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và của Công ty.
- Công tác pháp chế;
- Công tác Thẩm định độc lập;
- Công tác kế hoạch.
- Nhiệm vụ chi tiết, cụ thể của Phòng Quản lý rủi ro được quy định cụ thể theo Quy chế chức năng nhiệm vụ các phòng ban của Công ty.

3.6.2 **Khối kinh doanh**

❖ **Phòng Nguồn vốn và Đầu tư**

Phòng nguồn vốn và đầu tư có chức năng tham mưu, giúp Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty trong các công tác:

- Công tác nguồn vốn: Tổ chức thực hiện việc tạo lập nguồn vốn, tham gia thị trường tiền tệ liên ngân hàng, thực hiện các nghiệp vụ thị trường mở, cân đối và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn, thực hiện nghiệp vụ kinh doanh và quản lý ngoại hối, đảm bảo trạng thái ngoại tệ của Công ty; thực hiện kinh doanh vàng hoặc làm đại lý kinh doanh vàng cho các tổ chức khác; mua bán có kỳ hạn giấy tờ có giá (GTCG) bằng VND và ngoại tệ.
- Công tác đầu tư và dịch vụ tài chính:
 - ✓ Nghiên cứu, tổ chức triển khai đầu tư và quản lý vốn đầu tư;
 - ✓ Tổ chức, triển khai cung cấp các dịch vụ tài chính, tiền tệ đối với các khách hàng;
 - ✓ Công tác đầu tư, mua sắm tài sản (xây dựng cơ bản, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị CNTT, mua sắm tài sản cố định).
- Nhiệm vụ chi tiết, cụ thể của Phòng Nguồn vốn và Đầu tư được quy định cụ thể theo Quy chế chức năng nhiệm vụ các phòng ban của Công ty.

❖ **Phòng Tín dụng Doanh nghiệp**

Phòng Tín dụng doanh nghiệp có chức năng tham mưu, giúp Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty trong các lĩnh vực:

- Tổ chức, xây dựng kế hoạch tín dụng doanh nghiệp, phát triển sản phẩm tín dụng doanh nghiệp.

- ✓ Chủ trì và phối hợp với phòng Tài chính kế toán, Phòng nguồn vốn & đầu tư và Phòng Quản lý rủi ro lập kế hoạch tín dụng doanh nghiệp hàng năm, kế hoạch trung và dài hạn, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- ✓ Chủ trì nghiên cứu, xây dựng kế hoạch phát triển và tổ chức thực hiện cung cấp các sản phẩm tín dụng doanh nghiệp;
- ✓ Chủ trì và phối hợp với các bộ phận liên quan thực hiện Marketing tín dụng bao gồm việc thiết lập, mở rộng, phát triển hệ thống khách hàng, giới thiệu các sản phẩm tín dụng doanh nghiệp cho khách hàng, thực hiện công tác thị trường.
- Nghiên cứu, tổ chức triển khai và quản lý các hoạt động tín dụng, bảo lãnh đối với các doanh nghiệp doanh nghiệp
 - ✓ Tham mưu, giúp Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty trong việc nghiên cứu, tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa, xử lý rủi ro trong hoạt động tín dụng doanh nghiệp;
 - ✓ Xác định hạn mức tín dụng, giới hạn tín dụng đối với khách hàng doanh nghiệp và trình cấp có thẩm quyền xem xét cấp hạn mức tín dụng đối với từng khách hàng; xếp loại khách hàng doanh nghiệp, phân loại nợ, xác định mức trích lập dự phòng theo mức độ rủi ro tín dụng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đầu mỗi tổng hợp báo cáo phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro của Công ty trình cấp có thẩm quyền theo quy định
 - ✓ Trực tiếp thực hiện hoạt động tín dụng doanh nghiệp
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc giao.

❖ **Phòng Tín dụng Cá nhân**

Phòng Tín dụng cá nhân có chức năng tham mưu, giúp Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty trong các lĩnh vực:

- Nghiên cứu, tổ chức triển khai và quản lý các hoạt động tín dụng đối với các cá nhân.
 - ✓ Chủ trì và phối hợp với phòng Tài chính kế toán, Phòng nguồn vốn và đầu tư và Phòng Quản lý rủi ro lập kế hoạch tín dụng cá nhân hàng năm, kế hoạch trung và dài hạn, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.
 - ✓ Chủ trì và phối hợp với các bộ phận liên quan thực hiện Marketing tín dụng cá nhân bao gồm việc thiết lập, mở rộng, phát triển hệ thống khách hàng, giới thiệu các sản phẩm tín dụng cá nhân cho khách hàng.
 - ✓ Chủ trì nghiên cứu, xây dựng kế hoạch phát triển và tổ chức thực hiện cung cấp các sản phẩm tín dụng cá nhân; Công tác thị trường.
- Xây dựng kế hoạch tín dụng cá nhân, phát triển sản phẩm tín dụng đối với các cá nhân.

- ✓ Tham mưu, giúp Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty trong việc nghiên cứu, tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa, xử lý rủi ro trong hoạt động tín dụng cá nhân;
 - ✓ Trực tiếp thực hiện hoạt động tín dụng cá nhân
 - ✓ Xác định phân loại nợ, xác định mức trích lập dự phòng theo mức độ rủi ro tín dụng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.
 - ✓ Quản lý (hoàn chỉnh, bổ sung, bảo quản, lưu trữ, khai thác...) hồ sơ tín dụng theo qui định; tổng hợp, phân tích, quản lý (thu thập, lưu trữ, bảo mật, cung cấp) thông tin và lập các báo cáo về công tác tín dụng cá nhân theo quy định.
 - ✓ Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc giao.
- 4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại**

4.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

Bảng 27: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của SDFC

T T	Cổ đông	Số ĐKSH	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1	Tổng Công ty Sông Đà	0100105870	Tòa nhà Sông Đà, Phạm Hùng, P. Mỹ Đĩnh 1, Nam Từ Liêm, HN	19.000.000	27,70%
2	Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	27 GD/KDBH	Số 26 Tôn Thất Đạm, Q1, TP. Hồ Chí Minh	8.000.000	11,66%
3	Ngân hàng TMCP Quân Đội	060297	Số 21 Cát Linh, quận Đống Đa, TP. Hà Nội	8.800.000	12,83%
	Tổng cộng			35.800.000	52,19%

Nguồn: SDFC

4.2 Cổ đông sáng lập

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103024916 lần đầu ngày 26/05/2008, và được cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 7 ngày 19/06/2014 danh sách cổ đông sáng lập của SDFC như sau:

Bảng 28: Danh sách cổ đông sáng lập của SDFC

T T	Cổ đông	Số ĐKSH	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1	Tổng Công ty Sông Đà	0100105870	Tòa nhà Sông Đà, Phạm Hùng, P. Mỹ Đinh 1, Nam Từ Liêm, HN	19.000.000	27,70%
2	Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	27 GD/KDBH	Số 26 Tôn Thất Đạm, Q1, TP. Hồ Chí Minh	8.000.000	11,66%
3	Ngân hàng TMCP Quân Đội	060297	Số 21 Cát Linh, quận Đống Đa, TP. Hà Nội	8.800.000	12,83%
	Tổng cộng			35.800.000	52,19%

Nguồn: SDFC

Theo quy định tại Điều 84 Luật Doanh nghiệp, cổ phần của cổ đông sáng lập bị hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày thành lập. Do vậy, đến thời điểm hiện tại, cổ phần của cổ đông sáng lập Công ty đã được tự do chuyển nhượng.

4.3 Cơ cấu cổ đông Công ty

Bảng 29: Cơ cấu cổ đông của SDFC

STT	Cổ đông	Số cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Trong nước	2.076	68.600.000	100%
1	Tổ chức	20	49.848.600	72,67%
2	Cá nhân	2.056	18.751.400	27,33%
II	Nước ngoài	0	0	0%
1	Tổ chức	0	0	0%
2	Cá nhân	0	0	0%
	Tổng cộng	2.076	68.600.000	100%

Nguồn: SDFC (Theo danh sách cổ đông chốt ngày 30/7/2015 của VSD)

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký đăng ký giao dịch, những công ty mà tổ chức đăng ký đăng ký giao dịch đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký đăng ký giao dịch

5.1 Công ty mẹ; Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà

Không có.

5.2 Những công ty con; những công ty mà Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Không có.

6. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty

Lần	Thời gian thực hiện	Giá trị vốn tăng thêm (tỷ đồng)	Vốn ĐL sau phát hành (tỷ đồng)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý
Thành lập	Ngày 23/05/2008		500	Vốn điều lệ ban đầu thành lập	- Giấy phép thành lập và hoạt động số 137/GP – NHNN của Ngân hàng Nhà nước - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103024916 lần đầu ngày 26/05/2008
Lần 1(*)	Tháng 01/2011	186	686	Chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu	- NQ ĐHĐCĐ số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 7/5/2009; - Quyết định số 2613/QĐ-NHNN ngày 17/11/2009 và số 1401/QĐ-NHNN ngày 10/6/2010 của Ngân hàng Nhà nước về việc phát hành trái phiếu chuyển đổi; - Công văn số 10239/NHNN-TTGSNH ngày 31/12/2010 chấp thuận cho SDFC tăng vốn điều lệ từ 500 tỷ lên 686 tỷ đồng; - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102759935 thay đổi lần 3 ngày 10/01/2011.

(Nguồn: SDFC)

(*): Quá trình tăng vốn từ 500 tỷ đồng lên 686 tỷ đồng:

Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà phát hành trái phiếu chuyển đổi năm 2009, giá trị

trái phiếu chuyển đổi phát hành là 300 (ba trăm) tỷ đồng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2009 số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 7/5/2009 và Quyết định số 2613/QĐ-NHNN ngày 17/11/2009 của Ngân hàng Nhà nước chấp thuận SDFC phát hành trái phiếu chuyển đổi, thời hạn trái phiếu là 12 tháng.

Ngày 10/06/2010, Ngân hàng Nhà nước có Quyết định số 1401/QĐ-NHNN ngày 10/06/2010 chấp thuận cho SDFC điều chỉnh thời gian chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi. Cuối năm 2010, SDFC thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu, giá trị trái phiếu chuyển đổi chuyển thành cổ phiếu là 186 tỷ đồng. Ngày 7/12/2010, SDFC đã có tờ trình số 71/TT-HĐQT trình Ngân hàng Nhà nước xin tăng vốn điều lệ và ngày 31/12/2010, Ngân hàng Nhà nước đã có văn bản số 10239/NHNN-TTGSNH chấp thuận cho SDFC tăng vốn điều lệ từ 500 tỷ lên 686 tỷ đồng. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102759935 thay đổi lần 3 ngày 10/01/2011 do Sở KH&ĐT thành phố Hà Nội cấp với vốn điều lệ đăng ký 686 tỷ đồng.

7. Hoạt động kinh doanh

7.1 Sản phẩm và dịch vụ cung cấp:

7.1.1 Về sản phẩm huy động vốn:

Nhận ủy thác quản lý vốn bằng VND và ngoại tệ của tổ chức và cá nhân: Ủy thác quản lý vốn là hình thức khách hàng (Tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước) ủy thác nguồn vốn nhàn rỗi của mình cho SDFC trong một thời hạn nhất định, khách hàng sẽ được hưởng mức lãi suất cố định và đảm bảo an toàn 100% vốn ủy thác của mình.

Bảng 30: Cơ cấu, tỷ trọng nguồn vốn huy động

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2013		Tại 31/12/2014		Tại 30/09/2015	
	Giá trị (triệu VND)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu VND)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu VND)	Tỷ trọng (%)
I. Trong nước	699.500	100%	426.203	100%	113.450	100%
1. Tiền gửi của khách hàng		0,0%	2.850	0,7%	1.450	1,3%
2. Tiền gửi và vay các TCTD khác	470.500	67,3%	315.353	74,0%	80.000	70,5%
3. Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	60.000	8,6%	43.000	10,1%	22.000	19,4%
4. Phát hành giấy tờ có giá	169.000	24,2%	65.000	15,3%	10.000	8,8%
II. Ngoài nước		0,0%		0,0%		0,0%
Tổng	699.500	100,0%	426.203	100,0%	113.450	100,0%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014 và BCTC Quý III/2015

7.1.2 Hoạt động tín dụng:

SDFC giao cho khách hàng sử dụng một khoản tiền để sử dụng vào mục đích và thời gian nhất định theo thỏa thuận với nguyên tắc hoàn trả gốc và lãi. Tùy theo thời hạn

cho vay, khoản vay của khách hàng được phân thành vay ngắn hạn, trung hạn, dài hạn.

❖ **Cho vay:**

- **Ngắn hạn:** Thời hạn vay dưới 12 tháng
- **Trung hạn:** Thời hạn vay từ 12 tháng đến 05 năm
- **Dài hạn:** Thời hạn vay từ 05 năm trở lên

❖ **Bảo lãnh:**

Bảo lãnh là cam kết bằng văn bản của SDFG (Bên bảo lãnh) với bên có quyền (bên nhận bảo lãnh) về việc thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho khách hàng (bên được bảo lãnh) khi khách hàng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ đã cam kết với bên nhận bảo lãnh.

Các hình thức bảo lãnh SDFC đang thực hiện: Bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh vay vốn; bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh bảo đảm chất lượng sản phẩm, các loại bảo lãnh khác pháp luật không cấm.

Bảng 31: Dư nợ cho vay theo kỳ hạn trong giai đoạn 2013-2014 đến hết Quý 3/2015

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2013		Tại 31/12/2014		Tại 30/09/2015	
	Giá trị (triệu VND)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu VND)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu VND)	Tỷ trọng (%)
Nợ ngắn hạn	166.586	69,9%	104.200	58,7%	526.149	92,2%
Nợ trung hạn	572	0,2%	11.309	6,4%	8.832	1,5%
Nợ dài hạn	71.236	29,9%	61.921	34,9%	35.881	6,3%
Tổng dư nợ	238.394	100,0%	177.430	100,0%	570.862	100,0%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014 và BCTC Quý III/2015

Bảng 32: Phân loại nợ và tỷ lệ nợ xấu trong giai đoạn 2013-2014 đến hết Quý 3/2015

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2013 (triệu VND)	Tại 31/12/2014 (triệu VND)	Tại 30/9/2015 (triệu VND)
Nợ đủ tiêu chuẩn	20.927	161.757	94.455
Nợ cần chú ý	200.881	50	9.926
Nợ dưới tiêu chuẩn			58
Nợ nghi ngờ	16.586		2.321
Nợ có khả năng mất vốn		15.623	464.102
Tổng dư nợ	238.394	177.430	570.862
Tỷ lệ nợ xấu	6,96%	8,81%	81,72%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014 và BCTC Quý III/2015

Dư nợ tại thời điểm 30/9/2015 tăng đột biến là do SDFC hạch toán điều chỉnh khoản nợ của Công ty cổ phần Sông Đà Thăng Long (STL) từ tài khoản phải thu sang tài khoản cho vay khách hàng với số tiền 449 tỷ đồng. Khoản nợ này của STL đang được phân loại nợ vào nhóm 5 - Nợ có khả năng mất vốn. Ngày 30/9/2015 VAMC và SDFC đã ký Hợp đồng mua bán khoản nợ xấu này của STL nhưng đến ngày 07/10/2015 SDFC mới nhận được trái phiếu đặc biệt do Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước phát hành, do vậy tại thời điểm 30/9/2015 khoản nợ này vẫn được theo dõi trên tài khoản cho vay khách hàng.

Dự phòng rủi ro tín dụng

Theo Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-NHNN ngày 31/03/2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, các tổ chức tín dụng phải thực hiện trích lập dự phòng tín dụng bao gồm: dự phòng cụ thể và dự phòng chung.

Nguyên tắc trích lập dự phòng rủi ro cụ thể được thực hiện theo tỷ lệ tương ứng với từng nhóm nợ sau khi trừ đi giá trị tài sản đảm bảo.

SDFC thực hiện trích lập dự phòng cho các khoản cho vay khách hàng đến thời điểm 30/9/2015 như sau.

Bảng 33: Trích lập dự phòng cho các khoản cho vay khách hàng

Thời điểm	Dự phòng cụ thể (triệu VNĐ)	Dự phòng chung (triệu VNĐ)	Tổng quỹ dự phòng (triệu VNĐ)
Tại 31/12/2013	18.437	1.865	20.302
Tại 31/12/2014	18.728	1.426	20.154
Tại 30/9/2015	105.928	4.176	110.104

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014 và BCTC Quý III/2015

7.1.3 Hoạt động đầu tư:

Trên cơ sở nghiên cứu, đánh giá cơ hội đầu tư do SDFC hoặc khách hàng đề xuất SDFC và Quý khách hàng cùng ký hợp đồng hợp tác đầu tư.

Hợp tác đầu tư:

Trên cơ sở nghiên cứu, đánh giá cơ hội đầu tư do SDFC hoặc Khách hàng đề xuất, SDFC và khách hàng cùng ký hợp đồng hợp tác đầu tư.

Đầu tư cổ phần vào các công ty cổ phần đã và đang hoạt động:

SDFC đầu tư trực tiếp hoặc hợp tác cùng khách hàng đầu tư vào các công ty cổ phần đã và đang hoạt động nhằm trực tiếp điều hành hoạt động kinh doanh của công ty cổ phần tương ứng với phần vốn góp.

Đầu tư thành lập pháp nhân mới:

SDFC thực hiện hợp tác cùng khách hàng và các đối tác góp vốn thành lập pháp nhân mới đầu tư vào một số dự án có hiệu quả kinh tế cao trong lĩnh vực xây dựng thủy điện, cơ sở hạ tầng, bất động sản,... Từng bước mở rộng hợp tác đầu tư với phương châm thắt chặt mối quan hệ với các ngân hàng, các đối tác nhằm thu hút và tạo nguồn vốn cho hoạt động đầu tư; đa dạng hoá hoạt động đầu tư với nhiều hình thức hợp tác và lĩnh vực đầu tư khác nhau.

Kinh doanh cổ phiếu và Chứng từ có giá:

❖ Đầu tư, kinh doanh cổ phiếu:

- Đầu tư ở giai đoạn chuẩn bị thành lập Công ty Cổ phần:

Cá nhân hay tổ chức có một số vốn nhất định và đang có một dự án để đầu tư hoặc chưa có dự án nhưng có nhu cầu đầu tư để sinh lời. Trong bất kỳ trường hợp nào, SDFC sẽ hợp tác cùng khách hàng để đầu tư vào một dự án khả thi thông qua việc thành lập nên một Công ty Cổ phần, đảm bảo mang lại lợi ích phù hợp với mong muốn của mỗi bên.

- Đầu tư ở giai đoạn sau cổ phần hoá:

SDFC sẽ mua hoặc bán cổ phiếu thông qua các hình thức

- ✓ Tham gia đấu thầu cổ phiếu
- ✓ Mua trên thị trường OTC
- ✓ Mua trực tiếp với đơn vị phát hành hoặc tổ chức sở hữu cổ phiếu.

❖ Đầu tư, kinh doanh các loại chứng từ có giá khác:

Chứng từ có giá thường rất đa dạng, bao gồm: Trái phiếu, kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi, công trái, trái phiếu chuyển đổi,... SDFC luôn kỳ vọng ở sự hợp tác của các công ty chứng khoán, các ngân hàng, các đơn vị kinh tế, tài chính để làm phong phú hơn danh mục đầu tư CTCG của SDFC và để đảm xây dựng được một danh mục đầu tư linh hoạt, an toàn và hiệu quả.

Bảng 34: Chứng khoán đầu tư

Đơn vị: Đồng

Khoản mục	Tại 31/12/2012	Tại 31/12/2013	Tại 30/09/2014
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	451.124.501.200	90.000.000.000	90.000.000.000
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	160.000.000.000	175.000.000.000	175.000.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán	(19.567.360.633)	(10.763.683.333)	(38.208.588.809)
Tổng cộng	591.557.140.567	254.236.316.667	226.791.411.191

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013 và BCTC Quý III/2014

7.1.4 Tư vấn tài chính doanh nghiệp:

❖ Tư vấn sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp (Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, thành lập pháp nhân mới, cổ phần hoá)

Căn cứ điều kiện, nhu cầu của Khách hàng; SDFC sẽ đề xuất, tư vấn các giải pháp sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp phù hợp nhằm đảm bảo lợi ích tối đa của Khách hàng. Dịch vụ tư vấn của SDFC trong lĩnh vực này bao gồm:

- Tư vấn thành lập các Công ty mới;
- Tư vấn chia tách, sáp nhập Công ty;

- Tư vấn cổ phần hoá
- ❖ **Tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp, tư vấn xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp hiệu quả:**

Sử dụng dịch vụ này, Quý khách hàng sẽ được SDFC tư vấn thay đổi về cơ cấu tổ chức và hoạt động, từ đó nâng cao tính hiệu quả sản xuất kinh doanh, xây dựng mô hình quản trị doanh nghiệp tiên tiến và nâng cao tính cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường.

SDFC tư vấn về các công việc sau đây:

- Tái cấu trúc tài chính: SDFC tập trung xây dựng cơ cấu vốn tối ưu cho doanh nghiệp thông qua việc xây dựng, xác định tỷ lệ vốn chủ sở hữu và nợ thích hợp nhằm đảm bảo để doanh nghiệp phát triển nhanh và bền vững.
 - Tư vấn Phương thức điều hành và chế độ chính sách;
 - Xây dựng hệ thống Quy chế quản lý nội bộ doanh nghiệp;
 - Tư vấn Đại hội đồng cổ đông;
 - Tư vấn đăng ký Công ty đại chúng.
 - ❖ **Tư vấn phát hành chứng khoán:**
- Đề đáp ứng nhu cầu vốn cho quá trình phát triển doanh nghiệp, SDFC cung cấp tới Quý khách hàng dịch vụ tư vấn phát hành chứng khoán. Cụ thể, SDFC thực hiện:
- Tư vấn phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ;
 - Tư vấn phát hành trái phiếu doanh nghiệp
- ❖ **Tư vấn niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán**

Với kinh nghiệm hiểu biết sâu sắc và quan hệ chặt chẽ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, SDFC cung cấp dịch vụ tư vấn niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán cho Quý khách hàng. Triển khai dịch vụ này, SDFC sẽ giúp doanh nghiệp lập Hồ sơ niêm yết bao gồm Bản cáo bạch và Điều lệ Công ty, thúc đẩy nhanh quá trình phê duyệt hồ sơ, đáp ứng kịp thời yêu cầu của cơ quan cấp giấy phép. SDFC sẽ thực hiện các công việc sau:

- Tư vấn các điều kiện niêm yết chứng khoán.
- Tư vấn chuẩn bị hồ sơ đăng ký niêm yết chứng khoán.
- Tư vấn hỗ trợ quá trình phê duyệt hồ sơ.
- Theo dõi, chỉnh sửa hồ sơ xin niêm yết theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.
- Tư vấn hỗ trợ đăng ký chứng khoán với Trung tâm giao dịch và lưu ký chứng khoán tại trung tâm lưu ký.
- Tư vấn công bố thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng và rộng rãi cho các nhà đầu tư.
- Tư vấn các dịch vụ hỗ trợ sau niêm yết: Thực hiện các nghiệp vụ trên TTCK nhằm bình ổn giá chứng khoán, hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng hình ảnh tốt đối với các nhà đầu tư thông qua chiến lược công bố thông tin về kế hoạch và tình hình hoạt động của doanh nghiệp ra công chúng,...

7.1.5 Kinh doanh ngoại hối:

❖ Giao dịch giao ngay:

Giao dịch giao ngay là giao dịch trong đó SDFC và khách hàng thực hiện mua, bán một lượng ngoại tệ theo tỷ giá thỏa thuận tại thời điểm giao dịch và kết thúc thanh toán trong vòng 2 (hai) ngày làm việc tiếp theo.

❖ Giao dịch kỳ hạn:

Giao dịch kỳ hạn là giao dịch trong đó SDFC và khách hàng cam kết mua, bán với nhau một số lượng ngoại tệ theo một mức tỷ giá xác định tại thời điểm giao dịch và việc thanh toán sẽ được thực hiện vào một thời điểm xác định trong tương lai (có giá trị xa hơn ngày giá trị giao ngay).

❖ Giao dịch hoán đổi:

Giao dịch hoán đổi ngoại tệ là giao dịch SDFC đồng thời mua và bán cùng một lượng ngoại tệ (chỉ có hai đồng tiền được sử dụng trong giao dịch) với khách hàng, trong đó kỳ hạn thanh toán của hai giao dịch là khác nhau và tỷ giá của hai giao dịch được xác định tại thời điểm ký kết hợp đồng.

Từ năm 2013 đến nay không phát sinh hoạt động kinh doanh ngoại tệ.

7.2 Cơ cấu doanh thu, chi phí, lãi/lỗ

❖ Cơ cấu Doanh thu từ lãi và các khoản thu nhập tương tự:

Bảng 35: Cơ cấu Doanh thu từ lãi và các khoản thu nhập tương tự

Sản phẩm, dịch vụ	Năm 2013		Năm 2014		9 tháng đầu 2015	
	Giá trị (đồng)	% DTT	Giá trị (đồng)	% DTT	Giá trị (đồng)	% DTT
Thu lãi tiền gửi và cho vay	90.764.483.848	54,01%	69.828.079.912	59,82%	12.767.597.790	28,08%
Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán nợ	7.798.291.665	4,64%	6.189.361.107	5,30%	2.374.372.147	5,22%
Thu khác từ hoạt động tín dụng	69.479.201.943	41,35%	40.707.287.516	34,87%	30.331.904.139	66,70%
Tổng	168.041.977.456	100%	116.724.728.535	100%	45.473.874.076	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014 và BCTC Quý III/2015

❖ **Cơ cấu chi phí lãi và các chi phí tương tự:**

Bảng 36: Cơ cấu chi phí lãi và các chi phí tương tự

Sản phẩm, dịch vụ	Năm 2013		Năm 2014		9 tháng đầu 2015	
	Giá trị (đồng)	% DTT	Giá trị (đồng)	% DTT	Giá trị (đồng)	% DTT
Trả lãi tiền gửi	23.043.480.842	13,71%	13.209.262.964	11,32%	2.372.794.448	5,22%
Trả lãi tiền vay	40.598.366.213	24,16%	30.398.194.444	26,04%	3.749.957.772	8,25%
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	27.838.751.800	16,57%	8.787.674.757	7,53%	1.407.686.451	3,10%
Chi phí hoạt động tín dụng khác	95.938.906	0,06%	75.371.658	0,06%	10.569.075.449	23,24%
Tổng	91.576.537.761	54,50%	52.470.503.823	44,95%	18.099.514.120	39,80%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014 và BCTC Quý III/2015

❖ **Thu nhập lãi thuần:**

Bảng 37: Thu nhập lãi thuần

Đơn vị: Đồng

Sản phẩm, dịch vụ	Năm 2013	Năm 2014	9 tháng đầu 2015
Thu nhập lãi thuần	76.465.493.695	64.254.224.712	27.374.359.956

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014 và BCTC Quý III/2015

❖ **Các khoản thu nhập từ hoạt động khác:**

Bảng 38: Các khoản thu nhập từ hoạt động khác

Đơn vị: Đồng

Sản phẩm, dịch vụ	Năm 2013	Năm 2014	9 tháng đầu 2015
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	1.932.288.184	1.020.000	
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	2.123.319	2.734.222	

Sản phẩm, dịch vụ	Năm 2013	Năm 2014	9 tháng đầu 2015
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh	151.357	(79.376)	
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư	0	-	-
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác	999.004.154	(4.332.597.184)	8.868.216.775
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	29.330	30.600	
Tổng	2.933.596.344	(4.328.891.738)	8.868.216.775

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014 và BCTC Quý III/2015

7.3 Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

Định hướng công tác quản trị rủi ro mang tính trọng yếu và xuyên suốt trong hoạt động của Công ty, hoặc động quản lý rủi ro của công ty được chú trọng tổ chức cụ thể như sau:

Công ty đã thành lập các Ủy ban theo quy định tại Luật các TCTD: Ủy ban Quản lý rủi ro, Ủy ban Nhân sự; Hội đồng xử lý rủi ro tín dụng; Thiết lập và vận hành Hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ theo quy định và thực tế các nghiệp vụ phát sinh tại Công ty; Ban hành đầy đủ các quy chế, quy định, quy trình đảm bảo các hoạt động, nghiệp vụ phát sinh phù hợp với quy định và hạn chế rủi ro.

7.4 Thị trường hoạt động

❖ Mạng lưới chi nhánh:

Hiện nay SDFC chỉ có trụ sở chính, chưa có chi nhánh.

❖ Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng:

Hiện nay, các khách hàng chính của SDFC hầu hết là các công ty con, công ty liên kết trong Tổng công ty Sông Đà và một số khách hàng là các doanh nghiệp, cá nhân ngoài Tổng công ty Sông Đà có uy tín, có dự án đầu tư, phương án kinh doanh hiệu quả, đảm bảo khả năng trả nợ.

Các sản phẩm dịch vụ do SDFC cung cấp bao gồm: Cho vay, bảo lãnh, cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính, tiền tệ đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

❖ Thị phần và khả năng cạnh tranh:

Với quy mô vốn nhỏ và những khó khăn, hạn chế trong hoạt động kinh doanh thời gian qua nên có thể nói SDFC hầu như không có lợi thế nào khi cạnh tranh với các tổ chức tín dụng khác, đặc biệt là các ngân hàng thương mại, kể cả với thị trường là các đơn vị trong Tổng công ty Sông Đà.

7.5 Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đang thực hiện

Không có

8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013, 2014 và 9 tháng đầu năm 2015

8.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của SDFC năm 2013, 2014 và 9 tháng đầu năm 2015

Bảng 39: Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	Năm 2013 (triệu đồng)	Năm 2014		9 tháng đầu năm 2015 (triệu đồng)
		Giá trị (triệu đồng)	% tăng giảm so với năm 2013	
Tổng giá trị tài sản	1.583.508	1.328.826	-16,08%	934.696
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	168.042	116.725	-30,54%	45.474
Thuế và các khoản phải nộp	4.074	4.269	4,79%	
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro	64.985	46.298	-28,76%	38.138
Lợi nhuận trước thuế	11.743	12.996	10,67%	-4.596
Lợi nhuận sau thuế	8.661	9.063	4,64%	-4.596

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014 và BCTC Quý III/2015

Trong năm 2014, các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh chính của công ty bao gồm Giá trị Tổng tài sản và Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự đều giảm so với năm 2013, tương ứng với mức giảm 16,1% và 30,54%. Thu nhập năm 2014 giảm mạnh là do các khoản thu từ lãi tiền gửi và cho vay, khoản thu từ lãi kinh doanh, đầu tư chứng khoán nợ và thu từ hoạt động tín dụng giảm mạnh. Nguyên nhân do trong năm 2014 và 9 tháng đầu năm 2015, Công ty tập trung vào công tác tái cơ cấu hoạt động, tập trung thu hồi các khoản nợ đến và quá hạn, hạn chế giải ngân mới; Nguồn thu được từ các hoạt động tín dụng, đầu tư được ưu tiên thanh toán các khoản nợ huy động vốn đến hạn.

8.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

8.2.1 Khó khăn

- Cơ chế hoạt động đối với các công ty tài chính hiện nay rất khó khăn, cụ thể như không được cung cấp dịch vụ thanh toán, không được nhận tiền gửi của dân cư,... nên không có những tiện ích để thu hút khách hàng gửi tiền cũng như cho vay, đồng thời không kiểm soát được dòng tiền vào – ra của khách hàng;
- Các khách hàng của SDFC chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, sản xuất công nghiệp, kinh doanh bất động sản (những ngành nghề chính của Tổng công ty Sông Đà). Trong thời gian qua, nhóm ngành này chịu ảnh hưởng nặng nề của khủng hoảng kinh tế nên các khách hàng đã gặp rất nhiều khó khăn về tài chính ảnh hưởng đến việc trả nợ.
- Giai đoạn trước năm 2012, HĐQT chưa thực sự tham gia trực tiếp vào việc quyết

định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty mà chỉ thông qua các cơ quan giúp việc được HĐQT thành lập như Hội đồng tín dụng, Hội đồng đầu tư;

- SDFC mới được thành lập nên kinh nghiệm và năng lực trong lĩnh vực tài chính ngân hàng còn yếu, nhất là vấn đề quản trị rủi ro trước, trong và sau cho vay, đầu tư; không kịp thời đánh giá, phát hiện và xử lý các rủi ro, dẫn đến việc phát sinh nợ xấu và khó khăn về thanh khoản từ cuối năm 2011 đến nay;
- Hạn chế về nguồn lực, khả năng tiếp nhận và xử lý thông tin, khả năng thích ứng không cao. Đội ngũ nhân viên nghiệp vụ còn hạn chế, nhất là kỹ năng phân tích báo cáo tài chính để đánh giá năng lực tài chính và khả năng trả nợ của khách hàng còn yếu. Chưa đánh giá kịp thời những biến động bất lợi của nền kinh tế đối với hoạt động của SDFC cũng như các khách hàng để có cảnh báo và giải pháp xử lý nhằm giảm thiểu rủi ro.

8.2.2 Thuận lợi

- Là Công ty thành viên của Tổng Công ty Sông Đà, có cổ đông sáng lập gồm các tổ chức tài chính, bảo hiểm lớn, SDFC nhận được sự quan tâm, hỗ trợ trong quá trình hoạt động. Điều này đã tạo nên sự khác biệt và lợi thế cho Công ty khi tiến hành đàm phán, thương thảo, ký kết các hợp đồng kinh tế.
- Công ty có nguồn vốn lớn, năng lực tài chính và khả năng cạnh tranh cao, nguồn khách hàng và đối tác là những đơn vị thành viên của Tổng Công ty và các cổ đông,... tạo điều kiện rất thuận lợi trong quá trình hoạt động kinh doanh.
- Công ty có đội ngũ lãnh đạo, quản lý có nhiều kinh nghiệm, trình độ chuyên môn cao và năng động, nhiệt tình trong công việc; Đội ngũ cán bộ chuyên môn nghiệp vụ và kinh nghiệm luôn được kịp thời đáp ứng yêu cầu quản lý và sản xuất kinh doanh của công ty.

9. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

9.1 Vị thế của công ty trong ngành

Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà được kế thừa kinh nghiệm cũng như thương hiệu lâu năm và uy tín từ các cổ đông sáng lập (Tổng công ty Sông Đà, Ngân hàng MB, Tổng công ty Bảo Minh) là những đơn vị có uy tín lớn trong lĩnh vực xây dựng, tài chính ngân hàng, bảo hiểm, cùng với đội ngũ lãnh đạo nhiều kinh nghiệm, trình độ chuyên môn cao. Với những thế mạnh trên, Công ty đã xây dựng được uy tín trên thị trường và đạt được một số kết quả khả quan kể từ khi hoạt động đến nay. Công ty cung cấp nhiều sản phẩm dịch vụ tài chính cho các đơn vị là các công ty thành viên của Tổng Sông Đà, Ngân hàng MB và nhiều các tổ chức, cá nhân khác.

Tuy nhiên, trong điều kiện kinh tế thị trường như hiện nay, Công ty cũng gặp phải sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường từ phía các doanh nghiệp khác trong cùng ngành và từ các tổ chức tài chính, tổ chức tín dụng khác trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, quy mô vốn điều lệ hiện tại của Công ty không lớn, ảnh hưởng đến khả năng đầu tư và cạnh tranh của công ty.

9.2 Triển vọng phát triển của ngành

Trong những năm gần đây, kinh tế Việt Nam đã dần vượt qua thời kỳ suy giảm với tốc độ tăng trưởng GDP bình quân tuy không cao như giai đoạn trước năm 2009 nhưng ổn định. Các chuyên gia phân tích đều cho rằng, trong các năm tới, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam sẽ duy trì ở mức 5% - 6%/năm.

Trong năm 2014 và 9 tháng đầu năm 2015, giá trị sản xuất kinh doanh của ngành đã có nhiều chuyển biến tích cực. Nền kinh tế đã có bước tăng trưởng và ổn định hơn trong dài hạn, nhu cầu đầu tư (xây dựng cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp, dân dụng, đầu tư các

dự án phát triển,... nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh, thương mại) tăng cao. Bên cạnh đó, nhu cầu về tài chính của các đơn vị thành viên của Tổng Sông Đà cũng tăng, đây chính là triển vọng kinh doanh của Công ty trong thời gian tới.

Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) dự kiến trong 5 năm tới ở mức bình quân 5% - 6%/năm sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các ngành, lĩnh vực kinh doanh đạt được mức tăng trưởng khá cao và bền vững trong dài hạn. Việc Việt Nam gia nhập nhiều liên minh kinh tế thế giới cũng tạo tiền đề hết sức thuận lợi cho các doanh nghiệp trong nước hội nhập với thế giới (nâng cao năng lực quản trị, quy mô vốn, công nghệ và phương thức quản lý, tăng khả năng cạnh tranh ..). Có thể nói, triển vọng tăng trưởng của hoạt động tài chính trong thời gian tới được đánh giá là tương đối tốt với rất nhiều cơ hội phát triển.

9.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Hiện tại, lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà là cung cấp các sản phẩm, dịch vụ tài chính. Đây là lĩnh vực kinh doanh có nhiều triển vọng trong và phù hợp với định hướng phát triển của ngành và chính sách của Nhà Nước, là cầu nối của các đơn vị, đáp ứng nhu cầu vốn đầu tư không chỉ cho các doanh nghiệp và cho cả nền kinh tế.

Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà tiếp tục chủ trương tập trung các hoạt động, dịch vụ tài chính truyền thống với các đơn vị thành viên của Tổng Sông Đà đồng thời chủ trương tăng quy mô vốn, tăng năng lực cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu ngày càng lớn về vốn đầu tư của các đối tác, khách hàng.

10. Chính sách đối với người lao động

10.1 Số lượng và cơ cấu (theo trình độ) người lao động trong công ty

Tính đến ngày 30/09/2015, toàn Công ty có 52 người, trong đó có 04 thành viên HĐQT kiêm nhiệm và 02 thành viên BKS kiêm nhiệm; 46 cán bộ nhân viên làm việc trực tiếp tại Công ty.

Bảng 40: Cơ cấu lao động của công ty

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ lệ
Trên đại học	12	23%
Đại học	34	65,38%
Cao đẳng	1	0,19%
Bảo vệ + Lái xe	5	11,43%
Tổng	52	100%

10.2 Chính sách đối với người lao động

10.2.1 Chế độ làm việc cho người lao động

Thời gian làm việc: Thời gian làm việc tại SDFC là 8h/ngày và 5 ngày/tuần.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản: theo quy định của Bộ Luật lao động.

Cán bộ nhân viên được trang bị đầy đủ các điều kiện làm việc một cách tốt nhất, hiện đại nhất và thoải mái nhất nhằm đảm bảo cung cấp cho khách hàng những sản phẩm và dịch vụ tối ưu, hiệu quả nhất.

10.2.2 Chính sách tuyển dụng, đào tạo

- Chiến lược phát triển nguồn nhân lực của SDFC là thu hút các chuyên gia có trình

độ cao trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, có chính sách, chế độ đãi ngộ hợp lý thông qua thu nhập và cơ hội thăng tiến trong nghề nghiệp.

- Đào tạo và phát triển nhân viên là một trong các công tác ưu tiên của SDFC. Chính sách đào tạo của SDFC có mục tiêu xây dựng và phát triển đội ngũ nhân viên thành thạo về nghiệp vụ, có đạo đức trong kinh doanh, chuyên nghiệp trong phong cách làm việc và nhiệt tình phục vụ khách hàng.
- Nhân viên trong hệ thống SDFC có cơ hội tham dự các lớp huấn luyện đào tạo nghiệp vụ theo nhu cầu công việc bên trong và bên ngoài Công ty, được tài trợ chi phí.

10.2.3 Chế độ khen thưởng

Chế độ khen thưởng cho nhân viên của SDFC gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh và chất lượng phục vụ. SDFC có các chế độ cơ bản như sau:

- Được hưởng lương theo năng suất và thưởng hoàn thành công việc;
- Thưởng cho các đơn vị, cá nhân tiêu biểu trong năm; thưởng sáng kiến;
- Thưởng trong các dịp lễ tết của quốc gia và kỷ niệm thành lập Công ty.

10.2.4 Tiền lương, Bảo hiểm xã hội và phúc lợi:

CBNV được tham gia và hưởng các chế độ về BHXH, BHYT, BHTN theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, tùy lĩnh vực công tác mà nhân viên SDFC còn nhận được phụ cấp độc hại, phụ cấp rủi ro tiền mặt, phụ cấp chuyên môn.

Hàng năm, SDFC thực hiện chế độ nghỉ dưỡng sức, đồng phục cho nhân viên. SDFC có những chính sách đãi ngộ nhân viên như tổ chức khám bệnh định kỳ hàng năm và tổ chức các hoạt động văn hóa thể thao, chăm sóc thiếu niên nhi đồng là con em của cán bộ nhân viên Công ty thông qua các tổ chức đoàn thể của Công ty.

Bảng 41: Mức thu nhập bình quân của người lao động trong công ty

	Đơn vị tính	2013	2014	9 tháng 2015
Mức thu nhập bình quân	Đồng/người/tháng	8.971.000	10.160.000	9.660.000

Nguồn: SDFC

11. Chính sách cổ tức

HDQT có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình ĐHĐCĐ. Phương án này được xây dựng trên cơ sở lợi nhuận sau thuế mà Công ty thu được từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, sau khi đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành, Công ty cũng xét tới kế hoạch và định hướng kinh doanh, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tới để đưa ra mức cổ tức hợp lý.

Tỷ lệ cổ tức 03 năm gần nhất như sau: Từ năm 2013 đến nay, do lợi nhuận đạt thấp nên Công ty không chia cổ tức mà để lại bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh.

12. Tình hình tài chính

Bảng 42: Một số chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	9 tháng 2015
1. Vốn tự có (triệu đồng)	767.602	773.754	775.971

Vốn điều lệ (triệu đồng)	686.000	686.000	686.000
Tỷ lệ an toàn vốn (%)	47,9%	59,0%	85,7%
2. Chất lượng tài sản			
Tỷ lệ nợ xấu (%)	6,96%	8,81%	81,72%
(Số dư các khoản cho vay và ứng trước khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản (%)	15,10%	13,40%	61,10%
Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng (%)	87,0%	79,9%	80,7%
3. Kết quả hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (%)	1,52%	1,67%	-0,59%
Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập (%)	1,1%	0,001%	0,0%
Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế (%)	16,5%	0,008%	0,0%
4. Khả năng thanh khoản			
Khả năng thanh toán ngay (%)	0,60%	5,80%	4%
Khả năng thanh toán trong vòng 7 ngày (lần)	0,04	0,14	-
Khả năng thanh toán trong vòng 30 ngày (%)	-	-	7,20%
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn (%)	0	0	0

Nguồn: SDFC

13. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ
	Hội đồng quản trị	
1	Lê Quốc Minh	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Đặng Anh Vinh	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
3	Phùng Quang Tuyên	Thành viên Hội đồng quản trị
4	Trần Thị Thanh Hương	Thành viên Hội đồng quản trị
5	Trần Tuấn Linh	Thành viên Hội đồng quản trị
	Ban Tổng Giám đốc	
1	Đặng Anh Vinh	Tổng Giám đốc
2	Tạ Duy Sơn	Phó Tổng Giám đốc
3	Trần Tiến Đạt	Phó Tổng Giám đốc
	Ban Kiểm soát	
1	Nguyễn Minh Cường	Trưởng Ban kiểm soát
2	Vũ Văn Doanh	Thành viên Ban kiểm soát
3	Nguyễn Thị Việt Oanh	Thành viên Ban kiểm soát
4	Phạm Thị Nhân	Thành viên Ban kiểm soát
	Kế toán trưởng	
	Đặng Xuân Cảnh	Kế toán trưởng

13.1 Hội đồng quản trị

❖ Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và tên : **Lê Quốc Minh**

Giới tính : Nam

Số CMND : 013401779 Ngày cấp : 07/11/2011 Nơi cấp : Hà Nội

Ngày sinh : 30/9/1979 Nơi sinh : Vĩnh Phúc

Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : 68 B3 Khu tập thể học Viện Tài chính kế toán – Tổ 10 Cầu Diễn – Từ Liêm- Hà Nội

Địa chỉ hiện tại : C8, TT học viện kỹ thuật quân sự , Từ Liêm, Hà Nội

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác :

- 2002 - 2005 : Ngân hàng kỹ thương Việt Nam – Techcombank
 - Chuyên viên Khách hàng Doanh nghiệp – TT Kinh doanh
 - Phó phòng Doanh nghiệp – CN Đông Đô
- T6/2005- T12/2005 : Trưởng phòng Quan hệ Khách hàng – VP Bank – Chi nhánh Chương Dương
- T1/2006-T6/2006 : Phó Phòng KH Doanh nghiệp – MB Bank , Sở Giao dịch
- T6/2006-T3/2008 : Trưởng Phòng KH Doanh nghiệp – MB Bank, Chi nhánh Điện Biên Phủ
- T3/2008-T12/2009 : Trưởng Phòng Khách hàng Lớn – MB Bank, Khối Khách hàng Lớn
- T12/2009-T4/2011 : Giám đốc – MB Bank, Chi nhánh Ninh Bình
- T4/2011 – T11/2012 : Phó Giám đốc
 - Phó giám đốc Phụ trách Khối Khách hàng lớn – MB Bank
- T11/2012 đến nay : Giám đốc Khối khách hàng lớn – MB Bank
- T11/2012 – T5/2015 : Phó Chủ tịch HĐQT Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Quân đội
- T6/2013 đến nay : Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại Công ty :

- Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác :

– Giám đốc Khối khách hàng lớn – MB Bank

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	:	8.800.000 cổ phần, chiếm 12,83% vốn điều lệ
Trong đó: Sở hữu cá nhân	:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Đại diện sở hữu phần vốn của MB Bank	:	8.800.000 cổ phần, chiếm 12,83% vốn điều lệ
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty	:	MB Bank sở hữu 8.800.000 cổ phần, chiếm 12,83% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty	:	Thù lao của thành viên HĐQT
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không

❖ **Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc**

Họ và tên	:	Đặng Anh Vinh		
Giới tính	:	Nam		
Số CMND	:	011856371	Ngày cấp	: 01/10/2007
			Nơi cấp	: Hà Nội
Ngày sinh	:	30/03/1977	Nơi sinh	: Hà Nội
Quốc tịch	:	Việt Nam	Dân tộc	: Kinh
Địa chỉ thường trú	:	Tổ 23 Thị trấn Đông Anh – Huyện Đông Anh – TP Hà Nội		
Địa chỉ hiện tại	:	P501 Nhà A – Chung cư An Sinh – Tổ 20 – Thị trấn Cầu Diễn – Từ Liêm – Hà Nội		
Trình độ chuyên môn	:	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh		
Quá trình công tác	:			
–	T12/1999 – T01/2002	:	Kế toán tổng hợp Công ty BOT thủy điện Cần Đơn – TCT Sông Đà	
–	T02/2002 – T10/2002	:	- Phó Kế toán trưởng Công ty BOT thủy điện Cần Đơn - Bí thư Đoàn TN Công ty BOT thủy điện Cần Đơn - Ủy viên thường vụ Đoàn TN TCT Sông Đà từ T6/2002	
–	T10/2002 – T10/2004	:	- Kế toán trưởng Công ty BOT thủy điện Cần Đơn - Ủy viên BCH Đảng bộ Công ty, Bí thư Chi bộ Kinh tế Tài chính - UV thường vụ Đoàn TN TCT Sông Đà, Bí thư Đoàn TN Công ty	

- T10/2004 – T6/2006 :
 - Kế toán trưởng Công ty CP thủy điện Cần Đơn – TCT Sông Đà
 - Ủy viên BCH Đảng bộ Công ty, Bí thư Chi bộ Kinh tế Tài chính
 - UV thường vụ Đoàn TN TCT Sông Đà, Bí thư Đoàn TN Công ty

- T6/2006 – T7/2007 :
 - Phó Bí thư thường trực Đoàn TN TCT Sông Đà
 - Kế toán trưởng BQL DA đường từ VĐ3 đến đường Láng Hòa Lạc – TCT Sông Đà (từ T10/2006-T07/2007)
 - Kế toán trưởng BQL DA Tòa nhà hỗn hợp HH4 Mỹ Đình – TCT Sông Đà (từ T03/2007-T8/2007)

- T7/2007 - T3/2010 :
 - Bí thư Đoàn TN TCT Sông Đà; Chủ tịch Hội LHTN TCT Sông Đà từ T8/2008
 - Ủy viên BCH Đảng bộ TCT Sông Đà từ T11/2008
 - UV Ủy Ban TW Hội LHTN Việt Nam từ T01/2009 đến T8/2009
 - Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Sông Đà 11

- T3/2010 - T10/2012 :
 - Kiểm soát viên Tập đoàn Sông Đà
 - Bí thư Đoàn TN Tập đoàn Sông Đà đến T8/2012
 - Chủ tịch Hội LHTN Tập đoàn Sông Đà
 - Ủy viên BCH TW Đoàn TNCS Hồ Chí Minh từ T7/2010
 - Ủy viên Đoàn Chủ tịch Ủy Ban TW Hội LHTN Việt Nam
 - Ủy viên BCH Đảng bộ Tập đoàn Sông Đà
 - Phó Bí thư Đảng bộ Cơ quan Tập đoàn Sông Đà từ T8/2010
 - Phó Kế toán trưởng kiêm Phó Giám đốc Ban Tài chính Kế toán Tập đoàn Sông Đà từ T12/2011
 - Trưởng BKS Công ty CP Sông Đà 11; Trưởng Kiểm soát viên Công ty TNHHNN 1 thành viên Hạ tầng Sông Đà; Trưởng BKS Công ty CP Sông Đà 2;

- T10/2012 – T2/2013 :
 - Ủy viên BCH TW Đoàn TNCS Hồ Chí Minh đến T12/2012
 - Ủy viên BCH Đảng bộ TCT Sông Đà, Phó Bí thư Đảng bộ Cơ quan TCT
 - Phó Kế toán trưởng kiêm Phó Giám đốc Ban Tài chính Kế toán TCT Sông Đà
 - Kiểm soát viên TCT Sông Đà;
 - Trưởng BKS Công ty CP Sông Đà 11; Trưởng Kiểm soát viên Công ty TNHHNN 1 thành viên Hạ tầng Sông Đà; Trưởng BKS Công ty CP Sông Đà 2; Trưởng BKS CTCP Sông Đà Hà Nội.

- T3/2013 đến nay Tổng Giám đốc Công ty
- T6/2013 đến nay Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại Công ty :

- Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác :

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ : 19.030.000 cổ phần, chiếm 27,81% vốn

Trong đó: Sở hữu cá nhân : 30.000 cổ phần, chiếm 0,04% vốn điều lệ

Đại diện sở hữu phần vốn của
Tổng Công ty Sông Đà : 19.000.000 cổ phần, chiếm 27,7% vốn điều lệ

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty :

- Em trai Đặng Thanh Quang, sở hữu 6.000 cổ phần SDFC, chiếm 0,009% vốn điều lệ
- Tổng công ty Sông Đà sở hữu 19.000.000 cổ phần, chiếm 27,7% vốn điều lệ

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty :

Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch : Không

❖ Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên : **Phùng Quang Tuyên**

Giới tính : Nam

Số CMND : 011954497 Ngày cấp : 01/04/2011 Nơi cấp : Hà Nội

Ngày sinh : 13/09/1976 Nơi sinh : Hà Nội

Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Số nhà 136 Tập thể Đại học Tài chính kế toán – Tổ 10 Cầu Diễn – Từ Liêm – Hà Nội

Địa chỉ hiện tại : Số nhà 136 Tập thể Đại học Tài chính kế toán – Tổ 10 Cầu Diễn – Từ Liêm – Hà Nội

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác :

- 2000-2001 : Chuyên viên Phòng TCKT Công ty Sông Đà 6 – Tổng công ty Sông Đà
- 2001 - 11/2003 : Phó phòng Tài chính kế toán Chi nhánh Công ty Sông Đà 6 tại Thừa Thiên Huế
Kế toán trưởng Chi nhánh Công ty Sông Đà 6 tại Thừa Thiên Huế
- T 11/2003 – 3/2004 : Kế toán trưởng Công ty cổ phần phát triển công nghệ cơ khí – Tổng công ty Sông Đà
- T 4/2004 – 11/2005 : Phó Kế toán trưởng Công ty Sông Đà 1 – Tổng công ty Sông Đà
- T 12/2005 – 06/2009 : Trưởng phòng Tài chính Kế toán Ban điều hành dự án Thủy điện Huội Quảng - Tổng công ty Sông Đà
- T 07/2009 – 10/2013 : Kế toán trưởng Công ty cổ phần Sông Đà Hoàng Long - Tổng công ty Sông Đà
- T 11/2013 đến nay : Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH 2 thành viên BOT Quốc Lộ 1A Cienco4 và Tổng công ty 319.
- T 6/2013 đến nay : Thành viên HĐQT độc lập của SDFC

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức giao dịch :

- Thành viên HĐQT

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác :

- Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH 2 thành viên BOT Quốc Lộ 1A Cienco4 và Tổng công ty 319.

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ : 7.500 cổ phần, chiếm 0,01% vốn điều lệ

Trong đó: Sở hữu cá nhân : 7.500 cổ phần, chiếm 0,01% vốn điều lệ

Đại diện sở hữu phần vốn : Không

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty : Không

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty : Thù lao của thành viên HĐQT

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

❖ Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên : Trần Thị Thanh Hương

Giới tính : Nữ
 Số CMND : 025202134 Ngày cấp : 14/09/2009 Nơi cấp : HCM
 Ngày sinh : 17/9/1968 Nơi sinh : Hải Phòng
 Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh
 Địa chỉ thường trú : 62/29/11A, Đường Lâm Văn Bền, Phường Tân Kiểng, Quận 7, TP HCM
 Địa chỉ hiện tại : 62/29/11A, Đường Lâm Văn Bền, Phường Tân Kiểng, Quận 7, TP HCM
 Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ, Kỹ sư kinh tế
 Quá trình công tác :
 – 08/1995 - 12/1995 : Kế toán viên - Công ty thủy tinh Hải phòng
 – 12/1995-01/1997 : Kế toán viên - Công ty TNHH thủy tinh San Miguel – Yamamura- Hải phòng
 – 07/1997 - 12/1999 : Kế toán viên – Công ty Bảo hiểm thành phố Hồ Chí Minh (Bảo Minh)
 – 01/2000 - 07/2002 : Phó phòng Đầu tư - Công ty Bảo hiểm thành phố Hồ Chí Minh (Bảo Minh)
 – 07/2002 - 01/2005 : Phó Giám Đốc ban Kế hoạch - Tổng Công ty CP Bảo Minh
 – 02/2005 - 11/2008 : Giám Đốc ban Kế hoạch - Tổng Công ty CP Bảo Minh
 – 11/2008 - 06/2013 : Chánh Văn Phòng - Tổng Công ty CP Bảo Minh
 – 07/2013 đến nay : Giám đốc Ban Đầu tư - Tổng Công ty CP Bảo Minh
 – 26/6/2014 đến nay : Thành viên HĐQT
 Chức vụ hiện đang nắm giữ tại Công ty :
 – Thành viên HĐQT
 Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác :
 – Giám đốc Ban Đầu tư - Tổng Công ty CP Bảo Minh
 Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ : 8.000.000 cổ phần, chiếm 11,66% vốn điều lệ
 Trong đó: Sở hữu cá nhân : Không
 Đại diện sở hữu phần vốn của Tổng Công ty CP Bảo Minh : 8.000.000 cổ phần, chiếm 11,66% vốn điều lệ

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty : Tổng Công ty cổ phần Bảo Minh sở hữu 8.000.000 cổ phần, chiếm 11,66% vốn điều lệ

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty : Thù lao của thành viên HĐQT

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

❖ **Thành viên Hội đồng quản trị**

Họ và tên : **Trần Tuấn Linh**

Giới tính : Nam

Số CMND : 013001387 Ngày cấp : 7/4/2011 Nơi cấp : Hà Nội

Ngày sinh : 05/09/1974 Nơi sinh : Nam Định

Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : P604-A1 tầng 6, lô 3B, ngõ 83 Trường Chinh, Thanh Xuân, Hà Nội

Địa chỉ hiện tại : P604-A1 tầng 6, lô 3B, ngõ 83 Trường Chinh, Thanh Xuân, Hà Nội

Trình độ chuyên môn : Tiến sĩ Kinh tế

Quá trình công tác :

- 11/1996 - 05/1998 : Nhân viên Phòng Kế toán Công ty XDCT Ngầm Sông Đà 10 tại Yaly
- 06/1998 - 11/1999 : Kế toán trưởng Chi nhánh Công ty XD Sông Đà 10 tại miền Nam
- 12/1999 - 05/2000 : Phó KTT Phòng kế toán Công ty XD Sông Đà 10 tại Yaly
- 06/2000 - 05/2001 : Kế toán trưởng Chi nhánh Công ty XD Sông Đà 10 tại Tây Nguyên
- 06/2001 - 12/2001 : Kế toán trưởng Chi nhánh Công ty XD Sông Đà 10 tại miền Bắc
- 01/2002 - 04/2010 : Kế toán trưởng Công ty CP Sông Đà 10
- 05/2010 - nay : Phó TGĐ Công ty CP Sông Đà 10
- 26/6/2014 đến nay : Thành viên HĐQT

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại Công ty :

– Thành viên HĐQT

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác :

– Phó TGD Công ty CP Sông Đà 10

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ : 8.000 cổ phần

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty : Không

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty : Thù lao của thành viên HĐQT

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

13.2 Ban Tổng Giám đốc

❖ **Tổng Giám đốc - Ông Đặng Anh Vinh - SYLL như trên**

❖ **Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên : **Tạ Duy Sơn**

Giới tính : Nam

Số CMND : 013117281 Ngày cấp : 12/9/2008 Nơi cấp : Hà Nội

Ngày sinh : 05/3/1976 Nơi sinh : Thái Bình

Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Số 3 ngách 495/3 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

Địa chỉ hiện tại : Số 3 ngách 495/3 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ QTKD, Cử nhân TCKT

Quá trình công tác :

– T2/1997 – T11/1998 : Kế toán tổng hợp - Công ty XD Sông Đà 4

– T12/1998 – T6/2000 : Kế toán tổng hợp Công ty BOT thủy điện Cần Đơn – TCT Sông Đà

– T7/2000 – T9/2001 : Kế toán trưởng CN Công ty XD Sông Đà 7 tại Yaly;

– T10/2001 – T8/2005 : Kế toán trưởng Công ty Sông Đà 3

– T9/2005 – T5/2008 : Kế toán trưởng Đại diện TCT Sông Đà tại Miền Trung;

Kế toán trưởng Ban điều hành Dự án thủy điện Sê San 3.

- T6/2008 – T2/2011 : Trưởng phòng Tín dụng Công ty Tài chính cổ phần Sông Đà
- T3/2011 đến nay : Phó Tổng giám đốc SDFC

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại Công ty :

- Phó Tổng giám đốc

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác :

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ : 120.000 cổ phần

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty :

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký giao dịch :

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

❖ **Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên : **Trần Tiến Đạt**

Giới tính : Nam

Số CMND : 012526899 Ngày cấp : 22/5/2008 Nơi cấp : Hà Nội

Ngày sinh : 15/10/1981 Nơi sinh : Yên Bái

Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Nhà 5 –A10, Tập thể trường Nguyễn Ái Quốc 10, Tổ 1C, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Hà Nội

Địa chỉ hiện tại : Xóm Đình, thôn Phú Thứ, xã Tây Mỗ, Từ Liêm, Hà Nội

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác :

- 05/2004 – 5/2007 : Chuyên viên Phòng Tài chính - Tổng công ty Sông Đà
- 5/2007 – 07/2008 : Chuyên viên Ban trụ bị thành lập Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà
- 06/2008 - 08/2008 : Thư ký Hội đồng quản trị - Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà

- 08/2008 – 11/2008 Phó Phòng Đầu tư - Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà
- 12/2009 – 01/2009 Phó Phòng Tín Dụng – Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà
- 02/2009 – 02/2011 Phó Phòng Nguồn Vốn – Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà
- 03/2011 – 04/2012 Trưởng Phòng Đầu tư – Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà
- T05/2012 đến nay Phó Tổng giám đốc Công ty

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại Công ty :

- Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ : Không

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty :

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty : Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

13.3 Ban kiểm soát

❖ Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên : **Nguyễn Minh Cường**

Giới tính : Nam

Số CMND : 022925024 Ngày cấp : 1/3/2005 Nơi cấp : HCM

Ngày sinh : 18/03/1970 Nơi sinh : Hà Nội

Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : 118/148F Bạch Đằng, Phường 24, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

Địa chỉ hiện tại : 118/148F Bạch Đằng, Phường 24, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác :

- 10/1993 – 06/1994 : Chuyên viên Ngân hàng Nhà nước chi nhánh HCM
- 06/1994 – 10/1995 : Chuyên viên Sở tài chính Thành phố Hồ Chí Minh
- 10/1995 – 8/2013 : Chuyên viên Tổng công ty cổ phần Bảo Minh; Phó Giám đốc

Ban Đầu tư Tổng công ty cổ phần Bảo Minh

- 5/2008 – 5/2013 : Thành viên BKS SDFC
- 9/2013 - nay : Quyền Tổng giám đốc Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Minh
- 6/2013 - nay : Trưởng Ban kiểm soát SDFC

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại Công ty :

- Trưởng Ban kiểm soát

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác :

- Quyền Tổng giám đốc Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Minh
- Thành Viên Ban kiểm soát Công ty CP Khách Sạn Sài Gòn Kim Liên

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ : Không

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty : Không

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty : Thù lao của thành viên BKS

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

❖ **Thành viên Ban kiểm soát**

Họ và tên : **Vũ Văn Doanh**

Giới tính : Nam

Số CMND : 162733561 Ngày cấp : 26/2/2007 Nơi cấp : Nam Định

Ngày sinh : 12/4/1985 Nơi sinh : Nam Định

Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : xã Nam Lợi – huyện Nam Trực – tỉnh Nam Định

Địa chỉ hiện tại : 46 ngõ 192 – Kim Giang – Thanh Xuân – Hà Nội

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác :

- 6/2008 – 8/2009 : Cán bộ kế toán – Công ty Cổ phần Xây dựng TMC Bạch Đằng
- 9/2009 – 5/2013 : Chuyên viên Phòng Đầu tư & DVTC Công ty Tài chính CP Sông Đà

– 6/2013 đến nay : Thành viên Ban kiểm soát

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại Công ty :

– Thành viên Ban kiểm soát

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm : Không

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty : Không

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty : Thù lao của thành viên BKS

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

❖ **Thành viên Ban kiểm soát**

Họ và tên : **Nguyễn Thị Việt Oanh**

Giới tính : Nữ

Số CMND : 013245537 Ngày cấp : 10/12/2009 Nơi cấp : Hà Nội

Ngày sinh : 18/6/1981 Nơi sinh : Phú Thọ

Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Số 80B, ngõ 15, phố Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

Địa chỉ hiện tại : Phòng 3G1, nhà CT4, Khu đô thị Văn Khê, quận Hà Đông, Hà Nội

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác :

- 2004-2006 : Chuyên viên Phòng quản lý chi nhánh – Khối quản lý mạng lưới Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt nam
- 2006-2008 : Chuyên viên Phòng đầu tư & Quản lý dự án MB Bank
- 2008-2009 : Chuyên viên Phân tích đầu tư Khối đầu tư MB Bank
- 2009 - T2/2012 : Phó phòng Phân tích & Tư vấn đầu tư – Khối đầu tư MB Bank
- T2/2012 – T5/2013 : Phó phòng Đầu tư – Khối Đầu tư MB Bank
- T5/2013 – nay : Trưởng phòng đầu tư chiến lược – Ban đầu tư MB Bank

- T10/2012 – T4/2014 : Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư MB
- T4/2014 – nay : Thành viên HĐQT Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư MB
- T5/2008 đến nay : Thành viên Ban kiểm soát SDFC

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại Công ty :

- Thành viên Ban kiểm soát

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác :

- Thành viên HĐQT Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư MB
- Trưởng phòng Đầu tư chiến lược – Ban đầu tư MB Bank

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ : 10.000

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty : Không

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty : Thù lao của thành viên BKS

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

❖ Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên : **Phạm Thị Nhân**

Giới tính : Nữ

Số CMND : 183480455 Ngày cấp : 24/5/2011 Nơi cấp : Hà Tĩnh

Ngày sinh : 08/4/1986 Nơi sinh : Hà Tĩnh

Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Khối 5 – Thị trấn Phố Châu – Huyện Hương Sơn – Tỉnh Hà Tĩnh

Địa chỉ hiện tại : Phòng 306A – Tập thể Bánh kẹo Hải Hà – ngách 29 – ngõ Giáp Bát – quận Hoàng Mai – TP Hà Nội.

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác :

- 4/2009 – 9/2009 : Chuyên viên phòng Kế hoạch thị trường - Công ty Tài chính cổ phần Sông Đà
- 9/2009 – 3/2010 : Chuyên viên Tổ thẩm định độc lập - Công ty Tài chính CP Sông Đà

- 3/2010 – 10/2010 : Chuyên viên Phòng Quản lý rủi ro - Công ty Tài chính CP Sông Đà
- 10/2010 – 5/2013 : Chuyên viên Kiểm toán nội bộ - Công ty tài chính CP Sông Đà
- 6/2013 đến nay : Thành viên Ban kiểm soát

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại Công ty :

- Thành viên Ban kiểm soát

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ : Không

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty : Không

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty : Thù lao của thành viên BKS

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

13.4 Kế toán trưởng

Họ và tên : **Đặng Xuân Cảnh**

Giới tính : Nam

Số CMND : 013224318 Ngày cấp : 16/8/2012 Nơi cấp : Hà Nội

Ngày sinh : 12/1/1976 Nơi sinh : Nam Định

Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Số 52 ngõ 160 Lương Thế Vinh – Thanh Xuân Bắc – Thanh Xuân – Hà Nội

Địa chỉ hiện tại : Số 52 ngõ 160 Lương Thế Vinh – Thanh Xuân Bắc – Thanh Xuân – Hà Nội

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Kinh tế

Quá trình công tác :

- 12/1999–7/2003 : Chuyên viên Phòng Tài chính kế toán – Tổng công ty Sông Đà
- 8/2003-7/2004 : Phó Kế toán trưởng Công ty BOT Hầm đường bộ qua đèo Ngang - Tổng công ty Sông Đà
- 8/2004-5/2007 : Chuyên viên Phòng Tài chính – TCT Sông Đà

- 6/2007 – 4/2008 : Thành viên Ban trụ bị thành lập Công ty Tài chính cổ phần Sông Đà
- 5/2008 – 9/2009 : Trưởng phòng Kiểm tra kiểm soát nội bộ, Trưởng phòng Kế hoạch Thị trường Công ty Tài chính cổ phần Sông Đà
- 9/2009 – 2/2011 : Phó trưởng phòng Đầu tư và Dịch vụ tài chính Công ty Tài chính cổ phần Sông Đà
- 3/2011 - 10/2013 : Trưởng phòng Quản lý rủi ro Công ty Tài chính cổ phần Sông Đà
- 11/2013 đến nay : Kế toán trưởng

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại Công ty :

- Kế toán trưởng

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ : Không

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty : Không

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty : Không

Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch : Không

14. Tài sản

Bảng 43: Tình hình Tài sản cố định tại ngày 31/12/2014

Đơn vị: đồng

Khoản mục	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
TSCĐ hữu hình	4.150.876.017	4.026.052.566	124.823.451
Máy móc thiết bị	1.399.353.599	1.335.364.317	63.989.282
Phương tiện vận tải	2.513.958.782	2.512.341.386	1.617.396
Thiết bị dụng cụ quản lý	237.563.636	178.346.863	59.216.773
TSCĐ vô hình (phần mềm kế toán, phần mềm báo cáo thống kê)	2.076.771.873	1.782.721.696	294.050.177
Tổng	6.227.647.890	5.808.774.262	418.873.628

Nguồn: BCTD KT năm 2014 SDFC

Bảng 44: Tình hình Tài sản cố định tại ngày 30/09/2014

Đơn vị: đồng

Khoản mục	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
TSCĐ hữu hình	4.150.876.017	4.072.274.510	78.601.507
Máy móc thiết bị	1.399.353.599	1.368.071.149	31.282.450
Phương tiện vận tải	2.513.958.782	2.513.958.782	0
Thiết bị dụng cụ quản lý	237.563.636	190.244.579	47.319.057
TSCĐ vô hình (phần mềm kế toán, phần mềm báo cáo thống kê)	2.076.771.873	1.862.721.697	214.050.176
Tổng	6.227.647.890	5.934.996.207	292.651.683

15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức có cổ phiếu được hoán đổi

Không có

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu được hoán đổi

Không có

VI. CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH

1. Loại cổ phần:

Cổ phần phổ thông

2. Mệnh giá:

10.000 đồng/cổ phần

3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán:

31.181.818 cổ phần

Trong đó:

- Phát hành cổ phiếu để phân phối bổ sung cho cổ đông hiện hữu của MB: 4.000.000 cổ phần
- Phát hành cổ phiếu hoán đổi cho các cổ đông (không bao gồm cổ đông là Ngân hàng TMCP Quân đội) của Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà: 27.181.818 cổ phần

4. Tỷ lệ chuyển đổi và căn cứ xác định tỷ lệ chuyển đổi

4.1 Tỷ lệ chuyển đổi

- Đối với cổ đông hiện hữu của MB, tỷ lệ được nhận bổ sung cổ phiếu là 1:0,0025. Như vậy, cổ đông hiện hữu của MB có tên trong danh sách cổ đông tại Ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện việc chuyển đổi, có sở hữu 1 cổ phần MBB sẽ được nhận bổ sung 0,0025 cổ phần của MB tại thời điểm phát hành cổ phiếu (tương đương 8.800.000 cổ phần của Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà mà MB sở hữu được chuyển đổi đổi thành 4.000.000 cổ phần của MB).
- Đối với các cổ đông của SDFC (không bao gồm cổ đông là Ngân hàng TMCP Quân đội), tỷ lệ chuyển đổi cổ phần là 2,2 : 1. Như vậy, cổ đông hiện hữu của SDFC có tên trong danh sách cổ đông tại Ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện việc chuyển đổi, có sở hữu 2,2 cổ phần SDF sẽ được chuyển đổi ngang bằng 1 cổ phần của MB tại thời điểm phát hành cổ phiếu (tương đương 59.800.000 cổ phần của các cổ đông Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà - không bao gồm cổ đông là MB - sẽ hoán đổi thành 27.181.818 cổ phần của MB).
- Số cổ phần MB mà mỗi cổ đông MB và cổ đông SDFC được nhận theo Tỷ lệ chuyển đổi nêu trên sẽ được làm tròn xuống số nguyên gần nhất. Số cổ phần lẻ phát sinh do làm tròn được ủy quyền cho Hội đồng quản trị MB quyết định phương án xử lý, phù hợp với quy định của Pháp luật.

4.2 Căn cứ xác định tỷ lệ chuyển đổi

Tỷ lệ hoán đổi được xác định trên cơ sở so sánh tương quan giá trị của một cổ phần SDFC và một cổ phần MB được xác định theo giá trị sổ sách và giá giao dịch cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, cụ thể:

▪ Giá trị một cổ phần SDFC làm căn cứ xác định tỷ lệ chuyển đổi

- a. Giá giao dịch trung bình trên thị trường của cổ phiếu SDFC tính theo trọng số là khối lượng giao dịch của cổ phiếu SDFC trên thị trường chứng khoán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 là 4.470 đồng/1 cổ phần.
- b. Giá trị sổ sách của cổ phiếu SDFC tại thời điểm 30/06/2015 theo Báo cáo tài chính soát xét bán niên = $\text{Vốn chủ sở hữu} / \text{Số cổ phần đang lưu hành} = 783.207.506.652 / 68.600.000 = 11.417$ đồng/cổ phần.

- c. Giá trị một cổ phần SDFC làm căn cứ xác định tỷ lệ chuyển đổi được tính bình quân theo tỷ trọng 65% Giá giao dịch trung bình 6 tháng đầu năm và 35% Giá trị sổ sách tại ngày 30/06/2015. Do vậy, Giá trị một cổ phần SDFC làm căn cứ xác định Tỷ lệ chuyển đổi là: $35\% \times 11.417 + 65\% \times 4.470 = 6.901$ đồng/cổ phần.

▪ **Giá trị một cổ phần MB làm căn cứ xác định tỷ lệ chuyển đổi**

- a. Giá giao dịch trung bình trên thị trường của cổ phiếu MB tính theo trọng số là khối lượng giao dịch của cổ phiếu MB trên thị trường chứng khoán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 là 14.328 đồng/1 cổ phần.
- b. Giá trị sổ sách của cổ phiếu MB tại thời điểm 30/06/2015 theo Báo cáo tài chính soát xét bán niên = $\text{Vốn chủ sở hữu/Số cổ phần đang lưu hành} = 17.765.729.000.000/1.159.393.800 = 15.323$ đồng/cổ phần.
- c. Giá trị một cổ phần MB làm căn cứ xác định tỷ lệ chuyển đổi được tính bình quân theo tỷ trọng 65% Giá giao dịch trung bình 6 tháng đầu năm và 35% Giá trị sổ sách tại ngày 30/06/2015. Do vậy, Giá trị một cổ phần MB làm căn cứ xác định Tỷ lệ chuyển đổi là: $65\% \times 14.328 + 35\% \times 15.323 = 14.676$ đồng/cổ phần.

Tỷ lệ chuyển đổi cổ phần SDF và MBB do đó được xác định bằng $14.676/6.901 = 2,127$ và được làm tròn lên ở mức 2,2 cổ phần SDF đổi lấy 1 cổ phần MBB.

5. Đối tượng chuyển đổi

Toàn bộ cổ đông hiện hữu có tên trong Danh sách cổ đông tại Ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện việc hoán đổi của Công ty Tài chính cổ phần Sông Đà và Ngân hàng TMCP Quân đội sẽ được hoán đổi cổ phiếu và nhận bổ sung cổ phiếu theo tỷ lệ đã trình bày ở trên.

6. Thời gian dự kiến phát hành:

Quý IV/2015 – Quý I/2016 và có thể gia hạn (nếu cần) theo chấp thuận của các cơ quan quản lý nhà nước.

7. Phương thức phân phối

Việc phân phối cổ phiếu sẽ được thực hiện ngay sau khi được UBCKNN chấp thuận phát hành, nhưng không được vượt quá 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận chào bán có hiệu lực. Thời gian phân phối cụ thể như sau:

Bước	Công việc	Thời gian (ngày làm việc)
1	Ngân hàng TMCP Quân đội nhận Giấy chứng nhận phát hành cổ phiếu từ UBCKNN	T
2	Công bố thông tin về đợt phát hành theo quy định	T+1 đến T+7
3	Ngân hàng TMCP Quân đội gửi hồ sơ đến VSD thông báo chốt Danh sách cổ đông thực hiện quyền nhận cổ phiếu phát hành thêm Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà thông báo chốt danh sách cổ đông để hoán đổi cổ phiếu (Danh sách cổ đông của Ngân hàng TMCP Quân đội và Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà sẽ được chốt cùng thời điểm. Ngày chốt Danh sách cổ đông để phát hành cổ phiếu hoán đổi đảm bảo tối thiểu 10 ngày làm việc kể từ gửi thông báo lên VSD)	T+2
4	Ngày chốt danh sách	T+12
5	Ngân hàng TMCP Quân đội nhận Danh sách cổ đông thực hiện quyền nhận cổ phiếu phát hành thêm Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà nhận danh sách cổ đông để hoán đổi cổ phiếu	T+15
6	Ngân hàng TMCP Quân đội và Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà phân phối cổ phiếu cho cổ đông	T+20
7	Báo cáo kết quả phát hành lên UBCKNN	T+20 đến T+ 23
8	Nộp hồ sơ đăng ký chứng khoán và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm	T+23 đến T +26
9	VSD và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh xử lý, chấp thuận lưu ký và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm	T+26 đến T+36
10	Cổ phiếu phát hành thêm chính thức giao dịch	T+41

8. Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Nghị định số 01/2014/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 03/01/2014 quy định về nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam quy định về giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phần ngân hàng thương mại đối với nhà đầu tư nước ngoài như sau:

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một cá nhân nước ngoài không được vượt quá 5% vốn điều lệ của MB.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một tổ chức nước ngoài không được vượt quá 15% vốn điều lệ của MB trừ trường hợp quy định tại Điểm c Mục này.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một nhà đầu tư chiến lược nước ngoài không được vượt quá 20% vốn điều lệ của MB.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một nhà đầu tư nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư nước ngoài đó không được vượt quá 20% vốn điều lệ của MB.
- Tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá 30% vốn điều lệ của MB.

Trong trường hợp đặc biệt để thực hiện cơ cấu lại tổ chức tín dụng yếu kém, gặp khó khăn, bảo đảm an toàn hệ thống tổ chức tín dụng, Thủ tướng Chính phủ quyết định tỷ lệ sở hữu cổ phần của một tổ chức nước ngoài, một nhà đầu tư chiến lược nước ngoài, tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài tại một tổ chức tín dụng cổ phần yếu kém được cơ cấu lại vượt quá giới hạn quy định tại các Điểm b, c, e Mục này đối với từng trường hợp cụ thể.

Theo Công văn số 3501/UBCK-PTTT ngày 21/10/2011 của UBCKNN về việc khóa một phần room của cổ phiếu MB khi niêm yết, UBCKNN đã đồng ý cho MB sử dụng giới hạn tỷ lệ sở hữu dành cho nhà đầu tư chiến lược nước ngoài khi thực hiện niêm yết cổ phiếu MB tại SGDCK TP. Hồ Chí Minh như sau:

Dành hạn mức 20% tổng số cổ phiếu đang lưu hành của MB để bán cho đối tác chiến lược nước ngoài nắm giữ khi cổ phiếu MB đưa vào niêm yết (tỷ lệ room 20% này sẽ được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán khóa lại và sẽ được mở giao dịch khi MB công bố/báo cáo đối tác chiến lược nước ngoài);

Hạn mức 10% còn lại (trong tổng số 30% cổ phiếu đang lưu hành của MB được sở hữu bởi nhà đầu tư nước ngoài) sẽ được mua bán tự do khi cổ phiếu MB đưa vào niêm yết giao dịch trên SGDCK TP. Hồ Chí Minh.

Tại thời điểm 30/9/2015, tỷ lệ cổ phiếu do nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ là 10 % vốn điều lệ MB.

Do giới hạn tỷ lệ nhà đầu tư nước ngoài tại SDFC là 49% vốn điều lệ, trong trường hợp việc phát hành cổ phiếu để hoán đổi với các cổ đông của SDFC dẫn đến tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại MB vượt quá 10%, MB cam kết khi thực hiện bán cho đối tác chiến lược nước ngoài sẽ điều chỉnh giảm tỷ lệ bán xuống dưới 20% (hiện tỷ lệ room 20% đang được Trung tâm lưu ký Chứng khoán khóa lại) nhằm đảm quy định về tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá 30% vốn điều lệ của MB.

9. Các loại thuế có liên quan

▪ Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo các quy định của pháp luật về thuế GTGT hiện hành.

▪ Thuế thu nhập doanh nghiệp:

Theo thông tư số 78/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành nghị định số 218/2013/NĐ-CP và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 18/3/2014, mức thuế thu nhập doanh nghiệp Ngân hàng phải chịu là 22% trên tổng lợi nhuận chịu thuế. Mức thuế này sẽ được giảm xuống 20% từ ngày 01/01/2016.

▪ Thuế khác:

Ngoài thuế GTGT, thuế thu nhập doanh nghiệp, Ngân hàng thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo quy định hiện hành của Nhà nước.

VII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT PHÁT HÀNH

1. TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH VÀ ĐẠI LÝ HOÁN ĐỔI:

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

Địa chỉ: Số 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3726 2600 Fax: (84-4) 3726 2601

Website : www.mbs.com.vn



2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Báo cáo tài chính năm 2013, 2014 được kiểm toán bởi:

Công ty TNHH KPMG Việt Nam

Điện thoại: (84-4) 3946 1600 Fax: (84-4) 3946 1601

Địa chỉ: Tầng 46, Tòa nhà Keangnam, Hà Nội

Website : www.kpmg.com.vn



VIII. Ý KIẾN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN

Thực hiện chủ trương tái cơ cấu hệ thống các Tổ chức tín dụng của Đảng và Chính phủ, để đảm bảo hoạt động an toàn, hiệu quả, đồng thời đảm bảo lợi ích của các cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà đã lựa chọn giải pháp tái cấu trúc Công ty bằng phương án sáp nhập với MB.

Việc sáp nhập SDFC với MB sẽ là một trong những cách để hỗ trợ các cổ đông nhà nước của Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà có thể triển khai thoái vốn đầu tư ngoài ngành theo định hướng của Chính phủ.

Ngoài ra thị trường tài chính tiêu dùng Việt Nam hiện đang là một thị trường tiềm năng, việc MB nhận sáp nhập SDFC sẽ hiện thực hóa được chiến lược phát triển mảng tín dụng tiêu dùng chuyên biệt, nhằm khai thác tiềm năng lớn của thị trường tài chính tiêu dùng tại Việt Nam; củng cố và xây dựng mô hình tài chính mạnh của MB, hướng tới việc đáp ứng ngày càng đa dạng nhu cầu của các khách hàng, đối tác.

Với tư cách là tổ chức tư vấn cho đợt phát hành cổ phiếu theo đề án sáp nhập đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà và Ngân hàng TMCP Quân đội thông qua, MBS đánh giá rằng, việc sáp nhập Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà và Ngân hàng TMCP Quân đội là phù hợp với chủ trương tái cơ cấu hệ thống ngân hàng và các công ty tài chính của Chính phủ, đảm bảo hoạt động an toàn, lành mạnh của hệ thống các tổ chức tín dụng, tăng khả năng cạnh tranh cho Ngân hàng sau sáp nhập. Việc phát hành cổ phần để hoán đổi với toàn bộ cổ đông của SDFC là phù hợp với mục tiêu đảm bảo sự thành công của Phương án sáp nhập.

IX. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I:

Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà và Ngân hàng TMCP Quân đội

2. Phụ lục II:

Bản sao hợp lệ Điều lệ của Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà và Ngân hàng TMCP Quân đội và Dự thảo Điều lệ của Ngân hàng TMCP Quân đội sau sáp nhập

3. Phụ lục III:

Bản sao hợp lệ Báo cáo tài chính kiểm toán riêng và hợp nhất của Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà và Ngân hàng TMCP Quân đội năm 2013, 2014 và BCTC riêng và hợp nhất của Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà và Ngân hàng TMCP Quân đội tại thời điểm 30/9/2015

4. Các phụ lục khác

